N° 69 Mars 1923

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

VĂN-CHƯƠNG TRONG LỐI HÁT Ả-ĐÀO(1)

Thưa các Ngài,

Tôi chẳng không biết đánh, đàn không biết gẩy, lên xuống các « xóm » cũng ít, quen biết « chị em » không nhiều, vậy mà dám diễn-thuyết về lối hát ả-đào, thật không khỏi mua lấy tiếng chê-cười của các khách « làng chơi », các tay sành nghệ. Vậy tôi cũng xin các ngài khoan-dung mà miễn-chấp cho tôi tuy không phải là « tay chơi » mà lạm-bình về nghề chơi.

Nhưng mà dù tránh được tiếng chê của các khách phong-lưu thời lại phải chịu búa-dìu của các nhà đạo - đức. Các ngài tất lấy lời nghiêm mà mắng rằng : « Ô hay ! lúc này giữa là lúc phong-hóa suy-đồi, các anh đáng phải nên gia-công mà vãn-hồi lấy đạo-đức, nay lại cổ-động những cách hát-xướng ăn-chơi, để-huề với bọn xướng-ca vô-loại, các anh thật là danh-giáo-chi-tội-nhân ! »

Nếu quả hư thân mất nết như thế, thời các ngài mắng cũng xin chịu. Nhưng hẳng xin

Để cho thưa một đôi lời dãi nào !

Hẳng xin cho giải nghĩa chữ *chơi* là thế nào.

Chơi cũng có năm bảy đường. Có cách chơi nhã, có cách chơi tục, có cách chơi thanh, có cách chơi thô, có cách chơi có nghĩa-lý văn-chương, có cách chơi bá-láp vô-vị ; có cách chơi dủ di-dưỡng tinh-tình, có cách chơi làm hư-hại nhân-cách. Chính sự chơi không phải là không hay, vì người ta có làm phải có chơi, có lao-lực phải có tiêu-khiển, nhưng trong cách chơi hay hay dở, nhã hay tục, thanh hay thô, là ở tự người chơi, ở tự phẩm-cách chí-thú của người chơi. Người chơi phong-nhã cao-thượng thời cách chơi cũng cao - thượng phong-nhã ; người chơi nhả - nhớt tục-tằn thời cách chơi cũng tục-tằn nhả - nhớt, mà người chơi láu-cá ba-que thời cách chơi cũng ba-que láu-cá. « Người sao quả chiêm-bao làm vậy », người sao cách ăn-chơi cũng vậy.

Cớ sao ngày nay hễ nói đến chuyện ả-đào thời các vị phu-nhân cau mặt, các nhà đạo-đức chau mày ? Cớ sao mà các cô đào-nương liễu-yếu kia, giá sinh-trưởng vào các nước văn-minh, chỉ vì giọng ca câu hát, có thể nổi danh tài-sắc một thì, ở vào nước ta, nhiều khi bị coi như cái quái-gở của xã-hội? Há phải lỗi tại các cô sao ? Há phải lỗi tại lối hát ả-đào sao ? Hay là chính lỗi tại các quan-viên ngày nay không có cái phẩm-cách, cái chí-thú như quan-viên đời xưa, mà để cho một lối chơi rất phong-nhã, rất thanh-tao biến thành một cuộc dâm-bôn, một bàn cớt-nhả ?

Người kỹ-nữ, cổ-lai ở nước nào cũng có. Ở nước Tàu và nước ta, vì nam-nữ cách - biệt nhau quá, người đàn bà không thường ra chỗ giao-tế trong xã-hội, nên những bậc văn-nhân tài-tử có cái tư-tưởng phóng-khoáng thường phải tìm những nơi ca-nhi kỹ-

(1) Diễn-thuyết ở tiệc tháng Hội Khai-Trí-Tiến-Đức ngày 29 tháng 3 năm 1923.

nữ để gửi cái khái phong-lưu. Sách *Khai-thiên di-sự* 開天遺事 chép rằng : « Đời nhà Đường ở Trường-an có xóm Bình-khang 平康, là chỗ kỹ-nữ ở, mỗi năm những ông tiến-sĩ mới đỗ đến đấy làm lễ *thích-cát* 釋褐 (nghĩa là cởi áo vải học trò, mặc áo lam ông nghè). Đời bấy giờ gọi chỗ ấy là nơi « phong-lưu-tẩu-trạch 風流藪澤.» Nước ta tuy không có cái tục ấy, nhưng các bậc văn hay chữ tốt, phong-nhã tài-tình ngày xưa, đến chơi hát nhà cô-đào, cũng lấy đấy làm chỗ « phong-lưu tẩu-trạch » vậy.

Cổ-nhân cho cái thói « áp-kỹ » 狎妓 là một cách phong-lưu, mà cả cái chơi của cổ-nhân cũng là gồm trong hai chữ *phong-lưu* đó. Phong-lưu là thế nào? Phong-lưu là như nước chảy, như gió qua, như tiếng lá ri-rào trên ngọn cây, như nước suối róc-rách dưới khe đá ; phong-lưu là gồm những cái thú êm-đềm mát-mẻ, khiến cho trong lòng được thư-thái, trong trí được thảnh-thơi, như đứng hóng mát trên bờ sông mà ngắm mảnh nhân-vân trôi theo giòng nước biếc vậy. Trong các thú «phong-lưu» thời còn thú gì «phong-lưu» bằng ngồi ngắm người đàn bà đẹp mà nghe giọng hát hay ? Cái sắc đẹp, cái tiếng hay, trong thế-gian còn có gì quí-báu bằng ? Mà biết thưởng-thức hai cái đó, còn có gì cao-thượng bằng ? Ấy cái chí-thú chơi của cổ-nhân là thế.

Nay tôi thử hỏi ai là người dám cho cách chơi đó là trái với đạo-đức ? Dễ chỉ có người nào không biết cảm cái sắc đẹp, cái tiếng hay, không có cái « mĩ-đích-cảm-tình » như trong sách triết-học nói, thời mới có cái gan như thế. Nhưng mà một người đến cái giác-quan tinh-mẫn nhất là cái giác-quan về sự đẹp cũng bế-tắc như thế, thời lời phán-đoán tưởng cũng không có giá-trị lắm vậy.

Vậy ta có thể yên-tâm mà bàn chuyện hát ả-đào, không sợ lời chê của khách phong-lưu, cũng không ngại búa-dìu của nhà đạo-đức. Duy xin nói trước rằng lời bàn đây là bàn về lối hát ả-đào hai ba mươi năm về trước, không phải bàn về lối hát ả-đào hiện bây giờ, — vì không cần phải nói ai cũng biết rằng cách ăn-chơi ở nước ta bây giờ, cũng như hết thảy các cách khác, đều là đương lúc suy-đồi cả, — và lại bàn riêng về « Văn-chương trong lối hát ả-đào », chứ không phải là nói về cái hình-thức của nghề hát, như cách gảy đàn, cách đánh trống, cách gõ phách, cách chuyển giọng, v. v.

Chủ-ý tôi là muốn đem những bài hát hay của các bậc văn-sĩ đời xưa đã soạn ra để phổ vào đàn-ca, để phát-biểu cái chí-thú chơi của các cụ đời xưa, chơi có nghĩa-lý, có văn-chương, có tinh-thần, có khí-khái, tuy cũng có khi liều-lĩnh đến « *phờ cả râu, trớn cả mắt* », mà « *long cả dải yếm, trụt cả giây lưng* » (1) của người ta, nhưng bao giờ cũng có cái dư-vị hào-hùng, là muốn « *chơi cho phỉ chí nam-nhi* », « *chơi cho rõ mặt ngang-tàng !* »

Trước hẵng xét qua về cỗi-rễ và thể-cách hát ả-đào, song cũng là xét phỏng mà thôi, vì sách-vở cũ của ta ngày nay không còn lại gì cả, nhất là về âm-nhạc, bây giờ muốn tra-cứu không biết dò-la ở đâu. Hỏi các ca-

(1) Trích ở bài « *Năm năm, tháng tháng, ngày ngày* » (mưỡu) của cụ Thượng Dương Khuê Văn-đình. — Các bài hát phần nhiều không có tên, hoặc tên là tự người sao-lục đặt ra. Vậy trong bài diễn-thuyết này, những câu nào trích ở bài nào thời cứ biên cái câu đầu bài ấy làm tên cả bài, như thế vừa dễ tìm dễ nhận; câu đầu ấy hoặc là câu đầu mưỡu hay là không có mưỡu thời là câu đầu hát.

công kỹ-nữ thời hầu hết là người vô-học, dẫu có truyền-khẩu biết được giăm ba điều, cũng là mập-mờ bấp-bông, vô-sử vô-sách, không lấy đâu làm bằng-cứ. Thẳng-hoặc có vài ba quyển sách thời kỳ-tái đã sơ-sài, sao-lục đã dối-dá, lại xuyên-tạc phụ-họa, biện-nạn một cách miễn-cưỡng, cố đem những cái trù-phạm cũ rích của sách tàu mà ghép vào các thanh-âm của ta, như *cung-huỳnh* là thuộc *Cung*, *hát trai* là thuộc *Thương*, *cung bắc* là thuộc *Giốc*, *cung nam* là thuộc *Chủy*, *hát gái* là thuộc *Vũ*; mà *Cung* là thuộc *Thổ*, *thương* là thuộc *Kim*, *Giốc* là thuộc *Mộc*, *Thủy* là thuộc *Hỏa*, *Vũ* là thuộc *Thủy*; thật là phiền-toái mà vô-nghĩa-lý.

Mà sự khuyết-lược ấy không phải mới tự bây giờ, xưa kia, ngay tự đời Lê, cũng đã thế rồi, đủ biết cái tính cẩu-thả của giống mình: làm cẩu-thả, học cẩu-thả, ăn cẩu-thả, mà chơi cũng cẩu-thả! Cụ Phạm Đình-Hồ 范廷琥 ở Đan-loan là một nhà dật-sĩ về đời Lê-mạt, làm sách *Vũ-trung tùy-bút* 雨中隨筆, trong có một thiên nói về «Âm-nhạc», kể qua lối đàn-hát của ta tự đời *Hồng-đức*, rồi than rằng đến đời cụ là đời *Cảnh-hưng* âm-nhạc đã thất-truyền rồi. Trong các sách cũ của ta, duy có bộ *Vũ-trung tùy-bút* đó là nói về âm-nhạc còn hơi tường một chút, vậy tôi trích dọc mấy đoạn để các ngài nghe, vì lối hát ả-đào chắc cũng là uyên-nguyên tự lối âm-nhạc cũ của tiền-triều vậy.

Trong lịch-sử nước ta, có lẽ đời *Hồng-đức* là đời thịnh-trị hơn cả; văn chữ văn nôm đời bấy giờ đều thịnh-hành, mà âm-nhạc cũng hồi ấy mới bắt đầu tổ-chức có thể-thống. Sách *Tùy-bút* nói rằng:

«Khoảng năm *Hồng-đức* nhà Lê (tức tây-lịch năm 1470) trên có vua Thánh-tôn là bậc thông-minh, lại có các quan đại-thần như là ông Thân Nhân-Trung 申仁忠, Đỗ Nhuận, 杜潤 Lương Thế-Vinh 梁世榮, là bậc học-vấn bác-hợp, làm quan tại triều, mới kê-cứu âm-nhạc nước Tàu, hiệp vào quốc-âm ta, đặt ra hai bộ Đồng-văn và Nhã-nhạc. Bộ Đồng-văn thời chuyên-tập âm-luật, bộ Nhã-nhạc thời chuyên-chuộng nhân-thanh, đều thuộc về quan Thái-thường cả. Đến như âm-nhạc chốn dân-gian thời đặt bộ giáo-phường coi giữ, nhã-nhạc với tục-nhạc không có hỗn-tạp với nhau. Song quan không có chuyên-chức, điển-cố không còn giữ được mấy. Đến năm *Quang-hưng* (tây-lịch năm 1578), vua Lê chỉ là hư-vị ngồi suông, bộ Đồng-văn và bộ Nhã-nhạc bui khi nào có lễ tế-giao hay là lễ triều-hạ gì lớn mới đúng đến, cho nên các con cháu nhà nghề âm-nhạc đều thất-nghiệp cả, tấu nhạc ở chốn triều-miếu thời chỉ là om-xôm loạn-bậy, không còn thành ra xoang-điệu gì. Từ đấy lối tục-nhạc ở chốn giáo-phường mới thịnh-hành, tế giao-miếu và lễ triều-hạ, cũng là chốn dân-gian có vào dâm tế-thần cũng dùng nhạc ấy cả. Kẻ nhạc-công quen tập những liễng dâm-thanh, xoang-điệu dần dần biến khác đi hết, so với xoang-điệu chép ở bộ Lê năm *Hồng-đức* đều không hợp cả. Quan Thái-thường thời thiên-chuyển đi làm chức khác, bọn giáo-phường thời cho kẻ cai đội trông coi, không còn ai sửa lại những chỗ sai lầm được nữa.

«Cũng có người thích chơi âm-nhạc, lại phải theo học bọn ca-công, bọn ấy đắc-chí, chỉ bịa đặt kỳ-quái ra để hãi nạt người nghe. Ta thường thấy các con nhà tấn-thân thường phải dịu lời hòa sắc, để ton-ngót kẻ ca-công hèn-mạt, cầu để học cái giọng hát, bắt-trước cái bộ đi đứng của nó, để khoe với chúng bạn, khiến cho những kẻ ôm đàn gõ phách vẫn hầu rượu xưa nay, dám công-nhiên nhạo-báng cả người trên tiệc hát, nếu không có

người chỉnh-đốn lại, thời không biết sau này lưu-tệ đến thế nào ! . . .»

Xem như lời sách chép đó thời ra trong khoảng một trăm năm, từ đời *Hồng-đức* đến đời *Quang-hưng*, âm-nhạc nhà Lê đã suy-sút rồi, và đến đời cụ Phạm thời thất-truyền hẳn, người khảo-cứu không biết tra hỏi vào đâu, phải cầu đến bọn ca-công nhạc-công vô-học, bọn đó lại càng tùng-sinh mà làm cho loạn-bậy cả. Đời cụ Phạm đã như vậy, về sau lại còn đến thế nào!

Nay âm-luật về lối hát cổ thế nào? Sách chép rằng:

« Đại-lược âm - luật năm *Hồng-đức* thời có cung Hoàng-chung, cung Nam, cung Bắc, Đoạn-cầm. Bọn giáo-phường bây giờ cứ theo thói quen gọi lầm cung Hoàng - chung 黃 鐘 là cung Huỳnh, cung Đại - thực 大 食 là Đại-thạch 大 石, Dương-kiều 楊 橋 là Kiều-dương 橋 楊, Hà-nam 河 南 là Xà-nam 蛇 南. Còn những lối *dàn lầy*, *hát từng thét nhạc*, đều là mới thêm ra cả. Lúc đọc thơ phú thời chỉ nhặt-nhạnh lạp-nhạp những câu thơ ngũ-ngôn thất-ngôn mà đọc, chứ không có thứ-tự gì cả. . .»

« Hát ở trong cung tục gọi là *hát cửa quyền*, tiếng hát xinh-xắn, uốn-éo dịu-dàng, thanh-nhã hơn giọng hát ngoài chốn giáo-phường. Nhưng âm-luật cũng không khác gì mấy. . .»

« Lối hát cổ, bọn giáo-phường hãy còn truyền được ít nhiều xoang-điệu cũ, lại hát xen giọng tân-thanh vào. Từ đời *Cảnh-hưng* trở về trước hãy còn truyền được ít nhiều người hát được; sau đến cuối đời Lê chỉ có ả-đào giả mới hát được. . .»

Đây là tác-giả nói về cuối đời Lê, nhưng tưởng giả nói về bây giờ cũng không phải là không đúng vậy.

Nói tóm lại thời lối hát cổ của ta ngày xưa có lối *nhã-nhạc*, lối *tục-nhạc*, hay là lối hát *cửa - quyền* và lối hát *phường-chợ*. Lối hát cửa-quyền trước có quan chuyên-chức, còn có phép-tắc nghiêm, sau bỏ mặc thời dần dần pha lẫn cả lối hát phường-chợ, sau người tri-thức không ai chú-ý đến nữa, chỉ có bọn ca-công dùng làm kế kiếm ăn, nên lâu ngày loạn-bậy cả và không có điển-chương gì nữa. Lối hát ả-đào ngày nay có lẽ là lối hát cửa-quyền của đời Cố-Lê suy-biến đi, tham-tạp các lối phường-chợ, mà dần dần di-truyền đến bây giờ, trung - gian nhờ được những tay văn - sĩ có tài bồi - bổ vào mới gây ra được một lối văn-chương riêng, nhưng âm-luật cổ thời thất-truyền đã lâu vậy.

Không những âm-luật thất-truyền mà đến sự-tích trong giáo-phường, ngày nay bọn ca-công cũng không biết rõ nữa. Tuy mỗi năm xuân-thu nhị-kỳ có hát-chầu hát-phủ để tế tiên - sư, nhưng hỏi tiên-sư là ai thì bọn đó nói là Đông-phương Sóc 東 方 朔, Lã Đồng-Tân 呂 洞 賓 nước Tàu. Đông-phương Sóc là nhà văn-sĩ đời Hán, sở-trường lối văn-chương khôi-hài hoạt-kê, không những phường ả-đào, mà phường hát-tuồng hát-chèo cũng tôn làm tổ cả. Còn Lã Đồng-Tân là người đời Đường, tu tiên đắc-đạo, tương-truyền là một vị trong bát-tiên, thường gọi là Lã-tổ, không biết vì tích gì mà cũng suy-tôn như thế. Chẳng qua cũng là vơ quàng vơ xiên cho có thầy có tổ, chứ hai ông Tàu ấy có quan-hệ gì đến âm-nhạc của ta !

Theo tục-truyền thì lối hát ả-đào là gốc tự Thanh-hóa, mà do một vị công-chúa tên là Bạch-hoa-công-chúa nghĩ chế ra âm-luật và cách-bộ. Cho nên ngày nay trong giáo-phường vẫn phải kiêng chữ *bạch* đọc là *biệc*, chữ *hoa* đọc là *huê*. Nhưng mà cũng không biết bà công-chúa ấy về đời nào, và làm sao lại đặt ra lối hát như thế. Có người

khôi-hài hơn ông Đông-phương Sóc, muốn diễu cái cách gõ phách của cô-đào, nói rằng bà công-chúa vốn ở cạnh nhà đồ-tể làm thịt lợn, ngày nào cũng nghe tiếng dao băm thịt, mới nghĩ ra điệu gõ phách, và đặt ra lối hát để phỏ vào điệu ấy, nghĩa là cách đánh phách của cô-đào là ở tiếng băm thịt của nhà bếp mà ra ; đó cũng là một câu nói đùa vậy.

Xét đến đoàn-thể cô-đào thời các giáo-phường xưa nay vẫn có kỷ-luật nghiêm, phường nào có quản-giáp, có cán-sự phường nấy, giữ-gìn danh-giá cho nhau, không có dung những sự bậy-bạ. Cô-đào nước ta tuy là người kỹ-nữ, nhưng không phải là gái giang-hồ. Ngày nay ở nơi thành-thị tuy cũng có nhiễm nhiều thói trăng-hoa, nhưng ở chốn nhà quê thời thường mùa xuân đi hát ở các cửa đình, hay hát khao hát vọng ở các nhà sang, đến mùa cấy gặt hay mùa tằm-tơ, lại về nhà làm-lụng như con gái thường. Cô-đào đời xưa chắc cũng có nhiều người tài-đức, chỉ hiềm vì lịch-sử các giáo-phường, truyện-ký các danh-kỹ không sách-vở nào chép, nên mỗi ngày mai-một đi hết cả. Nay đọc trong sách *Công-dư-tiếp-ký* còn thấy chép một truyện như sau này.

Làng Đào-xá, huyện Tiên-lữ, có một người con gái nhan-sắc đẹp lắm, làm nghề ca-xướng có tài. Bấy giờ về cuối đời Hồ, người Minh sang xâm-lấn nước ta, đóng đồn khắp mọi nơi. Có một toán đóng ngay ở làng ấy.

Người Minh tính sợ muỗi, mỗi người may một cái túi to, tối đến chui vào túi nằm để tránh muỗi, sai một người ở ngoài buộc túi lại. Khi thức dậy thì người ngoài lại mở túi cho chui ra.

Nàng mùa hát tuyệt hay, quân Tàu lấy làm thích lắm, và nàng lại khéo chiều ý, nên quân Tàu có lòng tin, hễ khi nào vào túi ngủ thì sai nàng thắt dải lại, khi thức dậy lại sai nàng cởi dải ra, đêm nào cũng thường như thế. Khi ấy dân làng phải quân Tàu tàn-ngược, người cường-tráng phải trốn đi hết cả, chỉ để một vài người già ở lại cung-ứng. Nàng bèn mưu với các ông già, nhân khi quân Tàu ngủ say, bèn khiêng túi đem ném xuống khe nước bên cạnh làng, để cho trôi ra ngoài sông cái, đêm nào cũng thế. Quân Tàu mỗi ngày hao-mòn mãi đi, bèn đắp đất làm dấu để lượng xem binh-số, thấy hao-tổn mất quá nửa, không biết vì cớ sao, phải dời đồn đi đóng chỗ khác. Dân địa-phương ấy mới được yên-ổn. Người làng về sau nhớ ơn nàng, bèn lập đền thờ gọi tên thôn nàng ở khi trước là thôn Ả-đào.

Người kỹ-nữ mà có cái can-đảm, cái khí-khái như thế, đời sau thờ thật là đáng lắm. Nào kẻ râu mày, mấy ai đã có cái gan liều mình để cứu dân cứu nước như thế ?

Nhân nói chuyện ả-đào, người ta truyền có nhiều cô-đào thông-minh dĩnh-ngộ, có biệt-tài về văn-chương nôm, được tri-ngộ với những bậc danh-nhân một thủa. Cụ Nguyễn Công-Trứ 阮公著, hồi chưa hiển-đạt, còn là anh học-trò kiết, ham chơi hát ả-đào mà không có tiền. Có một cô-đào nọ có tiếng là người nhan-sắc mà lại tài-tình, nhưng tính cao-kỳ, cụ muốn đến gần mà không đến được, bèn nghĩ ra một kế : xin theo làm kép đàn. Nhân cụ đánh đàn hay, khi nào cô ta đi đâm thì cụ quẩy gánh mà thằng bé con thì xách đàn theo sau. Một hôm đi được vài quãng đường đến chỗ đồng không quãng vắng, cụ mới giật mình nói lên rằng : « Ôi chao ! bỏ quên dây đàn ở nhà rồi ! » Cô ta vội sai thằng nhỏ chạy trở lại lấy dây đàn, bấy giờ một mình một ả, muốn sao muốn vậy. . . Đến khi cụ làm đến Tổng-đốc, nhân ngày

sinh-nhật mở tiệc, gọi ả-đào vào hát, cô kia — không biết tình-cờ hay là cố-ý, — cũng ở trong bọn ả-đào ấy, khi vào chiếu hát, hát ngay một câu rằng :

Giang-sơn một gánh giữa đồng,
Thuyền-quyên ứ-hự, anh-hùng nhớ chăng ?

Cụ mới sực nghĩ ra, hỏi ra mới biết nàng chửa lấy ai, bèn lấy làm thứ-thiếp. Khi cụ đi quân-thứ dẹp giặc trên thượng-du, xông-pha lam-chướng, chợt thấy người thứ-thiếp lên theo bầu, cụ đọc bỡn một câu rằng :

Đành nhẽ bút-nghiên mà kiếm-mã,
Thương ôi ! kim-chỉ cũng phong-trần ! (1)

Nhưng mà tài-tử phải tài-tử như thế, giai-nhân phải giai-nhân như thế, dẫu có dan-díu nhau cũng dung-thứ được, vì nhờ đấy mới lưu-truyền được mấy câu thơ tuyệt-điệu, một câu chuyện mỹ-đàm đó ; chỉ sợ tài-tử không được tài-tử như thế, giai-nhân không được giai-nhân như thế, mà cũng ư-hử, cũng ứ-hự, cũng khẳng-khịu, cũng nhăng-nhít, thời nhà đạo-đức nên ra tay búa-diu là phải lắm !

Hát ả-đào có nhiều lối lắm, khác nhau ở lời văn ít, khác nhau ở giọng hát nhiều. Có lối *dáng-hương, giáo-trống*, nghĩa là đọc mấy câu giáo-đầu khi mới khởi hát ; — lối *hát nói* là lối thông-dụng nhất ; — lối *dịp ba cung bắc*, trong khúc hát có ba chỗ đổi điệu, chen cung nam cung bắc rồi chuyển sang cung pha ; — lối *gửi thư*, đọc những lời thương-nhớ tưởng-vọng, văn-thể hoặc là phú, hoặc là ca lục-bát hay lục-bát-gián-thất, mà âm-điệu thời khi thăng, khi trầm, khi phẳng-sâm-si nhau ; — lối *thét nhạc*, tên này không biết ở đâu ra, có ông nói *thét-nhạc* là *thiết-nhạc* đọc sai đi, lối này cổ lắm, tựu-trung tình-từ vận-điệu đã không liên-hiệp, lại nhiều khi không hiểu nghĩa nữa ; hoặc-giả cổ-nhân có bài-bạc hẳn-hoi mà rồi sau thất-truyền đi, các ca-công cóp-nhặt những tục-ngữ ngạn-ngôn, tùy phách-tiết cho đủ câu, đến nay đổi khác việc khác, mà ca-nhi chỉ khẩu-truyền tâm-thụ không có phả kê-cứu được ; — lối *dồn đại-thạch*, chắc là *đại-thực* đọc sai đi, khúc này vừa hát vừa múa lúc yến-thực tế-lễ, văn thể lục-bát ; — *hát miếu*, cổ-nhân chọn bài cho đào hát để thờ tế nơi tôn-miếu, cho nên gọi là « hát miếu », dùng văn lục-bát mà ngắt ra lấy lên thành ra tứ-lục-bát ; — *hát thồng*, nghĩa là đọc thông đi cho trơn-chuốt, êm-ái rõ-ràng, không phải ngân-ngư lên bổng xuống trầm gì cả ; cách đọc thồng thì đọc được cả thơ tràng-đoản-thiên, phú, ca, ngâm-khúc, như *Thiên-thai, Chức-cầm-hồi-văn*, phú *Năm-canh, Kiều, Chinh-phụ*, v. v. ; — *Vọng-cổ*, nhất-danh là *chử-khí*, khúc hát có sáu chỗ đặt hai chữ *chử khí* lên đầu khổ hát, nhân đó mà đặt tên ; — lối *bợm gái tỉnh, bợm gái say*, người ả-đào vừa hát vừa làm bộ, bộ người say, người tỉnh, người điên, v.v. ; — lối *hãm*, là mấy câu tứ-lục-bát đọc lấy đi lấy lại để hãm rượu trong khi tiệc mừng ; — v.v. . . Gần đây lại có lối *Sa-mạc*, giọng lên giọng xuống véo-von hay lắm, nhưng lối này là lối mới ở đâu đường trong ra, nguyên lối hát ả-đào cũ của ta ngoài này không có. Cô-đào ngày nay cũng hát tạp cả *lý, sầm, chèo*, nhưng các lối đó là lối « hát ngang », không phải là chính-thức trong giáo-phường.

Lát nữa qui-nương đây là cô đào có tiếng trên hàng Giấy sẽ hát mỗi khúc một bài để các ngài thưởng-giám.

Nói rút lại thời trong các lối hát ả-đào, những lối mới là lối hát ngang, hoặc không thuộc trong ca-phổ, hoặc mô-phỏng giọng đường trong ; những lối cũ như *đại-thạch, thét-nhạc*, thời cũ

(1) Chuyện này đã thuật trong bài *Nam-âm thi-văn khảo-biện* của ông Tú Đông-châu N. P., số 20, tháng 2 năm 1919).

quá thất-truyền, ngày nay ca-công chỉ nhớ mấy bài lề-lối, mà xét ra văn-từ âm-điệu chủng-chẳng trúc-trắc, không biết xưa kia thế nào, bây giờ thời tuyệt-nhiên không có văn-chương gì cả. Duy chỉ có lối *hát-nói* là thông-dụng nhất, thịnh-hành nhất, và có văn-chương hơn nhất. Mà cái văn-chương ấy tuy là văn - chương du-hí, nhưng có đặc-sắc, có tinh-thần, các bậc danh-sĩ đời xưa đời nay đều có tập cả, và nhiều bài có thể coi là những nền kiệt-tác trong văn nôm ta. Bữa nay tôi diễn-thuyết về « Văn-chương trong lối hát ả-đào », tức là diễn-thuyết về « văn-chương lối hát-nói » vậy.

Theo cổ thời lối *hát-nói* vừa đào vừa kép đều có hát cả ; kép hát gọi là *Hà-nam, hát-trai*, hay là *nam-xướng* ; đào hát thì gọi là *hát-nói, hát-gái* hay là *nữ-xướng* ; kép hát trước rồi đào hát lại mà theo y như âm-điệu và bài kép đã hát thì gọi là *Hà-liễu*. Xưa phân-biệt như thế, nhưng nay *hát-nói* duy có đào hát mà thôi.

Hát-nói là những câu nói lối xếp lại thành vần, để mà hát lên. Câu hát thì từ bốn chữ đến bảy chữ, chín chữ là vừa, bài hát thì mười-một câu là đủ ; nhưng cũng có khi một câu dùng đến hai ba mươi chữ, khúc-khuỷu lạ-lùng, tục gọi là *gối-hạc* ; cũng có bài dài đến mười-chín ngoại hai-mươi câu, tục gọi là *dôi-khổ*. Nhưng dù câu nhiều chữ hay ít chữ, bài trường-thiên hay đoản-thiên, lúc hát lên vào phách ra phách, đều có phép nhất-định, không khác gì nhau.

Song chính-thức của lối hát-nói là 11 câu, chia làm ba đoạn, hai đoạn trên mỗi đoạn bốn câu, đoạn dưới có ba câu; câu 1, 2 là *tổng-mạo* ; 3, 4 là *thừa-đề* ; 5, 6 dùng thơ *thất-ngôn, ngũ-ngôn* chữ hay là nôm, là hai câu cốt-tử đứng giữa, như treo lên ở giữa khúc cái đại-ý trong toàn-khúc ; từ câu thứ bảy đến câu thứ mười là nói diễn-giải rõ-ràng cái ý-tứ nghĩa-lý sáu câu ở trên. Còn câu thứ 11 là tổng-kết cái ý-nghĩa cả bài. Các câu trên đều đi đôi cả, duy câu dưới cùng bao giờ cũng buông lẻ xuống, là vì phách-bản xưa chế đến đấy mới hết dịp, nếu không thì câu ca đã hết rồi mà dịp phách hãy còn.

Lệ thường trên bài hát-nói hay có bốn câu ca tứ-lục gọi là *mưỡu*, có người nói *mưỡu* là *mạo*, nghĩa là bốn câu « tổng-mạo » trùm cả bài ; có người nói *mưỡu* là *miếu*, nghĩa là hát khoan-dung nghiêm-chỉnh như *hát-miếu*.

Văn-thể « hát-nói » trúng-cách thời đại-khái như bài *Ông Phỗng-đá* của cụ Nguyễn Khuyến, thường gọi là cụ Tam-nguyên Yên-đổ, không những văn-thể trúng-cách, mà ý-tứ rất thâm-trầm, thật là một áng văn-chương tuyệt-bút. Tôi xin đọc cả toàn - thiên để các ngài nghe.

Bắt đầu bốn câu mưỡu :

Người đâu tên họ là gì ?
Khéo thay chích-chích chi-chi nực cười.
Giang tay ngửa mặt lên trời,
Hay là còn nghĩ sự đời chi đây?

Rồi đến bài hát :

1. Trông phỗng đá lạ-lùng muốn hỏi :
2. Cớ làm sao len-lỏi đến chi đây ?

Đó là hai câu nhất nhì tổng-mạo ; rồi đến hai câu ba bốn là câu thừa-đề :

3. Hay tưởng trông cây cỏ nước non này
4. Chi cũng rắp chen chân vào hội lạc ?

Rồi đến hai câu thơ chữ thất-ngôn, tổng-quát đại-ý cả bài :

5. *Thanh-sơn tự tiếu đầu tương hạc,*
青山自笑頭將鶴。
6. *Thương-hải thùy tri ngã diệc âu ?*
滄海誰知我亦鷗。

(Nghĩa là núi xanh tự cười ta sắp đầu bạc, bề biếc nào hay ta cũng là con chim âu? — Ý nói rằng ta nay đã sắp trở về già, ta cũng muốn mũ-ni che tai, chi-chi chích-chích như ông phỗng-đá cho khỏi bận mình, để giữ lấy cái tự-do, sự nhàn-hạ của ta.)

Rồi đến bốn câu thứ 7 đến thứ 10 là những câu phô-diễn cái ý đó:

7. Thôi cũng đừng chấp chuyện đâu đâu,
8. Túi vũ-trụ mặc đàn em sau gánh vác.
9. Duyên kỳ-ngộ là duyên tuổi-tác,
Chén chú, chén anh, chén tôi chén bác.

(Hai câu này cũng là một, vì cũng là một vần trên hát « dôi » ra).

10. Cuộc tình say say tỉnh cùng nhau,
11. Nên chăng đá cũng gật đầu!

Câu sau cùng đó có sáu chữ buông lẻ xuống, và tóm-tắt đại-ý cả bài.

Nên chăng đá cũng gật đầu! Người đời ngu-ngu xuẩn-xuẩn, chẳng qua cũng là một lũ chích-chích chi-chi mà thôi, bảo gì mà chẳng gật đầu? Nhưng mà họ làm « phỗng-đá », mà họ không tự-biết là phỗng-đá, vì bổn-tính họ là phỗng-đá; ta đây tuổi-tác đã già, việc đời đã chán, công-danh ta để lại cho con em, tiêu-dao ta chỉ giữ lấy cảnh nhàn, ta cũng muốn làm phỗng-đá, nhưng ta làm phỗng-đá mà ta biết ta là phỗng-đá, tưởng cũng có khác với kẻ kia vậy.

Ấy cái chí-khí của các cụ ngày xưa như thế. Đời bây giờ ai là người có cái tư-cách cao-thượng mà làm được ông phỗng-đá có tri-thức như các cụ? Phần nhiều là những phỗng-đá vô-ý-thức, nghĩa là những phỗng-đá thật, không muốn chi-chi chích-chích ở một xó nhà, lại muốn chích-chích chi-chi ở những chỗ công-đồng, nơi dàn-điếm, để làm cái trò chơi cho khách thế-giới xem chung!

Cụ Phó-bảng Đồng-tỉnh Phan Văn-Ái họa bài *Ông Phỗng-đá*, cũng làm một thể hát nói, tuy ý-nghĩa khác mà cũng thâm-trầm và lý-thú lắm. Lời rằng:

Mười:

Non thiêng khéo đúc nên người,
Trông chừng sành-sỏi khác người trần-gian.
Trải bao gió núi mưa ngàn,
Đã già già sóc, lại gan gan lỳ!

Nói:

1. Gan lỳ già sóc,
2. Hà non chi mà sợ cóc chi ai!
3. Người là người tớ cũng là người,
4. Nhằm cho kỹ vẫn tranh-vanh đầu giốc.
5. *Tương tri tằng thức năng công ngọc,*
相知曾識能攻玉。
6. *Mạc luyện như hà khả bổ thiên?*
莫鍊如何可補天。

(Nghĩa là: người biết biết rằng rũa được ngọc, không luyện làm sao vá được trời?)

7. Thôi mặc ai rằng trắng rằng đen,
8. Thế như thế cũng ngồi yên như thế vậy.
9. Còn trời đất bấy còn tai mắt ấy,
10. Lăng mà coi họa thấy lúc nào chăng?
11. Hẳng về rũ gạo ba-trăng!

Không biết tôi đoán có đúng không, nhưng chắc cụ Bảng Phan họa bài *Ông Phỗng-đá* đó là muốn ngụ-ý tả cái tình-cảnh nước Cổ-Việt ta; nếu như thế thì ngụ-ý cũng sâu-sắc thật. Ừ, giống mình bây giờ cũng là một lũ chích-chích chi-chi thật, sánh với người cũng chẳng bằng ai thật; còn làm được cái gì, mà muốn nói chuyện gì nữa? Chẳng qua là một đám phỗng-đá mà thôi! Nhưng mà cũng chớ nên phụ-bạc. Người là người, ta cũng là người chớ sao? Mà ta lại được khí thiêng của nước non này chung-đúc, dẫu chẳng sành-sỏi hơn người, nhưng cũng đã trải biết bao gió núi mưa ngàn trong bốn ngàn năm có lẻ, nếu cái số phải tiêu-diệt thời cũng đã tiêu-diệt tám

dời rồi, còn đâu đến bây giờ ! Song dã sống được đến giờ, chẳng gì cũng dã già già sọc, gan gan lì, còn non-nớt chi mà phải sợ cóc chi ai ? Mà biết đâu dấy? ta là khối đá thật, mà đá biết dùng lại chẳng rũa được ngọc sao? đá khéo luyện lại chẳng vá được trời sao? Nhưng mà thôi, gặp lúc hẩm-hiu thời cũng phải tạm-thời chịu vậy ; thế dã như thế, ta cũng phải ngồi yên như thế vậy ; miễn là đừng nên thất-vọng mà sinh lòng chán-nản. Còn trời còn đất, giống ta hãy còn dấy, lặng mà coi họa thấy lúc nào chăng ? Bây giờ anh em ta hằng cứ chăm-chút việc thường ngày, mà về nhà rã gạo ba trăng để đợi đến mùa sau họa may được phong-đăng hòa-cốc !

Ấy tôi tưởng cái thâm-ý của tác-giả như thế. Văn-chương du-hí mà có cái ý-nghĩa thâm-trầm như thế, há chẳng phải là đại-văn-chương dư ? Mà một thứ tiếng sản được những văn-chương như thế, há phải là tiếng nghèo sao ? Tôi dám đố những ai hán-văn thật giỏi, tây-vặn thật tài, thử đem dịch mấy bài « *Phỗng-đá* » đó xem có được không ? Cho toẹt bút lông, cong bút sắt, cũng chửa chắc diễn được cái tinh-thần; vì cái tinh-thần ấy là cái quốc-túy của ta đó. Một thứ quốc-âm dã mang được cái quốc-túy như thế, ai dám cả gan làm cho tiêu-diệt ? Nhưng mà thôi, nói làm chi cho rườm lời, nói làm chi cho sốt ruột. Quốc-âm ta cũng tức như cái phỗng-đá nọ, dã trải bao năm gió núi mưa ngàn, già sọc gan lì rồi, há non chi mà sợ cóc chi ai ? . . .

Bây giờ, chiêm dã qua rồi, mùa còn chưa tới, anh em ta hẳng nên gia-công rã lấy ít gạo ba-trăng để ăn dùng lúc này mà đợi đến mùa sau. Cũng chớ nên thở vắn than dài, lo quanh nghĩ quẩn làm gì cho nhọc trí, nhọc xác ; túi vũ-trụ dã có đàn em sau gánh vác !

Ta nên chơi, chơi cho vung cho thích, chơi cho đáo-để, chơi cho lăn-lóc đá, cho mê-mẩn hồn ; chơi cho thủng trống long bồng ! Người có biết chơi thời mới biết làm, và chỉ có kẻ trượng-phu mới biết chơi một cách hào-hùng. Người bần-tiện bủn-sỉn không biết dâu được những cái thú phong-lưu đó.

1. *Nhân sinh đắc ý tu tận hoan.*

Mà việc gì không đắc-ý, việc gì mà mua não chuốc sầu làm chi ? Việc gì mà làm ra mặt tu-thời mẫn-thế? Ngồi một xó mà thở dài, phỏng có dổi được thời-thế chăng ?

2. Nào thơ, nào rượu, nào trà,
Nào là con hát, nào là tổ-tôm.

3. Đường tơ gẩy khúc Cao-sơn,
4. Thôi cũng mặc càn-khôn tràn qui-tị.

Không phải là liều, nhưng mà dã chơi thời chơi cho thích-chí, bao giờ làm sẽ hay.

3'. Mặc bần-tiện mà mặc ai phú-quí,
4'. Hãy ăn chơi cho phỉ chí tang-bồng.

Thơ rằng :

5. *Bất tác phong-ba ư thế thượng,*
不作風波於世上
6. *Tự vô băng tuyết đáo hung-trung.*
自無冰炭到胸中

(Nghĩa là : dừng có làm gió bão trên đất bằng, chớ có để băng tuyết vào trong bụng.) Phải coi mọi sự trên đời thoảng qua như đám phù-vân, đừng để bận gì đến trong lòng ; giữ lấy tấm lòng trong-sạch để gửi cái chí to-tát sau này. Nên chẳng vội chen đua với đời làm chi, sự được thua cũng là lẽ thường :

7. Buổi phong-vân chi vội tao-phùng,
8. Cơn đắc-táng, hội cùng-thông là thế thế.
9. Rồi ra nữa buổi đời người thế,
10. Mang công-danh mà ỷ-thị với giang-sơn.
11. Chơi cho rõ mặt ngang-tàng ! (1)

1) Bài này không truyền rõ của cụ nào.

Ấy cổ-nhân chơi là chơi thế, chơi cho rõ mặt ngang-tàng, chứ không có chơi đến tàng thân hại chí. Các cụ chơi là hoặc những lúc đợi thời, muốn tiêu-sầu khiển-hứng, không để cho trong lòng bận những sự danh-lợi nhỏ-nhen ở đời, để nuôi lấy cái khí hạo-nhiên mà mưu những công-nghiệp lớn ; hoặc là khi đã đắc-chí hiển-vinh rồi, cũng không bị sự vinh-hoa nó bó-buộc, bao giờ cũng muốn giữ lấy cái cảnh nhàn, nghĩa là giữ lấy cái quyền tự-do độc-lập của mình. Bao nhiêu bài hát của các cụ để lại, đều có một cái khí-khái như thế cả.

Như bài sau này của cụ Cao Bá-Quát, ý nói rằng lúc chưa gặp thời dầu phong-trần lưu-lạc cũng chớ nên oán-vưu, chẳng qua là Tạo-vật muốn thử kẻ có tài.

1. Chẳng lưu-lạc dễ trải mùi trần-thế,
2. Còn trần-ai khôn tỏ mặt công-hầu.

3. Ngất-ngưởng thay con Tạo khéo cơ-mầu,
4. Muốn đại-thụ hằng gìm cho lúng-túng.

Tạo-vật đối với người có chí, thường hay khắt-khe, là có ý muốn trao cho cái nghiệp lớn thời phải thử cho đến điều. Cho nên người có chí không nên thấy những sự trắc-trở ở đời mà ngã lòng nản chí; ấy con Tạo đố ta đấy.

5. *Thân hệ bang gia chung hữu dụng,*
身係邦家終有用。
Thiên sinh hào-kiệt bất ưng hư!
6. 天生豪傑不應虛。

(Nghĩa là : cái thân này là của nhà của nước, tất phải có việc dùng; ông Trời kia đã sinh ra kẻ hào-kiệt, há lại để bỏ không sao?) Ấy các cụ chơi mà có đến quên nghĩa-vụ đâu, có đến quên cái thân mình là của nhà của nước đâu? Chẳng qua là chưa gặp thời, chưa có dịp thi-thố, như cá chưa gặp nước, rồng chưa gặp mây đó mà thôi :

7. Hằng bền lòng chớ chút oán-vưu,
8. Thời chi bĩ, ngư long biến-hóa.

9. Thôi đã biết cùng-thông là mệnh cả,
10. Cũng đừng đem hình-dịch lại cầu chi.

11. Hơn nhau cũng một chữ *thì* !

Vẫn biết thế, nhưng mà biết chọn thời tưởng cũng khó lắm, phải là người chí-khí mà lại có tri-thức mới được, không thời cứ nói là đợi thời, biết đợi đến bao giờ cho gặp? Quanh mình ta biết bao nhiêu kẻ kém-hèn, biếng-nhác, không làm được việc gì, cũng tự an-ủi rằng : « sinh bất phùng thời », cho đến chết cũng là « sinh bất phùng thời ». Thời há vì ta mà thời đến sao? Hay là ta phải thừa thời mà ta ra? Kẻ trượng-phu là người biết đợi, nhưng mà cũng biết quyết, biết ăn giữa thời-cơ mà ra thi-thố. Người tầm-thường thời chỉ biết đợi mà không biết gặp, rút cục bỏ phí mất quang-âm của trời đất, mà đeo-dẳng cái thân vô-dụng ở trên đời. *Hơn nhau cũng một chữ thì*, thật phải lắm.

Lại bài sau này của cụ Thượng Nguyễn Công-Trứ tả cái cảnh ở giữa vòng danh-lợi mà chán ngắt, muốn thoát ra cho khỏi, khỏi rồi nghĩ mà nhẹ mình :

1. Chen-chúc lợi-danh đà chán ngắt,
2. Các-tùng phong-nguyệt mới vui sao !

3. Đám phồn-hoa chót bước chân vào,
4. Sực nghĩ lại giật mình bao kẻ xiết !

3'. *Quá giả vãng nhi bất thuyết,*
4'. Cái hình-hài làm thiệt cái thân chi ?

3''. Cuộc đời thử ngẫm mà suy,
4''. Bạn tùng-cúc xưa kia là cố-cựu.

5. Hẹn với lợi-danh ba chén tửu,
6. Vui cùng phong-nguyệt một câu thơ.

(Đây không dùng thơ chữ mà dùng hai câu thơ nôm).

7. Chuyện cổ-kim so-sánh tựa bàn cờ,
8. Riêng vui-thú giang-sơn phong-nguyệt.

9. Mặc xa-mã thị-thành không dám biết,
10. Thú yên-hà trời đất để riêng ta.

11. Nào ai ai biết chăng là !

Dẫu ai biết hay ai chẳng biết, ta cũng chẳng hề gì, miễn là thoát được khỏi danh-cương lợi-tỏa, gần được nơi vui thú yên-hà, là đắc-ý. Miễn là giữ được cái nhàn, thế là sướng hơn cả.

Một chữ *nhàn* đó là cái đầu-bài thông-thường của các cụ. Nhàn đây không phải là ăn dưng ngồi rồi, làm con người vô-dụng ở đời; nhàn là tự-do, là độc-lập, là không hệ-thuộc ai, không luồn-lụy ai, giữ được chọn cái chí cao-thượng của mình. Tuy đời này là đời cạnh-tranh hoạt-động thật, nhưng mà xét cho kỹ được mấy kẻ là hoạt-động chánh-đáng ; phần nhiều người chẳng qua là quay-cuồng xuẩn-động cho nhọc trí nhọc xác vô-ích mà thôi. Những người ấy cũng nên ngẫm-nghĩ một chữ *nhàn* mà lấy những câu thơ câu văn của cổ-nhân làm bài học.

Đã hay rằng ở đời ai cũng có việc, nhưng cũng chớ nên hì-hục lắm cho nhọc-nhằn :

1. ...Đành vũ-trụ giai ngô phận-sự,
2. Cũng tiêu-dao cho tuế-nguyệt thêm trường,
3. *Vân thương thương hề thủy ương ương,*
雲 蒼 蒼 兮 水 泱 泱
(Nghĩa là : mây xanh xanh, nước man-mác)
4. Phong-quang ấy người sao nên phụ ?
5. *Nhược đãi công thành danh toại hậu,*
若 待 功 成 名 遂 後
6. *Nhất đôi lão cốt dĩ lăng tăng.*
一 堆 老 骨 已 崚 嶒
(Nghĩa là: Ví đợi cho đến lúc công-thành danh-toại mới hưởng cái thú nhàn, thời bấy giờ thân mình chẳng qua là một đống xương già chồng-chất đó thôi).

Đã thế thời :

7. Sơn chi nam, sơn chi bắc, chi Tung Hằng,
8. Chắc đâu chuyện phù-bình tán-tụ.
9. Lưng bầu rượu say cổ kim kim cổ,
10. Một túi thơ hoa nguyệt nguyệt họa.
7'. Khi cờ vây, khi bài lá, khi tiêu-ngạo, khi cầm ca,
8'. Nhận phong-vị hào-hoa làm lạc-thú.
9'. Chỉ Lô Tần ngẫm cùng thảo-thụ.
10'. Cuộc tỉnh say say tỉnh ai hay ?
11. Thử xem con Tạo sau này ! (1)

Con Tạo vốn nó bất-nhân lắm, nó thường cho người ta cái chí to mà không cho người ta đủ sức đủ năm cho hành được chí mình. Ác-nghiệt nhất là nó hạn cái năm tuổi cho người ta, một đời người thấm-thoát được mấy chốc, lúc tráng-niên nghĩ đến khi tuổi già mà ngao-ngán chẳng muốn làm gì nữa :

1. Gẫm cho đến bất-nhân là tạo-vật,
2. Đã sinh người lại hẹn lấy năm !
3. Nói chi thằng lên bẩy đứa lên năm,
4. Dẫu sống ba vạn sáu nghìn ngày là mấy chốc ?
3'. Mà bận những lợi-danh vinh-nhục,
4'. Cõi phù-sinh đành lắm lúc bi-hoan.
3''. Tưởng đến khi hoa rữa tráng tàn,
4''. Cảnh-huống ấy bút thần khôn mạc !
5. *Tế suy vật lý tu hành-lạc,*
細 推 物 理 須 行 樂
6. *Hà dụng phù danh bạn thử-thân ?*
何 用 浮 名 絆 此 身
(Hai câu *Đường-thi*, nghĩa là : Xét kỹ lẽ vật, chỉ nên chơi cho vui, cần gì mà đem cái danh tiếng hão để buộc lấy mình ?)

7. Song bất-nhân mà lại chí-nhân,
8. Hạn lấy tuổi để ta chơi lấy.
9. Cuộc hành-lạc được bao nhiêu là lãi đấy.
10. Vậy ai ơi ! chơi lấy kẻo già !
11. Một năm một tuổi xuân qua (2).

Cái tư-tưởng đời người thấm-thoát, một buổi một qua, nên kíp mà hưởng lấy cái quang-âm của trời đất, bài hát nào cũng có ngụ-ý như thế.

(1-2) Không biết rõ của cụ nào.

1. *Nhân sinh thiên địa gian nhất nghịch lữ,*
人生天地間一逆旅
(Nghĩa là : người ta sống trong trời đất như một người đi dọc đường ở trọ.)
2. Có bao lâm ba vạn sáu nghìn ngày ?
3. Như thoi đưa, như bóng sổ, như gang tay,
4. Sực nhớ chữ *cổ-nhân bình-chức.*
(Người đời xưa hiềm vì nỗi ban ngày ngắn qua, chơi không thỏa chí, phải đốt đuốc đi chơi đêm)
5. *Cao sơn lưu thủy thi thiên trục,*
高山流水詩千軸
6. *Minh nguyệt thanh phong tửu nhất thuyền.*
明月清風酒一船
(Nghĩa là : Núi cao nước chảy thơ nghìn cuốn, gió mát trăng thanh rượu một thuyền.)
7. Giang tay người tài-tử khách thuyền-quyên,
8. Chén rượu thánh câu thơ thần thích-chí.
9. Thành-thị ấy mà giang-sơn ấy,
10. Đâu chẳng là tuyết-nguyệt phong-hoa ?
9'. Bốn mùa xuân lại thu qua,
10'. Đời người thấm-thoắt như là con thoi.
11. Cho hay kẻ thế người đời ! (1)

Kẻ thế người đời lắm khi cũng phiền mà cũng dại. Đã biết thân mình là một kẻ nghịch-lữ trong trời đất, thì tội gì mà buộc lấy cái danh-lợi mà làm chi. Đối với công-danh, đối với tiền-tài, ta cũng nên thảng-nhiên mà đừng thiết-tha cho lắm, vì hai cái ấy là hai cái nó làm khổ người ta đệ-nhất. Ta nên lấy triết-lý mà xét công-danh là gì, tiền-tài là gì, tất cũng nẩy ra cái quan-cảm như các cụ đời xưa không chịu để cho những cái đó bận đến lòng.

1. Cuộc công-danh không không có có.
2. Có rằng không không có cũng ừ !
3. Nào ai hay trời đất những bao giờ,
4. Mà đã chắc non sông là mấy tuổi ?
5. *Hồn hồn nhất đại-khối,*
渾渾一大塊
6. *Diễu diễu như nghĩ-quần.*
渺渺如蟻羣
(Nghĩa là : Trời đất lì như một khối lớn, người ta nhỏ như một đàn kiến).
7. Lọt lòng ra ai cũng có quân thân,
8. Mang lấy nợ lẽ lần khân không trả.
9. Cuộc kim-cổ bày thôi lại xóa,
10. Cái râu mày nào biết đại hay khôn ?
11. Trăm năm cũng một tiếng đồn ! (2)

Bài này có triết-lý thâm-trầm lắm. Công-danh là gì ? Người ta đã sinh ra trên đời, ai cũng có nhà có nước, nợ nước nợ nhà phải trả cho trọn, chẳng qua là cái nghĩa-vụ phải thế, nói làm gì những chữ công-danh ? Công với ai mà danh với ai ? Hay là lấy công-danh với Tạo-vật ? Nhưng mà Tạo-vật là một cái đại-khối ù-lì, thân mình là một con kiến nhỏ mọn, công với danh của mình thì ăn thua gì cho Tạo-vật ? Hay là lấy công-danh với người đời ? Nhưng mà người đời bất-trắc, sự đời bất-thường, nay thế này mai thế khác, *cuộc kim cổ bày thôi lại xóa*, biết thế nào là dại khôn, biết lấy gì làm bằng-cứ mà nói lập công-danh với một lũ phất-phơ đó ? Cho nên kẻ thế-nhân thường nói những câu như : « danh lưu thiên cổ, công chép sử xanh », là nói láo nói khoác cả. Công-danh chẳng qua chỉ là một *tiếng đồn* mà thôi ! Mà dã chắc sau lưng mình, không phải đợi đến sau thân mình nữa, người ta đồn hay hay dở ? . . .

Ấy công-danh là thế. Nay tiền-tài thế nào ?

1. *Kim chi nhân duy tiền nhi dĩ,*
(Người đời nay chỉ tiền mà thôi),
2. Hết tiền tiêu tráng-sĩ cũng nằm co !
3. Chẳng khôn ngoan cũng chẳng thân-sơ,
4. Có hơi kẽm mới tha-hồ ngang-ngửa.
5. *Toán lai thế-sự kim năng ngữ,*
算來世事金能語
6. *Thuyết đáo nhân-tình kiếm dục minh.*
說到人情劍欲鳴

(1-2) Không biết rõ của cụ nào.

(Nghĩa là : tình đến thế - sự chỉ có tiền là nói được ; kể đến nhân-tình thời thanh gươm muốn kêu lên). Ấy cái thói đời dê-tiện như thế, tranh nhau chỉ vì chút hơi đồng. Nhưng mà người tài-tình không có lẽ theo những thói tham-lam keo-cúi đó :

7. Dơ-dáng thay những mặt tài-tình,
8. Co-quắp lắm cũng ra hình thủ-lỗ
9. Nghìn vàng hết, hết rồi lại có,
10. Chữ bất-nhân tạc đó không mòn.

11. Ai ôi ! giữ lấy lòng son ! (1)

Ấy đó là cốt nhất. Công-danh cũng chẳng cần, phú-quí cũng chẳng cần, tiền-bạc cũng chẳng cần, vinh-hoa cũng chẳng cần, vì những cái đó là những cái phụ-thuộc ở ngoài, *có rằng không, không có cũng ừ* ! Nhưng mà một tấm đan-tâm, một mảnh lòng thành, ta phải giữ cho trong-sạch, cho vẹn-tròn, vì cái đó là liền với ta, ta hay cũng vì đó mà ta dở cũng vì đó. Đeo cái bụng tà-tâm, cái lòng phản-trắc, thì giàu sang mà làm gì ?

Ấy cổ-nhân ta, những lúc chơi-bời, cũng thổ-lộ ra những lời cao-thượng, lời trung-trinh, lời hùng-hồn, lời khảng-khái như thế, dù câu hát giọng ca mà cũng bày ra những bài học rất thanh-cao cho người đời.

Mà những bài học ấy phô-diễn ra một cách tự-nhiên biết bao nhiêu, một cách lưu-loát biết bao nhiêu, một cách mát-mẻ biết bao nhiêu, một cách véo-von biết bao nhiêu ! Lối văn-chương này là lối văn-chương không bó-buộc, nhẹ-nhàng thanh-thoát, như nước suối chảy, như gió thoảng qua, có thể mới diễn được những cái tư-tưởng cao-xa man-mác như thế. Tôi tưởng không có nước nào văn-chương du-hí mà cũng có nghĩa-lý thâm-trầm như thế. Mà các cụ soạn ra những bài này có phải là nghiền-ngẫm nghĩ-ngợi gì đâu, nhiều khi tức-tịch ứng-khẩu mà đặt ra cho ả-đào hát, như thế lại càng đủ tỏ cái chí-khí tự-nhiên.

Tôi tiếc không thể đọc được hết những bài hát-nói hay, cũng không thể kể được hết những câu hay trong những bài của các cụ để lại, để chứng cho các ngài biết cái lối văn-chương ấy thanh-thú là dường nào. Tôi nhặt được kể cũng đến hơn hai trăm bài cổ, phần nhiều không biết của cụ nào làm ; một phần thời tương-truyền là của cụ Thượng Nguyễn Công-Trứ, cụ Cao Bá-Quát, cụ Tam-nguyên Yên-đổ Nguyễn Khuyến, cụ Thượng Vân-đình Dương Khuê, v. v. ; nhưng có bài cũng không biết chắc hẳn là của cụ nào, vì mỗi người nói một khác. Song những bài cổ với bài kim bây giờ khác nhau hẳn, trộn cũng không lẫn được, vì cái chí-thú của cổ-nhân với cái chí-thú người bây giờ cách xa nhau lắm.

Cái chí-thú của cổ-nhân thế nào, các ngài nghe đọc mấy bài vừa rồi đó, cũng đủ biết qua rồi. Mấy bài đó là thuộc về lối « thuật-hoài », nghĩa là tả cái lòng hoài-bão của các cụ. Nhưng mà văn hát-nói không phải chỉ có lối thuật-hoài mà thôi ; văn hát-nói là văn chơi, vậy thời tả-cảnh, tả-tình, nói đùa nói bỡn cũng phải có. Tôi xin kể qua mấy bài thuộc về các lối ấy, để gọi là thiệp-liệp đủ các thể văn cho xứng với cái đầu-bài diễn-thuyết bữa hôm nay.

Văn tả-cảnh thời như mấy bài hát về phong-cảnh chùa Hương của cụ Thám Vũ Phạm-Hàm và cụ Nghè Chu Mạnh-Chinh cũng có nhiều câu hay lắm. Bài cụ Vũ làm lối hát trường-thiên, có mấy câu rằng :

(1) Không truyền rõ của cụ nào.

... Mặt trời gác bóng cây xế-xế,
Tản-vân in đáy nước rành-rành.
Chim trời mấy chiếc lênh-đênh,
Cây mai-thụ rập-rềnh năm bảy lá.
Chú tiều-tử ruổi-giong bến đá,
Lũ ngư-ông quảy cá qua cầu.
Cỏ cây xanh ngắt một mầu,
Núi trước núi sau mình ở giữa.
Đoàn mục-tử bóng chiều vừa ngả,
Giắt trâu về lả-tả đầu ghềnh.
Trong hang thăm thẳm một mình...
... Niệm Na-mô A-di-đà-phật,
Mảng vui chơi mà quên phắt đường xa.
Quả mơ non với nước mơ già,
Trong chân-cảnh nhìn ra chân-vị.
Trong bụi rậm đàn chim thỏ-thẻ,
Dưới rừng xanh mấy chị tìm mơ...

Bài của cụ Nghè Chu cũng tương-truyền có mấy câu này hay :

...Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập-ghềnh mấy lối uốn thang mây...
... Thỏ-thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lửng-lơ khe nước cá nghe kinh.
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang-hải giật mình trong giấc mộng...

Lại bài của cụ Dương Khuê, có mấy câu kết về cảnh Hương-sơn cũng thú :

... Rõ-ràng đệ-nhất Nam-thiên,
Mang đi sợ để quần-tiên mất lòng.
Thôi thì để đấy chơi chung !

Cảnh chiều-hôm mà như mấy câu này cũng là một bức họa nhỏ :

Trải non-nước xa trông ban tịch-chiếu,
Bức phong-vân ai khéo vẽ-vời ?
Dưới kim-ô con bạch-nhạn bóng lơi-thơi,
Dòng bích-lãng tiếng ngư-ca gắng-gỏi... (1)

Nhưng mà trong các cảnh, cảnh mùa thu là cảnh nên thơ nhất. Mùa thu mà chở thuyền trên hồ,

Gió trăng chở nặng một con thuyền...,
Thơ một túi, rượu một bầu,
Tiếng tì-trúc nhặt khoan đoành nước biếc (2),

thời còn gì thú bằng. Nhưng mà cảnh thu mà lại có trăng mới thật là tuyệt-thú :

1. Xinh thay tiết thu-thiên quang-cảnh,
2. Khi lạc-hà dãi bóng tà-dương !

3. Một con thuyền cậy bát bên giang,
4. *Thu-thủy cộng trường-thiên nhất sắc.*

(Nước thu cùng với trời rộng một mầu)

3'. Vầng ngọc-thỏ in sông vằng-vặc,
4'. Giữa giang-tâm bóng lộn mấy tầng !

3''. Trên một trăng, dưới một trăng,
4''. Xui lòng kẻ hữu-tình ngao-ngán.

5. *Thùy bả kim bôi phân lưỡng đoạn.*
誰把金杯分兩段
6. *Bán trầm thủy đề bán thiên thai.*
半沉水底半天台

(Nghĩa là : Ai cầm chén vàng chia hai đoạn, nửa chìm đáy nước, nửa lưng trời)

7. Vầng trăng ai xẻ làm hai,
8. Nửa in dưới nước nửa cài trên không ? (3)

Bài này có lẽ cổ lắm, thể cách hơi khác lối thường : đoạn thừa-đề đôi ra bốn câu, mà đoạn phô-diễn ở dưới chỉ có hai câu là dịch nghĩa hai câu thơ chữ ; còn câu bỏ lẻ không có ; không biết thật thế, hay là bản sao của tôi chép sót ?

Thuộc về lối tả-cảnh, có bài tả-cảnh sông Lư-giang như sau, cũng là một bài cổ, hơi khác thể-cách thường :

Tăng-mao
Xinh thay mấy Lư-giang phong-nguyệt !
Nước trong xanh lẫn với sắc trời xanh.

(1) Không truyền rõ của cụ nào.
(2) Trích ở bài : « *Nhất thiên lý sắc trung thu nguyệt* », không truyền rõ của cụ nào.
(3) Không truyền rõ của cụ nào.

Thừa-đề và phò-diễn (Không có hai câu thơ chữ)

Sóng nhấp-nhô toan nhảy lên ghềnh,
Bóng cổ-thụ rung-rinh muốn lội.
Chiếc ngư-ông ra vào len-lỏi,
Buông chài hoa tựa lái bên sông.
Vạch ngàu lau tìm lối thong-dong,
Nương gậy trúc lên đường dũng-đỉnh.
Trong lữ-quán lâm-dâm đèn hạnh,
Ngoài phế-đề lấp-lánh gương thu.

Tổng-kết: Xinh thay cảnh-vật sông Lư ! (1)

Hát ả-đào không thể không nói chuyện tình ; quan-viên với cô-đào không thể không có khi dan-díu nhau. Ta thử xem các cụ đời xưa có lôi-thôi như các ông đời nay không. Lôi-thôi thời chắc cũng lôi-thôi, nhưng xem ra lôi-thôi một cách tao-nhã và diễn ra những lời văn-chương rất thú-vị. Các cụ cũng lẳng-lơ, cũng trăng-hoa lắm, mà cô-đào chắc cũng chẳng kém gì :

Trông trăng trăng cũng nực cười,
Nhìn hoa hoa cũng lắm lời thế ư ? (2)

Các cụ chơi ả-đào, nhiều khi là chơi ngất-ngưởng,

Ngoài là thú mà trong là tình... (3)

Mà ở đời duy có tình mới là thú :

Trong trần-thế thực là cảnh giả,
Dứt tài-tình chẳng cũng uổng lắm ru ?
Xin xin đừng oán mà ngu (4)

Có ai lại sẵn lòng oán tình bao giờ ? Nhưng cái tình lắm lúc nó cũng rầy-rà lắm :

Nợ tình-tình rầy lắm chị em ơi !
Đã dan-díu chót vay rồi phải trả.
Khi đón gió, khi chờ trăng, khi xem hoa, khi bẻ lá,
Điều đồng-tâm nấn-ná biết là bao !... (5)

Tình tưởng là một sự chơi, ai ngờ thành cái nợ cũng rầy thật. Lúc đầu mình tưởng là dan-díu chơi cho vui, ai ngờ mình dan-díu, người ta cũng dan-díu lại, đã chót vay thời phải trả, vay trả trả vay, hai bên đắp-đổi, mà thành ra nấn-ná quá ngày,... ấy sự tình là thế, mà nợ tình cũng là thế, nhưng nợ tình là nợ phong-lưu, làm tài trai không thể tránh được.

Song chỉ ghê một nỗi, đã mắc vào khó gỡ cho ra :

Đa-tình mới dữ,
Mắc-míu vào đố gỡ cho ra ?
Khéo ghẹo người một cái tình-ma,
Trói buộc kẻ hào-hoa biết mấy?...
Tình-huống bút thần khôn tả vẽ,
Càng đa-tình càng ngốc càng si.
Cái tình là cái chi chi ? (6)

Thế ra các cụ khôn-ngoan như thế mà cũng chưa giải được cái tình là cái chi-chi. Có cụ bi-quan quá cho cái tình là cái dại đó mà thôi :

1. Cái tình là cái dại,
2. Nợ phong-hoa rước lấy mà chơi,
3. Nực cười thay chẳng gốc để ra lời,
4. Đố ai rũ làm sao cho trắng khỏi ?
5. Đám tế vui quanh trò múa đối,
6. Cuộc tình say lần giấc chiêm-bao.
7. Thôi đoái thương phỏng nhớ lại vơ sầu,
8. Lầu-thần bẹn-bẽ trăng, vau-vỉ gió.
9. Ấy mới biết tình-kỳ là nợ đó,
10. Uổng thợ Trời còn vẽ ra chi ?
11. Thà ngu, thà ngốc, thà si ! (7)

Vì thời gì, chứ chớ nên dại mà mắc phải cái nợ tình :

---

(1) Sông Lư (hay là Lô) tức là sông Tuyên (*Rivière Claire*), bài này cổ lắm, không rõ của cụ nào.

(2) Trích ở bài « *Trăm năm ai chẳng bạc đầu* » (mưỡu), tương-truyền của cụ Dương Khuê Vân-đình.

(3) Trích ở bài « *Đường sĩ-hoạn lẽ công cho chính* », bài cổ, không truyền của ai.

(4) Trích ở bài « *Thế nhân mạc oán tài tình lụy* », bài cổ, không truyền của ai.

(5) Trích ở bài : « *Ngó lui ngó tới* », tương-truyền của cụ Dương Khuê Vân-đình.

(6) Trích ở bài : « *Đa tình mới dữ* », bài cổ, không truyền của ai.

(7) Không truyền rõ của cụ nào.

Thôi thôi, chớ từ rầy dại mãi,
Chữ đa-tình là cái vô-tình.
Gặp nhau ta thử làm thinh ! (1)

Nhưng mà thế cũng vô-tình quá thật. Vả việc gì mà phải làm thinh như thế? minh đềnh-đoảng, tưởng dễ người ta thiết-tha lắm sao? Tưởng dễ người ta không biết phận hay sao ?

1. Sách có chữ « vô-tình tiễn-biệt »,
2. Khách với mình xưa quen biết chi nhau ?
3. Quê-quán đâu mà nhà cửa ở đâu,
4. Ngán vì nỗi nước lã ao bèo thêm đềnh-đoảng.
3'. Dưới nguyệt chén quỳnh khi thảng-thưởng,
4'. Tôi hát chơi mà khách cũng nghe chơi.
3''. Thảm-thiết chi mà giọt ngọc tuôn rơi,
4''. Mai mốt đã ngược xuôi người một xứ.
5. *Cô-nhạn nam-phi hồng bắc khứ,*
孤 雁 南 飛 鴻 北 去
6. *Nhàn-vân tây vãng thủy đông lưu,*
閒 雲 西 往 水 東 流

(Nghĩa là : Chim nhạn bay về phía Đông, chim hồng bay về phía Bắc, đám mây đi về phương Tây, nước chảy về phương Đông).

7. K[illegible]h về nhà đã có bạn khâm-trù,
8. Vui-vẻ đêm thu cùng mở tiệc.
9. Đây cũng ôm cầm theo liễu-mạch,
10. Thú cầm-ca còn lắm khách vui chơi.
11. Kia kia cá nước chim trời ! (2)

Ấy cái dan-díu của quan-viên với cô-đào thường khi là thế, quan-viên cũng biết thế mà cô-đào cũng biết thế, có ai lầm đâu? Muốn gọi đó là tình thì gọi, muốn gọi đó là duyên thì gọi, gọi cho nó trang-nhã thêm, chứ rút-cục cũng là chuyện « nước lã ao bèo chi đềnh-đoảng » cả. Tình đâu lại có dễ gây, duyên đâu lại có dễ bén như thế ? Nhưng mà thời-hồ cũng có kẻ giai-nhân tài-tử tri-ngộ nhau mà thành ra dan-díu cùng nhau. Lạ gì người tài-hoa gặp được khách phong-tình, nhiều khi cảnh-ngộ không hẹn mà hợp nhau, kia lênh-đênh đây cũng lênh-đênh.

Thưa cô, cô cũng như tôi... (3)
... Thôi bút-nghiên xênh phách cũng đều sai,
Trông nhau nói nói cười cười ! (4)

Trước còn cười cười nói nói, sau bỗng tự-nhiên :

Lệ Giang-châu chan-chứa bởi vì ai ? (5)

Trong cái cảm-tình mới-mẻ ấy, có yêu mà lại có thương, có thương mà lại có tiếc, có tiếc mà lại thêm quí-trọng bội-phần :

Gẫm lại phấn chưa phai hoa chưa rã,
Vì đem vào kim-ốc há nhường ai ?
Từ đâu lỡ một lầm hai ? (6)

Yêu, thương, tiếc, qui, mà muốn ra tay tế-độ vớt lấy cái hoa giữa đường, ấy các bậc danh-sĩ đời xưa mà lấy vợ ả-đào cũng là do một cái lòng từ-bi bác-ái như thế.

Bởi thế nên các cụ dịch bài *Tì-bà-hành* 琵 琶 行 của ông Bạch Cư-Dị cho ả-đào hát, mà bài ấy dần dần thành một bài hát thông-hành nhất :

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu lau-lách đìu-hiu...

người hát hát đến những câu ấy thường khi có giọng não-nùng, mà người nghe nghe đến những câu ấy cũng thường

(1) Trích bài « *Trăm năm ai chẳng bạc đầu* », truyền là của cụ Dương Khuê Vân-đình.
(2) Không truyền rõ của cụ nào.
(3) Trích bài « *Phụ mẫu cù lao kim thử nhật* », của cụ Dương Lâm Vân-đình.
(4) Trích bài « *Hốt ức lục thất niên tiền sự* », của cụ Dương, Khuê Vân-đình.
(5) Trích bài « *Dạ thâm hốt ức thiếu-niên sự* », của cụ Dương-Khuê Vân-đình
(6) Trích bài « *Thiên-lý huyền ca khai thắng-tịch* », không truyền rõ của cụ nào.

khi trong lòng tê-tái, vì cái cảnh người thương-phụ bến Tầm-dương với cái cảnh ông Tư-mã đất Giang-châu đó tức là cái tâm-sự chung của nhiều người văn-nhân kẻ kỹ-nữ vậy :

Cùng một lứa bên trời lận-đận,
Gặp-gỡ nhau lọ sẵn quen nhau . . .

Nhân nói về bài *Ti-bà*, cũng nên nhắc đến lối văn dịch của các cụ ; các cụ không những làm bài hát hay, mà nhiều khi dịch bài hát lại thần nữa, như bài *Ti-bà* này tương-truyền là của cụ Thượng Trứ, tưởng dịch đến thế đã là tài lắm. Những bài phú *Xích-bích*, bài thơ *Thiên-thai*, bài văn *Chức-cầm*, v. v., đều là văn dịch cả. Thơ dịch mà đến như bài *Thu-hứng* của Đỗ Phủ, các cô-đào thường đọc trước bài *Ti-bà*, thời tưởng không lời nào chải-chuốt mà réo-rắt bằng, có phần hay hơn bài chữ :

Lác-đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn lau hiu-hắt khí thu mở.
Lưng trời sóng gợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc thêm tuôn dòng lệ cũ,
Con thuyền buộc chặt khối tình già.
Lạnh-lùng giục kẻ tay đao-xích,
Thành quạnh gần xa bóng ác tà. (1)

Giọng dìu-hiu mà man - mác biết dường nào !

Nhưng các cụ đã tài lối văn tả-tình tả-cảnh, mà các cụ cũng tài lối văn nói bỡn nói đùa nữa. Giọng hoạt-kê của các cụ có lý-thú vô-cùng. Như bài « Ông đồ với cái đồ » sau này, lời như sỗ-sàng, nhưng mà cũng khéo tả thật.

1. Thầy *đồ* là người tài bộ,
2. Quẩy cầm-thư đi giáo-thụ phủ Vĩnh-tường.

3. Trước nhà-môn thiết một học-trường,
4. Dạy giăm đứa « chi, hồ, đã, giả ».

3'. Nhân lúc *đồ* ngồi nhàn-hạ,
4'. Rahồ sen xem ả hái hoa.

3''. Ả hớ-hênh ả để *đồ* ra,
4''. *Đồ* trông thấy *đồ* ngâm ngay-tức khắc :

5. *Phong tiền lạn-mạn hoa sinh-sắc,*
風前爛漫花生色。
6. *Thủy diện vi-mang bạng thổ thần.*
水面微茫艇吐脣。

(Nghĩa là : trước gió sặc-sỡ bông hoa nở, mặt nước mập-mờ chai thè miệng).

7. *Đồ* ngâm rồi *đồ* đứng tần-ngần,
8. *Đồ* nọ tưởng *đồ* kia thêm thắc-mắc.
9. Suốt năm canh *đồ* nằm khôn nhắp,
10. Những mơ-màng *đồ* nọ tưởng *đồ* kia !
11. *Đồ* đâu gặp-gỡ làm chi ! (2).

Có lẽ tác-giả chính là thầy-đồ cổ đó tự làm bài hát để tự-trào.

Lại ông Tú Xương, chắc các ngài đã biết tiếng cả, tuy về gần ta, nhưng cũng cho là bậc tiền-bối được, có bài « Câu - đối tết » sau này, cũng là giọng tự-trào và là thể hoạt-kê, lời văn dễ-dãi như lời nói thường, thế mà hay, ấy cái đặc-sắc của lối văn ông là thế.

1. *Nhập thế-cục bất-khả vô văn-tự,*
2. Chẳng hay-ho cũng phải nghĩ một bài.
3. Huống chi đã đỗ tú-tài,
4. Ngày tết đến cũng phải một vài câu đối.

Đối rằng :

5. *Cực nhân-gian chi phẩm-giá, phong nguyệt tình hoài*
極人間之品價。風月情懷。
6. *Tối thế thượng chi phong-lưu, giang hồ khí cốt.*
最世上之風流。江湖氣骨。

(Nghĩa là : Thanh - giả cực - phẩm nhân-gian là người có tình-tình phong-nguyệt; phong-lưu rất mực trên đời là người có khí-cốt giang-hồ. — Hai câu ấy đặt toàn những chữ sáo cả, cố làm ra lối câu đối khuếnh-khoáng mà vô-vị).

(1) Không truyền rõ của cụ nào dịch, có lẽ là cụ Thượng Trứ.
(2) Không truyền rõ của cụ nào.

7. Viết vào giấy dán ngay lên cột,
8. Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay ?
9. Rằng : « Hay thì thực là hay,
10. « Chẳng hay sao lại đỗ ngay tú-tài ?
11. « Xưa nay em vẫn chịu ngài ! »

Bà Tú chịu ông Tú không phải chịu về đôi câu đối đó, chính là chịu về cái ngông của ông, cái ngông ấy hơn hai-mươi năm về trước đã khét cả một xứ Bắc-kỳ !

Thưa các Ngài,

Bài diễn-thuyết này đã dài quá rồi. Các ngài chắc nóng muốn nghe giọng hát hay của qui-nương đây. Tôi bữa nay làm « anh kép tạm-thời », trống không biết đánh, đàn không biết gẩy, mà ngồi nói dông-dài trong bấy lâu, không khỏi làm mất thì-giờ của các ngài. Vậy xin các ngài miễn-chấp cho và cũng cám ơn các ngài đã chịu khó nghe được lâu như thế.

PHẠM QUỲNH

(Trong khi diễn-thuyết và sau khi diễn-thuyết có đào-nương ca-hát và kép gẩy đàn).

PHÁP-DU HÀNH-RÌNH NHẬT-KÝ (1)

VIII

Lyon, thứ hai 15 tháng 5

Hai ngày hôm nay đi chơi khắp trong thành-phố, toàn đi chân cả, trừ chỗ nào có xe điện không kể.

Hôm qua chủ-nhật lại vừa ngày hội Bà-thánh *Jeanne d'Arc*. ngày hội này bắt đầu từ năm nay đặt thành một ngày quốc-hội. Tám giờ sáng có điểm-binh ở công-trường *Bellecour*. Cả binh-lính, cả người xem, kể có vạn con người, thế mà đứng vừa cả, đủ biết nơi công trường này rộng là dường nào.

Xem điểm-binh xong, lên xem nhà thờ lớn *Fourvières*. Nhà thờ này cũng là một cái kỳ-công rất vĩ-đại. Xây ở trên cao-nguyên *Fourvières* là nơi phát-tích thành *Lyon*, khởi-công tự năm 1872 đến năm 1896 mới xong ; bề dài 86 thước, bề ngang 35 thước ; có bốn cái cột bát-giác cao 50 thước. Nhà thờ xây bằng đá cả, còn kiểu là thuộc về kiểu tạp, vừa có kiểu Hi-lạp, vừa có kiểu *byzantin*, vừa có kiểu hình trám (*ogival*). Cửa tiền có bốn cái cột làm bằng phiến đá một, cao hơn tám thước, cánh cửa bằng đồng coi lực-lưỡng lắm.

Trên đỉnh một cái cột bát-giác có đặt nơi gọi là « quan-sát-đài » (*observatoire*), đứng đấy có thể trông được khắp cả các vùng chung quanh, những buổi tạnh trời trông tới 150 cây-lô-mét xa. Lên đến đấy phải trèo 316 bậc, đã thấy chỏn chân. Ở trên có để một cái «phương-hướng-biểu» (*table d'orientation*), biên rõ cả các nơi có thể chiếu ống kính trông thấy được ; về phía Đông, những buổi sáng trời, trông thấy cả núi Bạch-sơn. Nhưng bữa mình lên thời trời lại u-ám, chẳng thấy gì ; đứng trên trông xuống chỉ thấy một đám sương mù-mù tỏa che cả nơi thành-phố, vì thành *Lyon* này chung-quanh những núi cả, khác nào như ở trong lòng chảo, ngày nào cũng

(1) Xem *Nam-Phong* số 58, 59, 60, 63 65, 66, 68.

sương mù trên núi dồn xuống, có khi cả ngày không tan hết.

Vùng này là chỗ phát-tích thành *Lyon* đời xưa. Năm 43 trước Gia-tô giáng-sinh, người La ma đến di-dân ở đây lập ở trên núi *Fourvières* một cái trại đặt tên là *Lugdunum*. Đến đời vua AUGUSTE nước La-mã đặt đây làm thủ-phủ đất *Gaule Celtique* về thế-kỷ thứ hai và thứ ba sau Gia-tô. Tỉnh-thành hồi bấy giờ hai ba lần bị cháy, dữ nhất là năm 59 và năm 197 sau Gia-tô. Nhưng sau khôi-phục dần lại và mỗi ngày một bành-trướng ra. Nhưng gốc-tích là ở trên chỗ cao-nguyên này ; ngày nay những di-tích còn đầy cả, nào là mảnh bia, mảnh tượng, mảnh tường, nhiều chỗ còn có từng giòng chữ cổ chưa phai. Đằng sau nhà thờ, có một con đường giốc hẹp đi len-lỏi trên sườn núi, hai bên đường đầy những mảnh đá cổ như thế, khác nào như một cái vườn bác-cổ vậy, tuy bỏ tự-nhiên như thế, nhưng cũng có kẻ hữu-tì coi việc bảo-tồn cả, vì đất này là một đất có quan-hệ đến lịchsử nước Pháp.

Ở đấy ra đi lên nơi gọi là đồn *Saint-Irénée*, đó là một cái đồn binh cũ nay dùng làm nhà « Pháp-Hoa Đại-học » 法華大學 (*Institut franco-chinois*). Trường này có hơn một trăm học-sinh Tàu trọ học ở đấy. Nhân hồi chiến-tranh xong, ông nguyên Thủ-tướng PAINLEVÉ nước Pháp có sang Tàu cổ-động cái chủ-nghĩa Pháp-Hoa-đề-huề, tự đấy học-sinh Tàu trước vẫn sang học Đức và Mĩ bèn kéo sang Pháp nhiều lắm. Chính-phủ Pháp hiệp-ý với Chính-phủ Tàu định đặt ra ở *Lyon* một trường dự-bị cho học-sinh Tàu học ở đấy cho đủ biết tiếng Pháp rồi mới phân-phát đi các trường Đại-học và trường chuyên-môn khác. Vậy trường Pháp-Hoa Đại-học này là của hai Chính-phủ Pháp-Hoa đặt ra, nên có hai ông đốc quản-trị, một ông người Tàu, một ông người Pháp. Vào xem trường này mà nghĩ đến học - sinh An - Nam mình không có một nơi nào như thế cả ; có lẽ là quí-quốc nghĩ rằng đối với người Tàu là dân một hữu-bang thời phải nên biệt-đãi một cách ân-cần, còn như đối với người Nam là dân thuộc-quốc, nghĩa là con cái nhà, thì thế nào cũng được, ý thế chăng ?...

Trường này đã phải một hồi đa-sự, là hồi bên Tàu các hội học đồng-thanh với Chánh-phủ ra công cổ-động về sự du-học Pháp nhiều quá, lại nói rằng học-sinh sang bên Pháp có thể vừa đi học vừa đi làm công để lấy tiền ăn học được, nên bọn học-sinh đua nhau mà sang Pháp, phần nhiều là con nhà nghèo không có vốn-liếng gì, mong đến nơi vừa làm vừa học, nên tự-xưng là « cần-công kiêm-học ». Nhưng số học-sinh sang đông quá, lại không rè rằng khi tới nơi rồi muốn vào làm công các xưởng, bị bọn thợ-Pháp phản-đối và ngăn-trở, sợ tranh mất việc làm, thành ra nhiều người bơ-vơ làm không có chỗ làm và học cũng không thể học được. Hồi ấy trường Pháp-Hoa-Đại-học này đã có rồi, và theo qui-tắc chỉ nhận học-sinh do Chính-phủ Tàu theo chính-thức gửi sang và có hội Trung-hoa-giáo-dục ở *Paris* đảm-nhận. Còn bọn « cần-công kiêm-học » kia, phần nhiều là tự ý sang lấy, thành ra vô-thừa-nhận. Bọn đó, kể mấy trăm con người, cùng túng quá, dùng cách ôn-hòa xin vào không được, bèu họp nhau lại áp-đảo nhà trường, rồi nghiễm-nhiên chiếm-cứ, đuổi không đi nữa. Việc này lôi-thôi mãi, sau hai Chính-phủ Pháp Hoa hết sức điều-đình mới khuyên được bọn đó về nước, và từ bấy giờ không cho sang thêm nữa.

Cạnh nhà trường có một nhà hàng cơm Tàu, nhân tiện vào ăn cơm đấy. Lâu nay mới được ăn cơm, lấy làm sướng quá ; ăn cơm đấy thuần là học-sinh Tàu cả, họ trông thấy mình họ cũng tưởng là người Tàu, nhưng cho là người một tỉnh khác họ không biết tiếng.

Hôm nay đi chơi nốt các phố-phường và vào xem nhà bảo-tàng các đồ - dệt (*Musée des Tissus*), có đủ các kiểu đồ dệt bằng vải cùng bằng tơ lụa của các nước từ đời xưa đến đời nay.

Tiếp chuyện một ông thanh-niên văn-sĩ, lại chính là ông diễn-thuyết ở *Marseille* mấy tuần trước. Ông đã đỗ cử-nhân, vừa học trường đại-học (để thi *Agrégation*), vừa làm thơ làm văn, xem ra ông sinh thơ văn lắm, và cũng tự-đắc lắm, bình-phẩm các danh-sĩ đương-thời không cho ai ra gì cả. Cho hay những hạng văn-sĩ nổi ở nước nào cũng như nước nào.

Xem thành *Lyon* thế này cũng gọi là tiềm-tiệm đủ rồi, vậy anh em định sớm mai lên *Paris* chuyến xe lửa thứ nhất. Chiều hôm nay đã lấy vé sẵn cả rồi.

Thứ ba, 16 tháng 5

Ngày hôm nay đi xe lửa đã nhọc, đến *Paris* lại đi dạo phố phường 3, 4 giờ đồng-hồ luôn để nhận phương-hướng, tối mệt quá, nhưng lạ chỗ cũng không ngủ được, bèn đem tập nhật-ký ra biên. Song cầm bút mà không có hứng viết một chút nào. Vậy cái cảm-giác ngày thứ nhất ở *Paris*, phải để hôm nào tinh-thần thư-thái hơn sẽ thuật, bữa nay gọi là ghi chép cái ngày giờ đến đây cho nhớ về sau mà thôi.

Sáng đi chuyến xe-lửa 6 giờ 1/2 từ *Lyon* lên, chuyến này cũng là chuyến « thường-tốc » (*express*) như ở *Marseille* lên *Lyon*. Đi hạng nhì giá 71 quan. Trong mấy anh em, có ông Nguyễn, ông Trần và mình đi bữa nay, còn ông Vi và hai cậu con thời còn ở lại *Lyon* để lên chơi *Macon* có người quen, rồi sau này mới lên *Paris*. Bữa trước ở *Marseille* lên *Lyon*, càng lên phía bắc càng thấy trời hiu-hắt, có khí lạnh ; bữa nay ở *Lyon* lên *Paris* thời càng lên lại càng thấy nắng và nóng, cái đó cũng lạ. Là bởi năm nay nghe chừng mùa hạ ở *Paris* nóng khác thường ; bây giờ mới là tháng 5, kể còn là xuân, thế mà khí nóng đã như hạ rồi. Mình vốn yếu chịu lạnh, đến mùa lạnh ở Bắc-kỳ chịu cũng đã khó thay, nên khi đi vẫn sợ sang bên này gặp lạnh thời đến phát đau mất. Nhưng mà may sao đến đây giữa vào cuối xuân sang hạ, mà hạ năm nay lại có ý nóng hơn mọi năm như thế này, thật là trời tựa một anh con xứ nhiệt-đái.

Đúng 3 giờ trưa xe lửa đến *Paris* đỗ ở nhà ga gọi là *Gare de Lyon*.

Ngồi trên xe lửa, mình đã đọc kỹ cái sổ kê những nhà khách-sạn ở *Paris*, in trong các sách « *Paris* chỉ-nam », anh em đã bàn nhau định vào trọ một nhà ở đường *Vaugirard*, vì trong sách nói rằng nhà ấy trông ra vườn *Luxembourg*, cảnh-trí đẹp lắm. Nhưng khi đến nơi, bảo xe ô-tô đưa đến đường ấy số ấy thì chẳng thấy nhà khách-sạn đâu cả, không biết là sách in lầm hay là nhà đã dọn đi nơi khác rồi. Thế là mình rắp định một điều hỏng cả một điều, mà sự không hỏng thời lại tới. Số là ông Ng.-H-C. là con một vị hưu-quan ở Bắc-kỳ ta, được tin anh em đến có ra ga đón, khi tìm trọ ở đường *Vaugirard* không xong, ông bèn dắt về chỗ trọ ông, nơi gọi là « Thế-giới khách-sạn » (*Hôtel du Monde*), ở đường *Berthollet* số 15. Thế là sang đất lạ lại được ở cùng người đồng-quận, cũng là một sự không ngờ.

Thôi đêm đã khuya, cố đi ngủ, để mai đi chơi sớm.

(*Còn nữa*)

PH.-Q.

MỘT NHÀ DANH-NHO VÀ DANH-Y CỦA NƯỚC TA NGÀY XƯA

CỤ LÃN - ÔNG

I

Ở cái đời tân - học đang mở - mang thịnh-vượng như ngày nay, mà khảo đến những cái học-thuật tư-tưởng của một nhà cổ-triết nào thì phải bình-tĩnh, phải tĩnh-tâm mà bới vạch ở trong cái rừng bác-tạp trùng-lũy lâu đời kia, để xét tìm lấy những cái chân-lý, những lời vi-ngôn mà nhà cổ-triết ấy đã sở-đắc riêng ra được, rồi đề-xướng lên, phát-huy lên, mong có ngày lan khắp ra mà bổ-ích cho thiên-hạ hậu-thế, thì mới là biết cái cách « dụng-cổ » vậy.

Xem như bên Âu-châu ngày nay, nhất-thiết những sự sở-học, sở-hành, đều là những lẽ tân-tri, tân-sáng; độ-việt cả các đời vãng-cổ, dẫu gọi cho là Âu-châu của nhà tân-học, cũng không là quá; thế mà xét đến những lịch-sử của một khoa học nào, cũng đều có tự một cái uyên - nguyên rất sâu-xa, để qui-công cho tiền-nhân : như cái học « thiên-diễn » thì nối tiếp xa mãi từ thượng-cổ, bởi một nhà danh-hiền lập xướng lên; cái khoa hóa-học thì cho là nhân ở cái thuật luyện-đan đời trung-cổ, vân-vân. Người ta sở-dĩ nghĩ như thế không những là có cái mĩ-ý không vong-bản mà chính là mở ra một cái diệu-quyết để cầu-tân vậy.

Nước Việt - Nam ta có cụ Lãn - ông quật-khởi lên ở cuối đời cận-cổ, cụ là một nhà kiêm cả đại-y-học, đại-văn-hào, đại-thi-bá và đại-cao-thượng; cái học-thuật, cái tư-tưởng của cụ so với cái học-thuật, cái tư-tưởng của các nhà tiên-triết Thái-Tây thế nào, đã có sự-nghiệp ở trong lịch-sử sau này, độc-giả tự hiểu, tôi không dám đoán trước, nhưng tôi chắc rằng cái học-thuật của cụ là cái học-thuật muốn cầu-tân, mà cái tư-tưởng của cụ là cái tư-tưởng cực siêu-mại, nay phân làm hai phương-diện mà lược bàn ra đây : là phương-diện về y-học với phương-diện về đạo-đức văn-chương; hai phương-diện ấy cũng đều khả-dĩ để làm mô-phạm cho đời sau, mà nhất là cho cái xã-hội ta đang lúc cách-cố đỉnh-tân này.

Về phương-diện Y-học.— Khoa này là một khoa dụng-công nhất trong sự học của cụ, một sự-nghiệp rất lớn-lao trong học-giới nước ta ; từ cụ về trước, nghề Y nước ta chuyên - dụng sách Tàu, tuy có sách cụ Tuệ-tĩnh, nhưng là sách « bản-thảo » sơ-lược về thuốc nam mà thôi, chưa thành ra khoa học. Cụ nổi lên mới dung-hội cả bách-gia, gia-công trước - thuật, lập riêng ra một khoa Y-học-đại-toàn. Lúc kỳ-thủy tôi mới trông thấy thuốc tây, khi-nghệ thì xảo-diệu, chế-hóa thì tinh-vi, mà trắc-nghiệm thì xác-thực, so với thuốc của cổ-nhân ta hơn kém nhau một vực một trời, tôi ngờ rằng cái lẽ làm thuốc của cổ-nhân ta không còn có cái gì là có thể dung-hợp được với thuốc tây bây giờ; sau xét đến căn-nguyên thì thấy có nhiều lẽ tương-đồng, đan - cử mấy vị thuốc thường dùng như sau này :

1) — Quế (*cannelle*), thuốc tây trong sách Mi-ghê (*Mémorial de l'infirmier annamite*) nói : « Quế uống cho được bổ sức, khải tỳ, giáng hỏa vào khi bệnh nặng mà hao tổn kiệt sức », mà thuốc ta trong sách *Lãn-ông-dược-phẩm* cũng nói : « Quế chủ trị lao-thương mà bổ-trung ích-khí, trị tỳ vị hư hàn. . . »

2) — Đại - hoàng (*rhubarbe*), thuốc tây trong sách *Cổ Minh-thịnh* người Tàu nói : « Đại-hoàng giúp sức vận-động

cho hạ-bộ đại-tràng để bài-tiết những chất vô-dụng ra ngoài và nói: Đại-hoàng chỉ dùng về bệnh tiện-bí mà thôi. . .» sách Mi-ghê cũng dùng đại-hoàng làm thuốc tẩy, mà thuốc ta trong sách *Lãn-ông dược-phẩm* cũng nói: « Đại-hoàng tả các chất thực-nhiệt bất thông-hoạt đại-tiện bí kết.»

3) Ngải (*absinthe*), sách *Mi-ghê* nói: « Ngải lợi kinh thủy, chữa sốt, lại dùng rượu *absinthe* chữa bệnh thổ tả *cholé-ra*», mà sách *Lãn-ông dược-phẩm* cũng nói: « Ngải điều kinh, trừ ngoại-cảm phong-hàn, chỉ hoắc-loạn chuyển cân.»

4) — Bạc-hà (*menthe*), sách *Mi-ghê* nói: « Bạc-hà dỡ bệnh kinh-phong, thổ-tả, đầy-bụng, ăn không tiêu»; mà sách *Lãn-ông dược-phẩm* cũng nói: « Bạc-hà tiêu thực, hạ khí, trừ kinh-dản, định hoắc-loạn.»

Coi đó thì biết thuốc tây ngày nay sở-dĩ tinh-diệu hơn thuốc ta, tuy có nhiều cái mới phát-minh ra mà cũng nhiều cái nhân cái cổ-học mà khéo biến-hóa đi đấy thôi. Thế mà cái môn cổ Y-học của Á-Đông ta ngày xưa, người sáng-kiến thì có ít, mà kẻ manh-tòng thì có nhiều; giản-hoặc có người phát-minh thì cũng không ai biết mở rộng ra được, nên chi đến phải liệt-bại như kia là phải. Hiện nay Nhật-bản đã cải học thuốc tây mà nổi danh trong hoàn-hải rồi, Trung-quốc cũng đã đang thí-nghiệm; nước ta nhờ có Đại-Pháp khai-hóa, sớm muộn rồi cũng theo được một công-lệ như người, nhưng tôi chỉ ước-ao rằng sẽ có người nổi lên ở giữa cái giao-giới tân Y-học với cựu Y-học thay đổi nhau này, đem cái trí-thức mới mà khảo-nghiệm bộ sách *toàn-thư* của cụ Lãn lại một lần thì chắc thế nào cũng có ít nhiều chỗ khả-thủ để mà dung-hội với các nhà đại-y-học Đông Tây bây giờ, thì cụ Lãn sẽ vẫn là một vị đại-y-tôn ở nước ta, mà dân-tộc ta sẽ tỏ ra là một dân-tộc đã từng có học-thức kinh-nghiệm.

Vả không những thế, cụ Lãn lại có một cái công đáng làm mẫu-mực cho hậu-nhân ta là cụ sinh trước ngày nay mà đã biệt-lập ra được một môn-hộ để tranh-hùng với các nhà y-học Á-Đông, vậy sinh sau cụ mà ở vào cái thời-đại y-học của thế-giới đang tinh-tiến này, tất phải thâu-thủ, nghiên-cứu thế nào mà dựng lấy một lá cờ ở trong tân-y-giới hoàn-cầu, thì mới không thẹn với cái gương sáng của cổ-nhân minh ngày nọ.

Về phương-diện đạo-đức văn-chương. — Cụ Lãn ghé vai gánh lấy cái gánh đạo-thuật cho đời, mà tự cam đạm-bạc, lúc thuốc-men thong-thả, đem cái ngòi bút thiên-tài, để giải nỗi lòng, mà khích-dương đời một cách rất mát-mẻ, yêu mến đời một cách rất nồng-nàn, nay đọc đến những thơ những văn bằng chữ hán của cụ còn để lại, thì những cái cao-ngâm đặt-hứng, những cái kính-tiết thanh-phong của cụ vẫn còn mơ-màng phảng-phất ở trên tờ giấy, khiến cho những kẻ đang chìm-đắm vào trong cái bể tham-ô du-nọa, nghe thấy mà biết phấn-nhiên tự-lập, để mà mở mặt ra với non-sông xã-hội; vậy thì cụ lại là người có quan-hệ cho nhân-tâm thế-đạo đời sau là dường nào!

Hai phương-diện trên ấy, về phương-diện y-học thì xin đợi các ngài yêm-bác trong tân-y-giới sau này, còn về phần tôi thì xin tạm đem cái ngòi bút non-nớt quê-mùa, trước kính làm truyện và biểu-trương ra những cái đại-yếu có đặc-sắc bất-hủ về hành-trạng của cụ, rồi sẽ dịch những thơ những ký là về phương-diện đạo-đức văn-chương, mà cụ đã tự soạn ra, để cống-hiến cùng quốc-dân, mong có ích gì cho phong-hóa đôi chút chăng, nhất là mong cho trong tân-y-giới nước

ta ngày nay, sẽ có nhiều ông Lãn-ông mới khác, văn-phong mà hưng-khởi lên, thì xã-hội ta may lắm! dường thực-học, thực-nghiệp ta may lắm!

Thân-thế và đức-nghiệp của cụ Lãn

Cụ húy Trác 卓 họ Lê 黎, tức là Lê Huy - Trác, 黎 輝 卓 tự hiệu Lãn - ông 懶 翁, nghĩa là một ông lão lười biếng, đó là ý cụ tự-trào rằng cụ đối với cái công-danh phú-quí ở đời, thì cụ là một người rất lười biếng, nhưng xét đến học-vấn sự-nghiệp của cụ, thì cụ thực là một người cực sốt-sắng chuyên-cần.

Cụ là con thứ bảy quan Thượng-thư họ Lê, làng Liêu-xá 遼 舍, huyện Đường - hào 唐 豪, tỉnh Hải-dương (bây giờ thuộc về huyện Yên-mĩ, Hưng-yên), tục gọi cậu « Chiêu Bảy », sinh ở đời vua Giụ-tôn nhà Hậu-Lê, ngang lịch tây năm 1721, thọ ngoài 70 tuổi, chưa tường mất năm nào. Thủa còn bé đã có chí lớn, khi Tiên-Đại-phu đang làm Thượng-thư tại Triều, cụ học tập ở kinh - đô, đã nổi tiếng hay chữ, có kết với mấy người thi-nhân làm một thi-xã, lúc thừa-nhân rủ nhau tiêu-dao đề - vịnh trên Tây - hồ (Hà-nội), đến tuần « cập - quán », Tiên - Đại-phu từ-lộc, cụ phải đình-gian về quê.

Trên nhà thi-lễ, vừa mới vắng âm-dong; ngoài cửa lý-đào, bỗng nổi cơn binh lửa. Số là đến cuối năm ấy là cái năm cụ Thượng cố mới mất, về thời Cảnh-hưng sơ-niên (vua Hiển-tôn nhà Hậu-Lê mới tức-vị), bốn phương nổi loạn.

Ấy chính một cuộc loạn đó đã từng khiến cho cụ Lãn một hồi hơn mười năm trời đương độ thiếu-niên, làm một người trong cuộc, trước còn điên-bái lưu-ly, sau ra trí-khu xung-đột, rồi sau nữa thì thành ra phân-vân ngậm-ngùi, muốn thôi không nỡ thôi, muốn làm như ai không nỡ làm, mà muốn làm cho ra làm, thì lại chưa tiện làm, hật là một cuộc loạn có quan-hệ đến trong tâm-sự, trong thân-thế của cụ mà đào-luyện nên cái đức-nghiệp, cái tư-tưởng cho cụ vậy.

Nguyên-lai nước Đại-Việt ta từ lúc nhà Hậu-Lê trung-hưng đến đời cụ Lãn đã hơn hai trăm năm, quốc-thế vẫn phân làm hai, là từ nam-ngạn sông Gianh dĩ-nam là cái đất tân-cương của nhà Lý, nhà Trần và nhà Tiền-Lê đánh nước Chiêm mà khai-thác ra, rồi đến các đấng Tiên-vương Bản-triều ta mở rộng thêm ra, thì thuộc về quyền tự-chủ của chúa Nguyễn. Còn từ bắc-ngạn sông Gianh dĩ-bắc là cái đất Tổ-quốc của cụ Lãn, tức là cái đất bản-bộ của nước Đại-Việt thì thuộc về vua Lê chúa Trịnh, nhưng vua Lê chỉ còn có cái hư-vị mà thôi, chính-quyền chuyên ở một tay nhà chúa Trịnh, chúa Trịnh truyền đến đấy là Trịnh Xâm, xử với tôn-thống nhà Lê lại càng nhiều việc gian-bạo hơn các đời trước, nên-chi những kẻ quật-cường, nhân cớ đó mới kích-động nhân-tâm mà phiến-biến, như Hoàng-thứ-tử Lê Duy-Mật thì chiếm-cứ một vùng ở Thanh-hóa, những bọn loạn-dân thì khởi lên khắp cả các châu-quận, có đảng thì chân-tâm, có đảng thì giả-danh mà đảng nào cũng đều lấy cái tiếng « phù Lê diệt Trịnh » để làm thanh-thế, nhất là về Hải-dương là cái chỗ tử-phần của cụ, có tướng Cừ, tướng Hẻo đều khiêu-dũng khác thường, mà cái vạ binh-đao lại càng khốc-liệt hơn các nơi khác. Ấy cái thế tam-phân tứ-khởi lúc bấy giờ đại-khái như vậy, mà cụ Lãn thì sẽ đối-phó với cái cuộc loạn ấy như thế nào?

Cụ vốn là một vị thiếu-niên công-tử, sinh-trưởng trong chỗ đình-chung, dùi-mài ở nơi đèn - sách, mắt chưa từng trông thấy ngọn lửa, tai chưa từng nghe thấy tiếng súng ở chỗ sa-trường bao giờ, thì dẫu có cái thiên-tài hùng-vũ còn ẩn chưa lộ ra thế nào mặc lòng, mà thốt-nhiên gặp cơn binh-lửa tới nơi, thì cũng không khỏi phải hàng-hoàng bôn-tẩu, tìm chốn ẩn-thân như

mọi người thường. Sau cực chẳng đã, cụ bèn phấn-nhiên mà rằng : « *Can-qua mãn mục, nam-nhi hà tất lão thư-song.*—Trông ra bề bộn can-qua, nam-nhi hà-tất chết già thư-song. » Bấy giờ mới quyết đi dạo chơi các nơi phương-ngoại để rộng tìm lấy những người chí-sĩ mà kết-giao ; cái chí bốn phương « hồ-thỉ » nó thúc-giục cho cụ phải xếp bút nghiên mà rấn thân ra cái bước phong-trần từ đấy.

Trông vời trời bể mênh-mang,
Thanh gươm yên ngựa lên đàng thẳng giong.

May đâu gặp Vũ tiên-sinh là một nhà xử-sĩ ở làng Đặng-xá, huyện Hoài-an, trước đỗ hương-tiến (cử-nhân), không muốn ra làm quan về ẩn-cư ở bản-hương, đã tám-mươi tuổi, rất tinh về « thiên-nhân chi học ». Vũ tiên-sinh mới dạy cho cụ Lãn những phép binh-thư và cái thuật nhâm-độn ; cụ nghiên-cứu ít lâu thì tinh : bấy giờ mới cắp gươm ra đầu vào đảng quân Chính-phủ đi chinh-tiễu, để thí-nghiệm cái học của mình.

Cho hay những bậc anh-hùng xưa nay, lúc còn ẩn-phục ở nhà, thì nhu-mì ôn-nhã, chẳng khác chi cô thiếu-ngải đang ngồi đọc sách ở trước song-the ; đến khi đã xuất-hiện ra với đời rồi, thì nhanh-nhẹn hùng-cường chẳng khác chi con mãnh-hổ đang thét gió gào mây ở trước cửa rừng. Cụ Lãn từ vào làm việc trong quân, bao nhiêu những sự lâm-nguy lý-hiểm đều coi như không ; những lúc vận-trù quyết-sách cũng đều được ứng-nghiệm cả, thường thường trận nào cũng chiếm được phần hơn người, quan Thống-tướng tin yêu lắm, đã định chờ dịp mà đề-bạt lên cho cụ, nhưng cụ thì tuy cái thân ở chỗ hàng-trận, lúc làm ông tham-mưu trong duy-ốc, lúc làm viên đũng-tướng ngoài chiến-tràng mà hằng đem cái nhỡn-quang của kẻ nhân-nhân để quan-sát cả toàn-cục :

Gẫm từ đấy việc binh-đao,
Đống xương vô-định đã cao bằng đầu !

Cụ càng kinh-qua cái tấn kịch tham-tàn của người đồng-bang bao nhiêu, thì đối với cái cuộc nộp quách dâng công của bọn cò nhờ nước đục kia, thì lại càng thêm khả-ố bấy nhiêu, cụ càng trông thấy giọt máu đào của người đồng-bào lai láng ra bởi tay người đồng-bào bao nhiêu, thì cái bụng thương nòi xót giống lại càng chan-chứa ra bấy nhiêu. Ôi ! tranh nhau cũng vị hơi đồng, giết nhau vị miếng đỉnh-chung của trời, cả một cái chiến-cục tương-tàn tương-sát nhau trong đồng-loại, đang ồn-ào sôi-nổi, mà kỳ-thực bên nào cũng đều không có cái chủ-nghĩa gì chân-chính, cái mục-đích gì công-minh, như thế thì còn tri mà làm chi, dũng mà làm chi, thăng-trac cũng hiền-hách nữa mà làm chi ; bởi thế cụ đối với quan Thống-tướng đáng lẽ là một người ân-nhân tri-ngộ, nên tỏ ra lòng săn-sóc dường nào, mà cụ lại xử ra ơ-hờ lạnh-nhạt, ấy cái sự-nghiệp cường-chủng thọ-thế của cụ sau này, mà truyền đề được đến muôn đời, cũng là phát-quang ra từ cái đám máu rơi thịt nát lúc bấy giờ, rồi phản-chiến ra đó. Không thế thì sao đang đường-đường một vị thiếu-niên tướng-quân, chỉ thanh long-tuyền đi đồ-thành hãm-trận, uy-danh lừng-lẫy trong quân, mà bỗng quay ngay ra làm một ông thầy thuốc, đeo bầu quẩy nịp, lang-thang đi cứu-dân độ-thế làm gì ?

Tuy-nhiên, cụ Lãn sở-dĩ không hoan-nghênh cái thịnh-tình của quan Thống muốn đề-bạt cho mình, là vì cụ cảm thấy một cái tranh đoan lúc đó, là một cái tranh-đoan đều vị tư-lợi, nên chỉ trong lòng bất-giác sinh ra chán-ngán mà thôi ; còn như nhà quân là cái chốn sinh-hoạt của đấng anh-hùng, việc quân là cái việc gốc

yên dân giữ nước, cụ là một đấng anh-hùng muốn hết lòng vì dân vì nước, mà không lợi-dụng lấy cái sức mạnh của nhà quân, để trừ-tàn khử-bạo, thì làm thế nào được, cho nên cụ vẫn cứ trù-trừ lưu-luyến, chưa nỡ chia-phôi. Nay đọc mấy bài thơ thuật-hoài về khi cụ đã thành một ông lang già rồi, mà còn có những câu như : « Gươm thiêng bỏ sót, anh-hùng già-nua », và câu : « Câu thơ tráng-chí bận lòng lúc say », thì đủ chứng rằng cái hùng-tâm của cụ vẫn bứt-rứt về việc vát-loạn đến già chửa thôi.

Cụ đang ở trong quân, bỗng có giấy « phó-cáo » ở nhà quê đưa lại nói rằng : « Ông anh thứ năm cụ về nuôi mẹ ở quê ngoại Hương-sơn (Nghệ-an), quan-sơn nghìn dặm, nay bị bệnh mất rồi ». Gia-vận gặp cơn sa-sút, trên thì mẹ già bảy-mươi tuổi, chân chậm răng long, dưới thì năm ba đứa cháu bồ-côi, ngây-thơ mãng-sữa. Cụ phải vội-vàng bẻ tên cởi giáp, chạy về Nghệ-an để thu-xếp việc nhà; ai hay chính cái ngày hôm cụ Lãn tạm từ nhà quân mà về thì lại thành ra cái ngày cụ vĩnh-biệt nhà quân, để cải cái nghề « thị-sát » đi mà làm cái nghề « hiếu-sinh », thì còn biết đâu mà đoán trước được.

Loạn nước chửa bình, việc nhà thêm rối, cụ Lãn một mình kinh-doanh gia-kế không lúc nào ngơi, mà thử đem tính lại cái hiện-tình trong toàn-quốc lúc đó, thì cái thế tam-phân tứ-khởi kia, chưa biết ngày nào liễu-kết, dân-sinh còn lắm nỗi lầm-than, vả trông về trung-nguyên là cái đất Tổ-quốc, nay dù đang khi hôn-loạn thế nào cũng không có lẽ bỏ mà đi đâu, mà muốn vì Tổ-quốc lập-công, thì sự-thế như ngày nay, chỉ có một cách là lại phải tuốt lưỡi gươm thiêng ra, xông-pha bách-chiến, lấy nước làm trọng, lấy mình làm khinh-sở-ngộ cái gì có lợi cho dân cho nước thì để, cái gì có hại cho dân cho nước thì trừ, thì mới có thể giải-quyết được những cái vấn-đề trên nọ mà mong cho nước nhà được trảng-trị cửu-an, dân-sinh được an-cư lạc-nghiệp. Nhưng lại ngặt vì còn chút mẹ già yếu đuối, như ngọn đèn trước gió, chưa biết phó-thác cho ai ; trải xem các đấng trung-thần từ xưa, đều là những người hiếu-tử, nước tuy không phụ, nhà đâu nỡ quên, phải liệu sao cho hiếu trung đều vẹn, mới là trượng-phu. Vì thế cụ Lãn còn phải nấn-ná lại ở nhà, hễ được lúc nào gia-sự sảo-thư, thì lại cứ đem sách ra coi, đem gươm ra múa, cái khí « hồng-nghê » bằng-bằng muôn trượng, chưa biết thôn-thổ vào đâu, cụ có ngâm thành một bài thơ ngũ-ngôn bằng hán-văn như sau này :

十年磨一劍。鋒芒正光芒。
殺氣橫牛斗。殿威動雪霜。
入秦既不可。歸漢亦未遑。
湖海空壯志。壯志成大狂。

Nay dịch ra việt-văn thể lục-bát rằng :

Mười năm mài một lưỡi gươm,
Hào-quang sáng quắc phi-thường ai đang.
Ngất trời sát-khí mơ-màng,
Nghiêm-uy chuyển-động tuyết sương nghìn trùng.
Tiến đường về Hán chưa xong,
Sang Tần thì việc đã không nên rồi.
Bể hồ trôi-rạt đôi nơi,
Cho người tráng-chí ra người cuồng-ngông.

Một bài thơ ấy thực đủ tả hết cái tâm-sự của cụ lúc bấy giờ bối-rối là nhường nào ! Hay đâu chi nam-nhi chưa toại, việc gia-sự đã mang, lao-lực lao-tâm quá mà nhiễm-thành một chứng bệnh nặng, mời khắp các thầy chữa hai ba năm không khỏi sau phải

sang bên huyện Thanh-sơn, trọ ở nhà ông y-sĩ họ Trần để nhờ ông chữa cho.

Lạ thay cho một cái bệnh dai-dẳng đến mấy năm trời làm ngăn-trở mất cả cái tiền-đồ may-mắn của một tay hào-kiệt thiếu-niên, đang hội phong-vân, ở người ta thì thực là một cái bệnh rất ác-nghiệt đáng nên thù ghét là dường nào, mà ở cụ Lãn thì lại phản-thành ra một cái bệnh rất có công-ơn đáng nên kỷ-niệm, là vì cụ nhân có cái bệnh ấy, nó bách-thiết đến thân mình, để cho mình tỉnh-ngộ ngay ra được rằng ở đời còn có nhiều cái yếu-cần, thì việc đời còn có nhiều cái sự-nghiệp rộng lớn, không phải khu-khu cốt luyện lấy lời văn cho hay, hay là mài lấy thanh gươm cho sắc, mà dù thoát được mọi khổ-ách, cầu được một cái hạnh-phúc cho loài người. Và cụ sở-dĩ biết được đến cái môn-hộ nhà y, rồi trút bỏ mọi việc, chỉ chuyên-tâm chí-ý để phá tan lấy cái cõi thiên-hoang cho nhà y họ Việt-Nam ta được, cũng là nhờ có cái bệnh ấy nó làm môi-giới cho vậy. Cụ đi lại nhà ông Trần y-sĩ đến gần một năm. Ông là người ở Trung-cần, huyện Thanh-chương, bác-học đa-văn, vốn là một tay văn-chương cự-phách ở Hoan Diễn, đỗ hương-tiến, rồi tuyệt chí công-danh, về ẩn-cư ở Thanh-sơn, làm thuốc đã có tiếng, có một hôm cụ Lãn nhân thong-thả mới đem bộ sách *Phùng-thị cầm-nang* là một bộ sách thuốc của Tàu ở nhà ông ra xem, phàm những chỗ uyên-áo ở đâu cũng đều hiểu thấu cả. Trần y-sĩ lấy làm lạ, bèn khuyên cụ Lãn nên lưu-tâm đến nghề làm thuốc để mà bảo-thân tế-nhân, và hứa sẽ đem tất cả cái học của mình mà truyền-thụ cho. Vả trong cái chi trách-nghiệp của cụ Lãn lúc bấy giờ cũng đã thể-nhận ra được cái tôn-chỉ của khoa y-học là một cái học cách-trí rất bao-la, rất thâm-áo và rất mật-thiết. Mà trong học-giới của Á-Đông ta ngày trước, nói đến cái nghĩa trí-tri cách-vật, cũng chỉ có một khoa học này lại lược-bị mà thôi, nghĩa là trước phải nhất-quán cả thiên địa nhân, phải hội-thông với cái triết-lý trong kinh *Dịch*, rồi sau phải khảo-nghiệm và điều-nhiếp chế-hóa cả các tính-chất của vạn-loại trong vũ-trụ, để dùng làm cái tài-liệu hộ-vệ cái phúc-thọ-khang cho nhân-loại, thật là một cái học rất quan-hệ cho nước cho dân, cho nhân-quần xã-hội, cho nên cổ-nhân thường cho cái trách-nhiệm của một ông thầy thuốc cũng bằng cái trách-nhiệm của một ông tể-tướng. Phương-chi người Việt-Nam ta, đối với khoa-học này từ trước đến bấy giờ, cũng chỉ mới biết học mò cái cách làm thuốc của Trung-quốc mà thôi, thực chưa có ai biết tự thí-nghiệm để biệt-lập ra được một nhà danh-gia bao giờ, nay vì đem cái tài yêm-bác, cái lòng cao-thượng, cái bụng bác-ái, cái chí kiên-nhẫn như cụ Lãn, mà hết sức nghiên-cứu lấy một khoa-học này, thì học-nghiệp lo gì không thành-tựu, sự-nghiệp lo gì không phát-đạt, mà cái đạo-thuật truyền để đến muôn đời, lại chả còn hơn cái huân-danh chỉ rực-rỡ được có một lúc hay sao? Cụ Lãn nghĩ như thế cho nên cái sự thụ-nghiệp ở Trần y-sĩ, vì mắc việc thì lại thôi, mà cái chí học thuốc của cụ thì đã nhất-định rồi. Xảy có quân loạn-đảng ở ngoài Bắc, bị quân Chính-phủ đánh thua chạy vào hạt Nghệ-an, nên quan Hải tướng-quân (ông này trong bài tự của cụ Lãn không nói rõ tên, nhưng chắc là ông Phạm Đình-Trọng 范廷仲 người Hải-dương đuổi đánh giặc Hẻo) là chủ-súy quân Chính-phủ kéo vào vây đất Bảo-giang (về hạt Nghệ-an), những người thân-bằng của cụ ở Nghệ-an ra đi tòng-quân cũng nhiều, có người nói với Hải tướng-quân mà đề-bạt lên cho cụ. Hải tướng-quân cho cờ lệnh về tận nhà mời, cụ mới phải ra yết-kiến trước

viên-môn. Hải tướng-quân vốn có bụng ái-tài, nay xét thấy cụ Lãn là người thực quả có tài, thì tiu-dụng ngay, bèn mật sai cụ đem quân việt-hiểm qua Cao-châu lẻn ra đàng sau giặc mà đánh chặn đường viện-binh của nó ; tướng-quân lại dụ cụ rằng : « Trận này thành-công thì được bái-tướng phong-hầu ngay. » Đó là cái chân-tình của Hải tướng-quân như vậy, nhưng có biết đâu cái chí cao của một đấng trượng-phu đã quyết-định làm việc gì mà đã đinh-ninh trong dạ rồi, thì dẫu tôn-hiển phú-quí đến thế nào, cũng không di-dịch đi được, nữa là một cái công nhặt bã mía đi sau voi, thì có làm gì ? Cho nên cụ nghĩ ngay trong bụng rằng : « Cái dám lợi-danh mình đã phó theo với phiến nhàn-vân cùng dòng lưu-thủy kia bao lâu rồi. » Bèn cáo-từ có mẹ già không có thể đi xa được, tức-thì trở về Hương-sơn dùm mấy gian thảo-đường ở dưới cửa rừng, dốc trí học thuốc, thu-tập khắp cả các sách bách-gia, đêm ngày kê-cứu, không dám bỏ qua một chút thì-giờ nào. Song cái chỗ cụ ở là một nơi ngõ hẹp hang cùng, trên không có ai là minh-sư, dưới không có ai là lương-hữu, để mà cậy trông, chỉ tự nói tự bàn, tự hỏi tự đáp, lần mò tưởng-tưởng lấy một mình mà thôi. Duy ở Đỗ-xá là một làng gần miền, có một thầy lang cũng họ Trần, học-hành cũng khá, cụ đi lại rất thân, cũng có bổ-ích đôi chút. Mãi hai ba năm sau cái tri-thức về y-học cũng đã mở-mang ra nhiều, mà cụ vẫn còn lấy làm ngờ, chưa dám tin cái sự suy-trắc của mình là phải. Đến năm Cảnh-hưng thứ 17, lại ra kinh-thành tìm thầy, nhưng thầy thì nhiều mà hay thì hiếm, rủi thay cho cụ không gặp được ai là bậc cao-minh lại phải trở về cố-sơn, tạ-tuyệt những bạn trúc-tùng, đóng cửa xem sách, tầm-tí dần-dà, mấy năm nữa rồi mới ra chữa, thì thấy kiến-hiệu nhiều. Trong huyện-hạt người ta đều gọi là một ông thầy thuốc, cụ mới tự nghĩ rằng : Mình đã chót nhận lấy làm một ông thầy thuốc, thì phải làm thế nào cho hết cái năng-sự của mình, là phải trước-thuật cho rộng, để dựng lấy một lá cờ xích-xí ở trong y-giới, dù có ai cho là phô-trương cũng không ngại, chỉ ngại rằng cái lẽ làm thuốc thì cực rộng, sách làm thuốc thì cực nhiều, môn này mục nọ, tán-mạn vô-cùng, mà những chỗ các đấng hiền-triết tiên-bối, luận-bệnh lập-phương, cũng còn nhiều điều chưa được đích-đáng lắm, thế-tất bây giờ phải hội-thông cả bách-gia lại, mà lập thành ra một bộ sách riêng thì mới được. Nhưng cụ lại nghĩ rằng : « Cái sự trước-thư lập-ngôn không phải là dễ, ngạn-ngữ có câu rằng : *cho đơn hơn cho thuốc*, nghĩa là thuốc chỉ chữa được một người mà đơn thì cái ơn không bao giờ hết ; song nghĩ cho kỹ, nếu trong đơn mà có một vị nào chưa đáng, thì bao nhiêu người sẽ phải hàm-oan. Phương-chi là sách đã thoát-cảo ra rồi, câu nào cũng phải nhất-định bất-di, nếu có một chữ nào sai-lầm thì di-hại lại bằng mấy mươi cho đơn vậy . . . (lược) . . . Coi đó thì ai là người mà không phải hàu-tâm». Bởi thế cụ muốn nói mà chưa dám nói, có chí mà chưa dám làm ; sau có một hôm gặp một cái bệnh biến-ảo vô đoan, phải tra bao nhiêu sách, phí bao nhiêu công, nghĩ-ngợi mới chữa khỏi. Ông Thạch-trai tiên-sinh là anh cụ, thấy thế mới khuyên cụ nên dụng lực về sự trước-thư để truyền-thụ cho đời sau, cụ bấy giờ mới dám quyết làm trong mười năm, thành một bộ sách thuốc sáu-mươi-nhăm quyển, nhan là : « *Lãn-ông tâm-lĩnh* », Sách của cụ làm xong, còn để ở nhà, chửa cho công-bố ra ngoài, mà khi cụ thượng Kinh, mới tới Hà-nội, đã thấy kẻ được một tập, người được vài quyển, nhờ mà nổi danh trong nghề làm thuốc. Người thì truy-ơn lập

ban thờ sinh-vị cụ đã lâu, người thì nghe thấy tin cụ ra, đưa thơ đưa lễ đến tạ. Mới biết là bởi học-trò cụ sao được rồi truyền đi. Vậy thì sách của cụ có giá-trị ở trong y-giới Việt-Nam ta mà được quốc-dân hoan-nghênh ngay hiện-thời là dường nào!

Bấy giờ cụ Lãn thấy cái nền-nếp về y-khoa của mình, đã có cái thế vững-vàng rồi, mới lo tìm cách để khuếch-trương ra cho được thực-hành, bèn mở ra một trường dạy học thuốc ở trong nhà và lập ra một hội Y-tế để cho các đạo-đồ, kẻ còn đang tòng-học hay kẻ đã tốt-nghiệp rồi, được có chỗ mà quan-ma căng-thức với nhau.

Cụ Lãn vốn là một người tính-tình vui-vẻ, biết thưởng-thức cả những cái thiên-công nhân-xảo, chứ không một niềm thiết-tha khắc-khổ như mấy ông cụ đồ già khác, ở trong nhà bấy giờ lập ra có đường (nhà rộng), có đình (nhà vuông giữa vườn), có hoa-viên, thư-viện, có ao cá, mưỡu chim, mà mỗi chỗ đều có đặt một tên riêng, như Di-chân-đường 怡眞堂 là nơi tự-lạc của gia-tộc; Tối-quảng-đình 最廣亭 là nơi để xem sách, vân vân. Lúc dư-nhàn cùng năm ba kẻ quán-đồng đạo chơi giải trí, nào đàn, nào cờ, nào thơ, nào rượu, nào đi câu, nào hoa cười dưới tiệc, chim nói trong lồng, trước cửa chờ trăng, ngoài hiên hóng gió, giữa chỗ non xanh nước biếc mà cái thú thanh-tao phong-vận lại gấp mấy mươi nơi gác tía lầu son. Cụ thường thuật-hứng có câu rằng: « Chỉn mong đời được thọ khang, ngâm thơ chuốc rượu thảy lang càng rồi ». Cụ thật là đạo-đức-tiên-sinh mà phong-lưu-tiên-sinh.

Năm Cảnh-hưng thứ 43, cụ đã sáu-mươi tuổi, có quan Chánh-đường (tức là quan Tể-tướng, ông này trong sách *Du-ký* của cụ Lãn không nói rõ tên, nhưng cứ cái việc cố-mệnh bị-sát về sau thì là ông Nguyễn Hoãn 阮 皖) trước trấn Nghệ-an đã từng mời cụ chữa thuốc; nay nhân thế-tử Trịnh Cán là con Thánh-tổ Trịnh-vương Trịnh Xâm có bệnh, ông mới tâu với chúa Trịnh truyền-chỉ triệu cụ vào Kinh chữa cho Thế-tử; cụ tiếp chỉ lấy làm phiền-muộn lắm, sau bất-đắc-dĩ mới phải đi.

Trước cụ không muốn đi là vì sợ cái danh-cương lợi-tỏa nó thúc-phọc mình mà không thực-hành được cái đạo nghệ của mình, cho nên cụ có nói rằng: « Mình lấy sự bảo-thân tế-nhân làm đắc-sách, nhất-đán bị cái hư-danh nó làm hệ-lụy cho mình đến thế này ». Ấy cái sơ-tâm của cụ đối với sự tuyên-triệu mà sinh ra ác-cảm là thế, chứ không phải như cái chủ-nghĩa của bọn Trang Thư, Kiệt Ninh ở Trung-quốc, chán đời trốn thế, chết rấp nơi ngòi lạch mà không ích gì cho ai. Sau nghĩ đi nghĩ lại cụ thề với thần-minh mà rằng: « Tôi khẩn-tâm hoành-lự về một nghề y-đạo đã 30 năm nay, tập được một bộ *Tâm-lĩnh* muốn đem vấn thế, nhưng việc cả nhà nghèo, xin thần-minh cảm-cách cái tấm thành-tâm này cho, thì chuyến đi này tất có chỗ tao-ngộ cũng chưa biết chừng. » Nghĩa là cụ biết không đi không được, thì lợi-dụng chuyến đi đó may mà cái thành-tâm của mình có cảm-cách được ai là kẻ hữu-tâm giúp cho ít tư-bản để ấn-hành được bộ sách mới của mình mà truyền-bá ra với thiên-hạ hậu-thế, thì càng hay lắm. Cho nên phải thề với thần-minh, tức là phân-phó với cái lương-tâm mình để giải bày ra cái bụng khổ-tâm vị đạo, chứ không phải như cái bọn Di Tề giả ở nước ta, trước làm quan nhà Lê đến lúc nhà Lê mất rủ nhau đi ẩn, sau chán rau vi chát lại giắt nhau hạ-sơn vậy.

Cụ vào vương-phủ thăm bệnh cho Thế-tử. Thế-tử mới lên độ 5, 6 tuổi mà bị bệnh đã lâu ngày, cụ biết không thọ được, vả xem qua cái gương thế-sự

ở ngoài trong bấy nhiêu ngày trời, thì lại càng chắc rằng cái điều sở-ước của mình cũng chẳng ăn thua gì nữa, nếu nay dùng cách chữa cấp-hiệu ngay cho tạm đỡ, thì sợ không thoát khỏi lao-lung, để về chốn cố-sơn của mình được. Cụ bèn kê một đơn thuốc hòa-hoãn bất-trúng bất-viễn đệ lên. Trịnh-chủ xem *khải*, khen cho thâm-thông y-lý, truyền ban cho thế-lộc. Cụ biết tin liền cáo-bệnh không vào chầu, rồi hết sức nhờ quan Chánh-đường kêu cho là suy-lão, xin phóng-hồi mà không chịu ăn lương; quan Chánh-đường tuy có kêu cho, nhưng còn bắt cụ phải lưu lại ở trong kinh để đãi-mệnh. Cụ xin ra ngoài phố trọ, làm thuốc kiếm lộc tiêu, chứ không ở trong công-dinh nữa.

Cụ từ ra Hà-nội, nào là y-học tinh-vi, nào là thi-hoài siêu-mại, nào là khí-tiết thanh-cao, tiếng-tăm lừng-lẫy cả trong triều ngoài nội. Không kể những kẻ xin thuốc chữa bệnh, từ các bậc danh-công cự-khanh, cho chí các hàng thân-sĩ, ai được tiếp chuyện họa thơ với cụ thì lấy làm hân-hạnh vô-cùng. Có người chưa từng biết mặt bao giờ cũng họa thơ đưa lại, cụ phải ứng-tiếp luôn luôn, không lúc nào ngơi.

Ở kinh sáu tháng, vào vương-phủ làm thuốc hai lần, quan Tể-thần lễ-trọng, chúa Trịnh-vương là một vị hùng-chủ, vũ mạnh văn hay, uy-quyền lẫm-liệt, có lòng quyến-ái, ân-ngộ ưu-ốc, khi thì thưởng tiền « Thái-lao », lúc thì ban cơm « Ngự-soạn », mà cụ vẫn lấy làm bứt-dứt khó chịu, chỉ xin phóng-hồi không được. Có một hôm, Trịnh-vương ban khen về việc « tấu-đối tường-minh, am-thông y-lý », thưởng cho tiền để may áo mới mà vào chầu cho trọng-thể; quan Chánh-đường đã biết ý cụ, phải dặn đi dặn lại hai ba lần và de rằng: « Hễ mai ông vào chầu mà còn ăn-vận thế này thì cho là bạc-thị-quân-ân, sẽ phải tử-tội, » cụ mới phải đi mượn áo mũ của những chỗ thân-nhân, chứ không chịu may. Thế ra trước kia những khi gần kề trường gấm, gang-tấc mặt rồng, cụ cũng chỉ đeo cái bộ y-phục chất-phác cũ của nhà nho đấy thôi, chứ không có trang-tác quan-dạng gì cả.

Tuy-nhiên, cái vận-mệnh của Trịnh-vương và Thế-tử cũng đã đến ngày cả rồi, cho nên chẳng khác chi ông Tề Hoàn-công lúc bệnh còn ở ngoài thấu-lý thì không cho chữa; đến khi bệnh đã vào trong cao-hoang rồi, dẫu ông Biển-Thước cũng phải bỏ mà chạy. Cuối năm ấy, chúa Trịnh phát bệnh nặng, lại triệu cụ vào, cụ hết sức chữa mà chúa Trịnh cũng không qua được. Còn Thế-tử thì bệnh đã lâu, mà cái đơn của cụ kê lên từ mấy tháng trước, thì tin lời gièm-pha không cho uống qua một lần nào, đến lúc vào chữa cho Trịnh-vương thì mới cho chữa cho cả Thế-tử nữa. Thế-tử tuy đã bớt, hôm tập-vị ra thị-triều, bị cảm lại mà phát kịch thêm ra. Cụ mới thác-ngôn với quan Chánh-đường rằng: «Có gia-thư nói trong nhà quê có người bị bệnh nguy-cấp lắm, xin tạm về. » Bấy giờ quan Chánh-đường với các quan cố-mệnh kể ưng người không, cụ cũng cứ vào tạ Tân-vương mà về, đi đường mừng lắm, nói rằng: « Chẳng khác như cá thoát lưới, chim sổ lồng ». Về đến nhà được mấy hôm, thì bọn Tam-phủ-binh kéo đến phá và giết cả nhà quan Chánh-đường, và các quan cố-mệnh-đại-thần, phế Trịnh Cán mà lập Trịnh Khải, rồi Trịnh Cán bệnh thêm nguy ra mà chết. Cụ liền cất bút chép lấy những sự lịch-du và những án chữa bệnh trong khi thượng Kinh, đề là «*Thượng-kinh ký-sự* », phụ xuống cuối bộ *Tâm-lĩnh* thành 65 quyển. Quyển *du-ký* ấy vừa thơ vừa ký, văn-thái phong-

lưu, thật là một cuốn văn du-ký kiệt-tác mới xuất-hiện ra ở trong văn-học-giới Việt-Nam ta xưa nay. Từ đó khuếch-trương thêm cái y-hội đã tổ - chức trước, giảng-tập cho đạo-đồ mà ưu-du chung-lão.

Cụ Lãn là một người con nhà thế-phiệt, văn võ kiêm-toàn, tài đức vẹn đủ, đang buổi thiếu-niên anh-nhuệ, đủ sức tranh-khôi đoạt-giáp, có dịp bái-tướng phong-hầu mà bỗng nhất-đán vất bỏ cả công-danh không thiết gì đến phú-quí, chỉ biết hi-sinh một cái thân mình, để cống-hiến cho khoa-học, mà học thì cốt lấy sáng-kiến làm quí, về y-khoa thì biệt riêng ra một môn-hộ ở Á-Đông, về văn-học thì lấy thơ văn để làm cái chỗ phát-siển ra những tư-tưởng mới, cụ thật là một nhà kiêm cả đại-y-học, đại-văn-hào, đại-thi-bá và đại-cao-thượng ở Việt-Nam ta, dẫu đem so-sánh với các đấng cao-hiền thạc-học về hai phương Thái - đông Thái-tây xưa nay, cũng không thẹn gì vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT
biên-dịch

LƯỢC-KHẢO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ (1)

VIII

CHƯƠNG THỨ III

Phương-pháp Kháng-tố

(Chống án)

Luật đặt ra phương-pháp kháng-tố tức là phép chống án. Chống án nghĩa là khi tòa-án đã xử án rồi, nếu người đương-sự bất - phục - tình thì được dùng phép pluật-định để xin đổi cái án đã kết ấy đi mà xử lại cho cái án khác.

Luật Hình-sự-tố-tụng định ra 4 phép chống án : 1º kháng-án, 2º kháng-cáo, 3º thủ-tiêu-nguyên-án, 4º tái-thẩm. Trong 4 phép chống-án ấy có thể chia làm phương-pháp kháng - tố thông-thường tức là phép kháng-án, kháng-cáo; và phương-pháp kháng-tố dị-thường tức là phép thủ-tiêu-nguyên-án và phép tái-thẩm.

Bốn phép chống án ấy tóm đại-ý như sáu này :

1º *Kháng-án (opposition).* — Khi nào tòa-án xử án, *người bị-can không ra mặt*, đến mấy hôm sau đã biết có án rồi, mới ra trước tòa nguyên-thẩm *xin chống lại cái án ấy* và xin xử lại việc kiện, như thế gọi là kháng-án.

2º *Kháng - cáo (appel).* — Án mới xử *sơ-thẩm*, người đương - sự không bằng lòng ra *xin chống-án ấy* để cáo tòa thượng-cấp xin xử lại cho thì gọi là kháng-cáo.

3º *Thủ-tiêu nguyên-án (annulation).* — Khi nào án đã kết chung-thẩm rồi xét ra trong án-tình có sự *lạm-quyền việt-quyền hay là trái-luật* mà xin tiêu cái án ấy đi xử lại cho cái án khác, thì gọi là xin thủ-tiêu-nguyên-án.

4º *Tái-thẩm (révision).* — Khi nào án đã xử rồi, xem ra trong việc án thấy có một sự lầm-lỗi của tư-pháp

---

(1) Xem *Nam-Phong* số 57, 58, 59, 60, 61, 67, 68.

hợp với một cái duyên-cớ trong 4 *cái duyên-cớ định ở điều* 81 luật Hình-sự-tố-tụng, mà xin bỏ cái án trước đi để *thẩm lại* việc kiện cho, thì gọi là xin tái-thẩm.

I. — *Kháng-án (opposition)*

Án đương-tịch. — Khi nào người bị-can hoặc người phạm-tội có ra mặt đến hầu ở trước tòa-án, thì cái án của người ấy bị-nghĩ là án đương-tịch.

Án khuyết-tịch. — Khi nào người phạm tội vi-cảnh hoặc khinh-tội trọng-tội, trong hạn trát đòi đã định mà không đến hầu trước tòa án thụ-lý (nghĩa là đã tiếp nhận đứng xét xử việc kiện), thì người ấy sẽ bị nghĩ án khuyết-tịch (xem điều 48, kiêm xem điều 61 H. S. T. T.).

Cái điều-luật dẫn trên này, chỉ nói người bị-can, người phạm-tội. — Nhưng tưởng nên gồm cả người khống-tố, người cáo-giác, người chứng, vì đối với án khuyết-tịch các người ấy tất cũng được quyền kháng-án như người bị-can.

Người bị-can nói ở trên tất là người tại-ngoại, bởi thế luật mới định ra kỳ-hạn, chiếu lộ-trình cho đến hầu.

Đối với người bị-can tại-giam, thì không thấy luật định riêng, vì người bị-can tại-giam hễ có lệnh đòi thì đã bị đem ra trước tòa-án, như thế còn khuyết-tịch được sao.

Lục-tống kỳ-hạn. — Án khuyết-tịch ấy, phải lục-tống cho đích-thân hoặc tại trú-quán người bị-nghĩ; nếu sau khi tống-đạt, trong hạn 5 ngày và chiếu lộ-trình cách 30 ki-lô-mét được tăng hạn một ngày, người ấy khai-trình sự kháng-án với quan chánh thẩm-phán hoặc với viên lục-sự của tòa án đã kết-án, thì án khuyết-tịch ấy vô-hiệu (điều 48 đoạn 3 H. S. T. T.).

Sự tống-đạt hoặc lục tống, thì do sự chuyên-biện phòng lục-sự và chức-vụ của lý-trưởng đứng làm; nhưng phải tuân theo lệnh quan trên; nếu việc án của tòa sơ-cấp hoặc đệ-nhị-cấp thì phải tuân lệnh quan thẩm-phán của tòa ấy; nếu việc án của tòa đệ-tam-cấp thì tuân lệnh quan chưởng-lý.

Sự tống-đạt thì lấy hai bản trích-lục về án-văn gửi cho lý-trưởng rồi lý-trưởng sẽ chiếu qui-định các điều thứ 14, 15 trong luật Dân-sự-tố-tụng mà tống-đạt.

Gặp trường-hợp lý-trưởng bận việc, thì sẽ thông-dụng điều 183 trong luật Dân-sự-tố-tụng (điều 49 H. S. T. T.).

Hình-thức. — Sự kháng-án phải khai-trình với quan chánh-thẩm-phán hoặc với viên lục-sự ở tòa án đã kết-án. Sự khai-trình ấy hoặc khai giấy, hoặc khai miệng, hoặc đánh giây thép đều được. — Tiếp sự khai-trình ấy rồi bao giờ cũng phải lập-tức đăng-ký vào quyển sổ ở phòng lục-sự tòa án dùng về việc ấy, ngày đăng-ký tức là ngày khai-trình (điều 48 luật H. S. T. T.).

Hiệu-lực. — Sự kháng-án đã khai-trình rồi thì người kháng-án tự-nhiên chiếu pháp-luật đến tòa gần nhất phải ra hầu ở trước tòa án đã nghĩ-án khuyết-tịch, không cần phải đòi gọi. Nếu đến phiên tòa ấy người kháng-án không có cớ gì hợp lẽ mà không đến hầu, thì sự khai-trình kháng-án cho là vô-hiệu. Nếu có đến hầu, thì án khuyết-tịch sẽ tùy sự cung-khai của người kháng-án và sự công-phán mới về sau, mà hoặc thủ-tiêu, hoặc canh-cải, hoặc giữ nguyên.

Bất cứ trường-hợp nào, phàm án khuyết-tịch mà đã kháng-án, thì người khai-trình kháng-án đối với cái án xử sau khi kháng-án không được lại kháng-án nữa, chỉ gặp khi có cần, thì được kháng-cáo mà thôi (điều 50 luật H. S. T. T.).

II. — *Kháng-cáo (appel)*

Sau khi kết - án, quan chánh thẩm-phán phải hiểu - thị cho các người đương - sự có mặt trước phiên tòa được biết có quyền-năng kháng-cáo và cái kỳ-hạn được ứng - dụng cái quyền-năng ấy. Sự hiểu-thị ấy phải biên vào án-văn, nếu không biên đến thì án ấy vô-hiệu (điều 51 đoạn 1 luật H. S. T. T.)

Người có quyền-năng được kháng-cáo là :

a. *Người đương - sự.* — Điều 51 đoạn 2 H. S. T. T. định rằng : Người đương-sự có quyền-năng kháng-cáo là : người bị-can về tội vi-cảnh hoặc bị-can về khinh-tội trọng-tội, các người bị-hại vì tội phạm hoặc vì sự truy-tố, mà có liệt-danh trong án, — không cứ có khống-tố hay không — ; hoặc người đại-biểu đúng phép hoặc người thừa-kế của các người ấy.

1° Người bị-can về tội vi - cảnh, nhưng tất phải cái án xin kháng-cáo ấy là án có xử phạt-giam.

2° Người bị-can về khinh-tội trọng-tội, — người ấy xin kháng-cáo là để được cãi án khỏi tội hay là được khinh-giảm hình-phạt.

3° Các người bị - hại vì tội - phạm hoặc vì sự truy-tố, không cứ có khống-tố hay không. — Nghĩa là người bị-hại vì tội-phạm (thí-dụ người bị mất cướp, người bị đả-thương) hoặc vì sự truy-tố (tức là bị tổn-kém thiệt-hại về việc kiện) nếu không bằng lòng vì án ấy đã xử, thì đến khi kháng-cáo, có thể làm cho toà đệ-tam-cấp sẽ tăng giảm khoản hình-phạt đã nghĩ trong án sơ-thẩm, đối với án miễn-nghị sẽ có thể tái-nghĩ hình-phạt, thuộc về sự bồi-khoản, có thể tự toà đệ-tam-cấp tự nghĩ - xử được. Nhưng khi nào người kháng-cáo chỉ xin hạn-chế cái giới-hạn kháng-cáo thì khác (xem điều 56 H.S.T.T.).— Luật lại nói : « Có liệt-danh trong án » là người nào không bị liệt-danh trong án tức là vô-can, thì không được kháng-cáo. — Nhưng « không cứ có khống-tố hay không », nghĩa là khi kết án sơ-thẩm, dù người bị-hại không ra đứng kiện, song hễ đã có tên nghĩ-xử trong án mà bất-phục-tình, thì là được kháng-cáo.

b. *Quan Chưởng - lý.* — Khi nào quan Chưởng-lý kháng - cáo thì sự kháng-cáo ấy cũng sinh hiệu-lực như thể người đương-sự bị-hại, mà có khi lại làm cho cải khinh-tội làm trọng-tội (xem điều 56 H. S. T. T.).

Nhưng thường quan Chưởng - lý kháng - cáo là để xin xử lại về một phương-diện nhất-định. Song vì sự kháng-cáo mà toàn-bộ việc án phải đề-xuất trước tòa kháng-cáo (tức là tòa đệ-tam-cấp) thì tòa ấy có toàn-quyền mà tái-định (xem điều 56 H. S. T. T.).

Án được kháng-cáo như sau này :

1° Cái án của tòa sơ-cấp nghĩ-xử về tội vi-cảnh phạt - giam. — Việc kháng-cáo án ấy đem lên đệ-nhị-cấp.

2° Các án của tòa án tỉnh thuộc về trừng-trị hoặc thuộc về trọng - tội. — Việc kháng-cáo án ấy đem lên đệ-tam-cấp.

Hình-thức. — 1°) Người đương-sự kháng-cáo, thì phải khai - trình với quan chánh-thẩm-phán hoặc viên lục-sự của tòa án đã kết-án, sự khai-trình ấy hoặc khai miệng, hoặc khai giấy, hoặc đánh giây-thép đều được ; không cứ trường-hợp nào, tiếp sự khai-trình lập-tức đăng-ký vào quyển sổ phòng lục-sự tòa án dùng về việc ấy, ngày đăng-ký tức là ngày kháng-cáo.

Nếu sự khai-trình kháng-cáo chỉ khai bằng miệng, thì phải chất - vấn

người đương-sự có tự-nguyện thân-hành đến hầu trước tòa án hay không; nếu khai bằng giấy, thì sự tự-nguyện đến hầu hay không, có thể nói vào trong giấy. Không cứ trường-hợp nào, khi đăng-ký phải biên-chú về việc ấy (điều 52 H. S. T. T.).

Khi nào người bị nghĩ tại - giam đứng xin kháng-cáo thì phải lập-tức dẫn người ấy đến trình - diện trước quan thẩm-phán đã kết-án. — Đấy là chỉ nói người bị nghĩ tại đệ-nhị-cấp, vì ở sơ-cấp, cứ chiếu điều 2 luật H. S. T. T. thì không được bắt giam người phạm trước khi án nghĩ chưa thành nhất-định, theo nghĩa đây tức là còn được kháng-cáo.

2°) Quan Chưởng-lý đứng làm sự kháng-cáo thì phải sức tống-đạt sự kháng-cáo ấy cho người đương-sự.

Kỳ-hạn. — 1° Cái hạn người đương-sự được kháng-cáo định như sau này:

1) Kháng-cáo về án vi-cảnh phạt giam của tòa sơ-cấp kết-nghĩ, thì ở trong hạn 5 ngày; nếu là án đương-tịch, mà khi kết án có mặt người đương-sự, thì kể bắt đầu từ ngày sau ngày kết-án; nếu là án đương-tịch mà khi kết-án không có mặt người đương-sự, hoặc là án khuyết-tịch, thì kể bắt đầu từ ngày sau ngày đã tống-đạt án ấy cho đích-thân hoặc trú-quán của người ấy.

2) Kháng-cáo về những án của tòa đệ-nhị-cấp kết nghĩ, thì ở trong hạn 10 ngày; nếu là án đương-tịch mà khi kết án có mặt người đương-sự, thì kể bắt đầu từ ngày sau ngày kết-án; nếu là án đương-tịch mà khi kết án không có mặt người đương-sự, hoặc là án khuyết-tịch, thì kể từ ngày sau ngày tống-đạt án ấy cho đích-thân hoặc trú-quán của người ấy, hạn ấy lại được chiếu theo lộ-trình từ bản-nha đến chỗ tống-đạt, mỗi cách 30 ki-lo-mét được tăng hạn một ngày (điều 53 H. S. T. T.).

2° Cái hạn tống-đạt sự kháng-cáo của quan Chưởng-lý cho người đương-sự như sau này:

Nếu người đương-sự đã có kháng-cáo, thì trong hạn 30 ngày kể bắt đầu từ buổng giấy quan Chưởng-lý tiếp được bút - lục việc án; nếu người đương-sự không kháng-cáo, thì trong hạn 60 ngày, kể bắt đầu từ ngày buổng giấy quan Chưởng-lý tiếp được bản trích-lục án-bạ trình lên chiếu như thể-thức điều 207.

Công việc kháng-cáo của quan Chưởng-lý lại phải có giấy hiểu-thị thông-tri cho quan Chánh thẩm-phán nguyên-thẩm. Và quan Chưởng-lý cũng có thể trực-tiếp ở trước phiên tòa án kháng-cáo đối với trước mặt người bị-can mà kháng-cáo trước khi chưa mãn-hạn luật định (xem điều 54 H. S. T. T.).

Hiệu-lực của sự kháng-cáo. — Sự kháng-cáo làm cho phải đình-hoãn việc chấp-hành cái án bị kháng-cáo. — Vậy nên điều 55 luật H. S. T. T. định rằng: « Trong hạn kháng-cáo và khi đương làm thủ-tục kháng-cáo, thì phải đình-hoãn sự chấp-hành việc án; trừ thuộc về sự giam-cứu, đúng phép thì vẫn được bảo-lưu. . . »

Cách thẩm-phán việc kháng-cáo. —

a) kháng-cáo về án vi-cảnh thì do tòa án tỉnh thẩm-phán. Bút-lục sự kháng-cáo, phải chuyển-giao cho phòng lục-sự tòa án tỉnh, mà bút-lục ấy phải đính theo bản toàn-sao của án bị kháng-cáo và bản sao của tờ khai-trình kháng-án đã đăng-ký ở phòng lục-sự tòa sơ-cấp.

Các người đương-sự sẽ bị đòi gọi đến hầu, rồi tòa án tỉnh chiếu theo cách-thức định ở tiết thứ V chương thứ II luật H. S. T. T. mà thẩm-cứu

và kết-nghĩ, cái án kết-nghĩ về sự kháng-cáo là án chung-thẩm (điều 57 H. S. T. T.).

Nếu người đương-sự kháng-cáo, trong khi khai-trình đã hiểu-thị sự không muốn đến hầu ở trước tòa đệ-nhị-cấp hoặc khi đòi gọi — (không cứ người kháng-cáo hiểu-thị muốn đến hầu hay không, quan thẩm-phán cũng chiếu-lệ đòi gọi) — người ấy hiểu-thị sự không muốn hầu, thì cái án kết-nghĩ về sự kháng-cáo, tuy không có mặt người đương-sự cũng cho là án đương-tịch, không khác gì khi có mặt người đương-sự.

Còn những trường-hợp khác trái với trường-hợp trên này thì phạm đã đòi gọi đúng phép mà người ấy không đến hầu, sẽ bị kết nghĩ án khuyết-tịch định trong tiết thứ 1 chương này, cũng đối-dụng với người đương-sự ấy (điều 58 H. S. T. T.).

b) Kháng-cáo về các án của tòa đệ nhị-cấp kết-nghĩ, thì do tòa án đệ-nhị-cấp thẩm-phán.

Sự thẩm-phán thì chiếu theo tờ ý-kiến của một quan thẩm-nghị ở tòa đệ-tam-cấp.

Bút-lục thì phải chuyển-giao lên quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội. Khi bút-lục ấy đề-xuất trước tòa kháng-cáo phải có bản toán-sao cái án bị-kháng-cáo và bản sao khai-trình kháng-cáo, mà các bản ấy phải dịch hết toàn-văn bằng chữ Pháp; và phải có những văn-thư-chứng-chỉ trình ra, mà khi có cần phải lược dịch văn-thư-chứng-chỉ ấy bằng chữ Pháp.

Nhưng tòa án đệ-tam-cấp cũng có thể làm-thời phán-thị dịch hết toàn-văn những văn-thư-chứng-chỉ ấy bằng chữ Pháp (điều 59 H. S. T. T.).

Các người đương-sự sẽ vì sự yêu-sách của quan Chưởng-lý tòa Thượng-thẩm Hà-nội mà bị đòi-gọi ra trước tòa đệ-tam-cấp.

Từ ngày đòi-gọi tới ngày đến hầu — ngày đến hầu do quan Chánh-thẩm-phán tòa kháng-cáo chỉ định — ít nhất cũng cách hạn 8 ngày; hạn ấy sẽ do quan Chánh-thẩm-phán tùy theo lộ-trình và sự gian-trước trong cách giao-thông mà tăng-gia. Còn về các thể-lệ của tòa đệ-tam-cấp chiếu-biện như là: sự-thể long-trọng về sự thẩm-cứu trước phiên-tòa, sự mở phiên tòa công, sự ký tên trong án, sự nghĩ-xử lệ-phí, sự thi hình-phạt, sự viện-dẫn luật-văn và sự trách bồi-khoản, cũng theo như thể-lệ của tòa đệ-nhị-cấp thường dùng (điều 60 H. S. T. T.).

Nếu người đương-sự kháng-cáo, khi khai-trình đã hiểu-thị sự không muốn đến hầu ở trước tòa đệ-tam-cấp hoặc khi đòi gọi — (không cứ người kháng-cáo hiểu-thị muốn đến hầu hay không, quan thẩm-phán cũng chiếu lệ đòi gọi) — người ấy hiểu-thị sự không muốn đến hầu, thì cái án kết-nghĩ về sự kháng-cáo tuy không có mặt người đương-sự cũng cho là án đương-tịch.

Còn những trường-hợp khác trái với trường-hợp trên này, thì phạm đã đòi gọi đúng phép mà người ấy không đến hầu, sẽ bị kết-nghĩ án khuyết-tịch. Thuộc về thủ-tục án khuyết-tịch định trong tiết thứ 1 chương này, cũng đối-dụng với người đương-sự ấy (điều 61 H. S. T. T.).

Tòa án đệ-tam-cấp có thể phán-thị đòi gọi các người đương-sự đến hầu ở trước phiên tòa.

Thuộc về án trọng-tội hay là khi nào vì sự kháng-cáo của quan Chưởng-lý mà có thể cải khinh-tội làm trọng-tội, thì người bị-can đương tại-giam, bao giờ cũng phải dẫn ra trước tòa đệ-tam-cấp, để người ấy được viện lý trần-tình mà kháng-biện. Nếu người

bị-can tại-ngoại, thì cần phải đòi gọi người ấy (điều 62 H. S. T. T.).

Khi nào tòa đệ-tam-cấp thụ-lý một cái án, mà án ấy là án nghĩ trọng-tội, hoặc là án khinh-tội mà vì sự kháng-cáo của quan Chưởng-lý có thể cải làm trọng-tội, hoặc là án nghĩ miễn-nghị người bị-can trọng-tội, thì có những thủ-tục sau này :

1) người phạm đã bị giam, thì khi đến Hà-nội, buồng giấy quan Chưởng-lý phải hỏi người ấy đã chọn viên biện-hộ-trạng-sư nào có liệt-danh trong bảng hay chưa. Nếu chưa chọn, thì quan Chưởng-lý bằng chức-vụ mình chọn thay cho người ấy một viên trạng-sư đã liệt-danh trong biểu tòa Thượng-thẩm, để các viên trạng-sư được chiếu thứ-tự mà luân-phiên ra biện-hộ các việc án ở trước phiên tòa đệ-tam-cấp.

Người phạm chưa bị-giam, thì khi đến Hà-nội nếu muốn quan-cử trạng-sư, phải lập-tức trình đơn lên quan Chưởng-lý tòa thượng-thẩm Hà-nội.

2) Phàm viên trạng-sư nào quan đã chỉ-danh cử ra, thì chỉ có thể cậy được viên trạng-sư khác hoặc giao cho viên trạng-sư tập-sự mà quan đã nhận, đứng đại-lý hoặc đại-diện cho mình.

3) Phàm viên trạng-sư đã do quan-cử rồi, thì lập-tức do buồng giấy quan Chưởng-lý báo cho biết sự đã cử ra, lại kế do phòng lục-sự bảo cho biết ngày mở phiên toà.

4) Nếu người phạm hiện bị-giam thì sau khi đến Hà-nội cũng được tự-do giao-thiệp với trạng-sư.

5) Bút-lục việc án lưu-tồn ở phòng lục-sự toà đệ-tam-cấp, để cho trạng-sư được tùy-duyệt (điều 63 luật H. S. T. T.).

∴

Nhân nói về thủ-tục tòa đệ-tam-cấp, lại nên nhớ đến điều 15 (đoạn thứ 2) trong luật Pháp-viện-biên-chế có định rằng: « Ở trước tòa đệ-tam-cấp bất cứ về việc án gì, cũng có thể trình ra các thứ giấy biện-minh có ích và mượn biện-hộ-trạng-sư cãi hộ », về cùng một ý ấy trong điều 64 luật Hình-sự-tố-tụng lại định thêm rằng: « Tòa án có quan thẩm-phán Đại-Pháp và quan bồi-thẩm An-Nam, thì các thứ giấy-má, tờ kết-luận và tờ biện-minh, trình ra phải làm bằng chữ Pháp và chữ Quốc-ngữ ».

Khi mở phiên tòa, quan chánh-thẩm-phán sẽ đương-đường sức viên thông-ngôn có đoan-thệ, dịch miệng những lời chung-kết của quan-chức Chưởng-lý, của các viên biện-hộ-trạng-sư và của các người đương-sự, cho các quan bồi-thẩm An-Nam được biết, phàm lời cung-khai của người-chứng mà không khai bằng tiếng An-Nam cũng phải dịch miệng cho đúng (điều 64, H. S. T. T.).

Lại cái gì nói hoặc viết bằng tiếng An-Nam cũng phải dịch ra tiếng Pháp.

(Còn nữa)

H. T.

DU-LỊCH VỀ PHÍA NAM NƯỚC TÀU (1)

(Dịch bài « Nam-du-ký » của ông Tôn Gia-Đồ 孫嘉棫, tự là Tích-công 錫公, về đầu nhà Thanh).

III

Qua Hành-châu, lên đình Hợp-giang, thì thấy sông Tương tự đàng nam chảy lại, sông Chưng tự đàng bắc dồn về, chỗ hai con sông hợp-khâm, có một ngọn cao-phong đặc-khởi, gọi là Thạch-cổ-sơn, trên núi có đền thờ ông Vũ-hầu; ngày trước ta xem thơ ông Hàn-Dũ, thấy có lời chua rằng: « Ven đình Hợp-giang, có đồng Chu-lăng »; bây giờ ta lên đó ta xem thì không thấy, khi trở thuyền về, hỏi người, thì người bảo rằng: « Đồng ở dưới đình, kẻ dương-sự lấp mất đường vào, cho nên kẻ du-nhân thường không được đến ». Cũng khá tiếc thay!

Khi ta ở trong thuyền, ta lại trông lên ngọn Nam-nhạc (tức núi Hành-sơn), thì vụ ẩn mây phong, chung-qui vẫn không trông thấy được ngọn núi. Giang-sơn với người ta, khác nào như bạn, hoặc tình cờ mà gặp nhau, hoặc nghĩn dặm tìm nhau mà không gặp nhau, không biết vì cớ sao vậy?

Phía bắc đến vũng Tương-đàm, có núi Chiêu-sơn, vua Chiêu-vương đời Chu khi nam-chinh đến đó.

Lại đi lên phía bắc, đến thành Tràng-sa, (tức tỉnh-thành Hồ-nam), đàng đông có núi Vân-mẫu. Sách *Liệt-tiên* có nói: « Hòn sỏi tinh-sa và hòn đá vân-mẫu, uống nó có thể được tràng-sinh », chẳng biết có thật không?

Phía thành-bắc có núi La-dương; phía thành-nam có núi Diệu-cao, sông Tương ở phía thành-tây; phía tây sông Tương có núi Nhạc-lộc. Sách *Sơn-thủy-chí* chép rằng: « Núi Hành-sơn bảy-mươi-hai ngọn, ngọn Hồi-nhạn là đầu, ngọn Nhạc-lộc là chân », tức là đây.

Trên đỉnh núi Nhạc-lộc có cái đài, gọi là đài Đạo-hương; ngày xưa người hiền-sĩ là ông Châu Chi-hoàn, phải đứa tiểu-nhân nó đuổi, đi đầy ra đất Tràng-sa, trong lúc đêm mưa, sang đò sông Tương, ngủ ở đấy, về sau ông Chương Kính-Phu cảm-khái đến sự đó, nhân vì đắp lên một cái đài; ông Chu-tử lại thủ-bút đề rằng: *Đạo-hương-đài* 道香臺, chữ đạo hương đó, chính là chữ biệt-hiệu của ông Châu Chi-Hoàn ngày xưa. Nghe ông Châu Chi-Hoàn khi mới phải đi đầy, cảm thương khóc lóc; có người bạn mắng rằng: « Nếu bác cứ ở đất kinh-sư này, trời làm cho bác một trận ốm, hẳn bác cũng chết; chỉ riêng một đất Lĩnh-nam kia, làm chết được bác hay sao? » Nay xem ra, những người sĩ-phu đồng-thời với Châu Chi-Hoàn ở đất kinh-sư bấy giờ, đều mai-một cả; mà chỉ có Châu Chi-Hoàn vì sự đi đầy, truyền lại được tiếng về sau, thì con người ta cũng nên biết cách tự-xử vậy.

Dưới đài đạo-hương có chùa Nhạc-lộc, chùa có bia, bia khắc lời chữ ông Lý Bắc-Hải, thực là bút-pháp của người danh-gia.

Phàm đất ở trên thế-gian, không chỗ nào là hay, không chỗ nào là dở; cái hay cái dở ở người, không phải ở đất; nếu người ta không hề kén chọn lấy chỗ đất, rồi mới vui, thì đất nào cũng có thể vui được cả. Ta qua đèo Ngũ-lĩnh, theo dãi Tam-tương, trông núi Cửu-nghi, lịch-duyệt đất Bách-Việt, đều là những nơi kẻ thiên-khách người tao-nhân khi xưa đã từng đau-đớn khóc-than ở đó cả; nay ta vào ta chơi, thì vẻ hoa lam-chướng lại khéo cười, giống chim man-di lại khéo hót,

(1) Xem *Nam-Phong* số 66, 68.

nước lại càng trong, đá lại càng lạ, đều có chốn thưởng-tâm. Kịp đến đất Tràng-sa, sơn-lâm thì nhã-khoáng, thủy-thổ thì bình-lương, thiếu gì là lạc-sự. Thế mà thầy Giả thiếu-niên xưa kia, vì cớ nhiệt-tâm cải-cách, phải lão-đại họ ghét, phải đi đầy ra đất Tràng-sa, không biết tự-xử tự-cường, đến nỗi uất-ức mà chết; lời rằng: « Ít tuổi chưa trải việc đời.» thầy Giả Thái-phó thật thế.

Phía bắc qua Quất-châu; xưa vị danh-thần đời Tống là cụ Phạm Chất-phu, cũng vì cớ trong cuộc chính-trị, đảng quân-tử chiến-bại với đảng tiểu-nhân, phải đi đầy ra phương nam. Khi đi thì hai ông bà cùng đi, bà phu-nhân thường thường chửi cái đứa chấp-chính bấy giờ là thằng Chương Đôn; đến khi qua bến Quất-châu đâm đò, xuýt chết, ông phải ghé vai cõng bà, lướt-mướt tự dưới nước chạy lên; ông thung-dung bảo bà rằng: « Sự này cũng là tại anh Chương Đôn làm ra đấy ư? Thôi bà đừng chửi họ nữa.» Ta vốn là người tính nết hẹp-hòi, khi gặp phải cái cảnh-ngộ khó chịu, ta vẫn thường ghi-chép lấy lời Phạm-công ở trong bụng, để tự-giải tự-khoan; nay ta qua đến đất này, Phạm-công là người thế nào, ta còn tưởng-tượng như là trông thấy.

Phía bắc đến huyện Tương-âm, có miếu Hoàng-lăng, hai bà vợ vua Thuấn khi xưa chết đuối ở đó. Đàng đông có sông Mịch-la, khi xưa quan đại-phu nước Sở là thầy Khuất-tử gieo mình ở đó.

Qua miếu Hoàng-lăng, vào hồ Động-đình, nghìn dặm mênh-mông, tư bề bát-ngát, không bến, không bờ; chiều đến thấy vầng mặt trời đỏ lăng, sụt xuống dưới nước, sáng sớm mai thấy một chỗ như bó đuốc sáng trưng, soi trên mặt nước, càng trông càng thấy cao lên dần dần, nhận ra thì là vị sao mai.

Ta phen này đi chơi khắp thiên-hạ, núi nào ta cũng cho là thấp, nước nào ta cũng cho là nhỏ, không phải là nó thật thấp thật nhỏ đâu, là vì con mắt mình trông thấy được cùng cái giới-hạn của nó, thì cho nó là thấp là nhỏ đấy thôi. Xét ra vật ở trong lưỡng-gian, không cái gì lớn, cũng không cái gì là nhỏ, trông thấy nó lớn, mà cho là lớn, thì nó lớn, trông thấy nó nhỏ, mà cho là nhỏ, thì nó nhỏ. Ông Tô Tử-Chiêm từng có câu văn thí-dụ rằng: « Đổ chậu nước xuống đất, cái hạt cải nổi ở trên nước, con kiến-gió bậu vào cái hạt cải, rõ thật mênh-mông man-mát, biết là về đâu; được một chốc nước cạn, con kiến-gió vội-vàng bò đi, gặp con kiến khác, chầy nước mắt khóc mà than rằng: Xuýt nữa tôi với bác không được thấy nhau nữa, ngờ đâu khoảnh-khắc trong khoảng thời-gian, lại thấy có cái đường khang-trang rộng-rãi như thế này ru! Xét ra, phần bề ở trong khoảng trời đất, cũng như chậu nước đó thôi, mà cái thuyền cũng như cái hạt cải, con người ta cũng như con kiến-gió đó thôi, ta chắc đâu là khi con kiến-gió nó bậu vào cái hạt cải, nó chẳng cho thế này là cưỡi bè đi qua bể đó ru! Khi nước cạn mà nó bò đi, nó chẳng cho thế này là xương-hải biến ra tang-điền đó ru!» Nay ta ở hồ Động-đình, cái sức con mắt ta mới cùng được cái giới-hạn của hồ Động-đình, thì ta hãy cho hồ Động-đình, là bể cũng là phải.

Tự đất Tương-âm đi lên, đậu thuyền ở bến Lỗi-thạch, lại đậu thuyền ở bến Lộc-giốc và bến Tỉnh-vỡng, đều là bến ở trong hồ. Mùa bấy giờ gần về tiết trung-thu, trời tạnh sáng khí thì thanh; xưa ta xem văn ông Phạm Văn-Chính tả về cảnh vui ở Động-đình có câu rằng: « Mây sáng một trời trăng trong nghìn dặm, vẻ phủ vàng lộn, bóng tĩnh ngọc chìm,» bây giờ ta được trông thấy.

Phía bắc đến đất Ba-lăng. Nhạc-dương-lâu khi xưa ở trên thành Ba-lăng, mà ngày nay không còn nữa; ta lên cái di-chỉ đó mà ta trông, thì thấy trái Quân-sơn xinh-tốt nổi lên, đàng đông là Biển-sơn, lại đàng đông nữa là Cửu-qui-

sơn, đều ở trong hồ. Phía thành - nam có núi Bạch-hạc, ven núi Bạch-hạc có núi Thiên-nhạc, trên núi Thiên-nhạc có đình Lã-tiên, trước đình Lã-tiên có miếu thờ ông Nhạc Vũ-mục. Xưa ông Vũ-mục tự mình xin với triều đình giả-hạn trong tám ngày, dẹp xong cái giặc Dương-yêu ở hồ Động-đình; người ở xứ đó cảm ân-đức ông, lập miếu thờ ông, miếu-mạo nguy-nga ở bên hồ, cái thắng-cảnh của hồ-sơn, bao-la được hết. Chao ôi! Cái lầu Nhạc-dương kia, là nơi ông tiên Thuần - Dương khi xưa ba lần qua chơi ở đó, quan nhà Tống là ông Đằng Tử-Kinh sửa-sang lại; ông Phạm Văn-Chính soạn ra bài ký; chữ thì ông Tô Tử-Mĩ viết; triện thì ông Thiệu-Tủng đề. Đương cái lúc thịnh-thời, nào là tiên-tử vãng-lai, nào là hiền-sĩ đại - phu ca-vịnh, mà đến bây giờ đều hóa ra một nơi nền trơ vách đổ, cây rậm cỏ hoang. Những nhà văn - mặc không kể chi; ông Thuần-Dương thật là có tiên-thuật hẳn-hoi, cũng không lưu lại được cái sở-quí sở-ái về sau; ông Nhạc Vũ-mục nhất-sinh thì khó-nhọc, nhất-tử thì hàm-oan, chỉ có cái tình trung-nghĩa kết ở lòng người, mà ngày nay di-tích riêng một ông còn, thế thì con người ta muốn cầu lấy đạo bất-tử, lọ là phải uống đến thuốc trường-sinh.

Ta ở đất Ba-lăng, trở-phong năm ngày; văn ông Phạm Văn-Chính tả về cảnh buồn ở Động-đình có câu rằng: « Gió âm gào thét, sóng dục rẫy trời, buổi chiều tối-tăm, hùm kêu vượn khóc, » bây giờ ta lại được trông thấy.

Phía bắc ra cửa Kinh-hà, vào sông Dân-giang, đất Kinh, đất Tương, sông Hán, sông Miện, nghìn dặm mắt trông, những là miền ốc-dã, tựa như đất Yên đất Triệu ở Lưỡng-hà; rộng-rãi thay, cái phong-cảnh nước lớn vậy.

Phía nam-ngạn sông Tràng-giang, đều là cõi đất Lâm-tương, đất Gia-ngư và đất Bồ-kỳ, dài-dợ liên-liền, dặt những núi cả. Núi Xích-bích thuộc về đất Gia-ngư, hùng-huấn đặc-trĩ ở ven sông; trên núi có đài Tế-phong; xưa ông Tô Tử-chiêm hai lần qua chơi đấy, đã từng có hai bài phú *Tiền Hậu Xích-bích*. Nhận ra thì ông Lưu Bị tự Phàn-khẩu tới-tấp hội quân lại, cậu Chu-lang tự Tràng-giang chênh - chện tiến thuyền lên, chú Tào Tháo cung-cúc chạy về Hoa-dung, ngày nay còn phảng-phất ở cõi mắt.

Phía bắc đến cửa Kinh-Khẩu, hai ngọn núi đối nhau, đàng đông là núi Kinh-cơ, đàng tây là núi Đại-quân; trên núi Kinh-cơ có đình gọi Đạt-ma-đình, là nơi ông phật Đạt-ma bẻ cành lau sang sông khi xưa.

Phía bắc là cửa Miện-khẩu, sông Miện lại biệt-danh là sông Thương-lương, ngày xưa thầy Linh-quân gặp chàng ngư-phủ ở đó.

Cửa Miện-khẩu chếch lên phía bắc, đàng tây là Hán-khẩu, tức là phu Hán-dương; đàng đông là Hạ-khẩu, tức là phủ Vũ-xương (tỉnh-thành Hồ-bắc); lấy núi làm thành, lấy sông làm ao; trong thành Vũ - xương bao - bọc ba cái núi, trong thành Hán-dương bao-bọc hai cái hồ; lầu Hoàng-hạc và gác Tình-xuyên, xan-xát ở trên mặt thành, đông tây cách nhau và đối nhau.

Ngoài thành Hán - dương có núi Đại-biệt, dưới núi có khoét ra một cái hang, đó là một cái ổ-khóa ba ngọn sông của nước Ngô đời Tam-quốc khi xưa vậy.

Ta từng lên ngọn núi Đại-biệt mà ta trông ra ba ngả, thì châu Hành châu Kinh, thành-trấn liên - tiếp; sông Giang sông Hán, ngọn nước triều về; nguồn sông thông lên Ba-thục, bóng cây rợp đến Tần-trung, thực là một nơi xung - yếu cả đường thủy lẫn đường lục trong cõi trung-tâm; xe thuyền thấu-tập, hàng-hóa tích-tụ, thương-nghiệp như mây; kể về phần sơn - xuyên hùng-tráng, dân-vật phồn-hoa, thì trừ Nam-kinh và Bắc-kinh ra, không còn đâu hơn nữa. Nhưng, đất đó là đất hồ đất sông; sông Đà, sông Tiềm, sông Hán, sông Miện, sông Tiêu, sông Tương, sông Nguyên, sông Lễ, các

sông dồn về ; hồ Động - đình như bể, nước sông lai-láng, nước hồ chứa-chan, cư-dân thường bị ngập-lụt, trộm-cướp lại dễ thừa-cơ ; mà phong-tục nước Sở thì táo-tợn khinh-khiêu, ít kẻ biết nghĩ về đường tích-tụ, núi rậm nước lầy, dân thì nay đây mai đó, ăn sổi ở thì, mà lại hỗn-tạp khó trị, cũng đáng lo thay !

Lên phía bắc vào Hiếu-cảm-sơn, núi thì tiếp với ngọn Cửu-tôn, nước thì liền với chằm Vân-mộng ; non cao đồng rộng, khí-thế trầm-hùng.

Lại phía bắc ra cửa Vũ-thắng, thì núi-non dài-dợ, nghìn dặm liền-liền, bên hữu biệt ra thành Phương-thành, bên tả cắp lấy đất Mục-lăng, lại là một nơi ách-yếu.

Lại phía bắc đến đất Tín-dương, đất Tín-dương về đời Xuân-thu là đất nước Thân, đâng đông gần nước Tức, nước Thân nước Tức, là bắc-môn của nước Sở khi xưa. Lại đâng đông gần nước Thái, ngày xưa vua Hoàn-công nước Tề đem quân đi xâm nước Thái, nước Thái vỡ rồi đánh liền ngay nước Sở, thế là khờ, không phải là thượng-sách. Nay xem ra từ nước Thái đến đất Sính, núi non cách-trở, lớn nhỏ liền liền ; người Sở bấy giờ khoe với quân Tề rằng : « Nước tôi lấy Phương-thành làm thành, lấy Hán-thủy làm ao, quân chư-hầu tuy nhiều, hồ-dễ làm gì được nhau » , lời ấy không phải là nói khoác đâu.

Thuận nẻo đi đánh nước Sở, không nước nào bằng nước Tần, do nẻo Hàm-cốc, ra cửa Vũ-quan, xuống sông Hán-xuyên, thì triệt được cái phiên-li châu Kinh châu Tương ; do nẻo Ba-thục, ra núi Tam-thiềm, xuống đất Di-lăng, thì chẹn được nơi yếu-hại châu Nhạc châu Ngạc, cho nên nước Tần kiêm-tính được lục-quốc, cũng là địa-thế sử-nhiên.

Phía bắc qua núi Xác-sơn, đến đất Toại-bình, có núi Tra - nha, ông Lý Tú đời Đường với người Ngô Nguyên-Tế đánh nhau ở đó.

Lại phía bắc đến đất Tây-bình, có sông Suy-thủy, vua Quang-Vũ khi xưa đánh người Vương-Tầm ở đất Côn-dương chém giết nhiều lắm, nước sông Suy đến nỗi không chảy đi được, tức là chỗ này.

Lại phía bắc đến Diệp-huyện là nơi phong-ấp của ông Thẩm Chư-Lương ngày xưa.

Đàng bắc có núi Hoàng-thành, dưới núi có làng cũ bác Kiệt-Nich, bác Tràng-Thư, là nơi thầy Tử-Lộ khi xưa đi hỏi bến đó.

Phía bắc sang sông Nhữ - thủy, đến thành Tương-thành, đàng nam có núi Thủ-sơn. Khoảng đất Nhữ, đất Thái, đất Dĩnh, đất Hứa, lân ruộng phẳng-phiu, mà núi Thủ-sơn lại hùng-tuấn đặc-trĩ, ngay ở giữa, sách *Sử* chép « Thiên-hạ danh-sơn tám cái, đều là nơi vua Hoàng-đế khi xưa vẫn thường chơi. » Thủ-sơn là một nơi đó.

Phía tây đến Vũ-châu, Vũ-châu là nơi phong-ấp của vua Đại-Vũ.

Phía bắc đến Cao-thành ; Cao-thành là đất Dương-thành khi xưa, kề sông Dĩnh-thủy, trông ra Cơ-sơn, gối vào Tung-nhạc, bên tả đất Thành-cao, bên hữu cửa Y-quan, non cao bao-bọc, nước sạch quanh-co, có một chỗ cao và phẳng, đó là cái đài *trắc-lượng nhật-ảnh* của ông Chu-công ngày xưa, một hòn đá lớn đứng sững giữa trời, cao chừng độ bảy thước, dưới vuông năm thước, trên vuông ba thước.

Phía bắc đến đất Đăng-phong, giáp núi Tung-sơn, trông rõ hình Trung nhạc ; có hai tòa thạch- thất, gọi là Thái-thất và Thiếu-thất, ngọn Thái-thất thì ngay thẳng như bức thành viên, ngọn Thiếu-thất thì tròn-vòn như hình đài-quán ; tuy không cao không lạ như núi Hằng núi Thái, núi Hoa núi Hành, nhưng khí-tượng ung-dung, thần-thái tú-nhuận, nghiêm-nhiên như bình vương - giả - cư-trung. Miếu thần Trung-Nhạc ở mé nam ngọn Thái-thất, chùa Thiếu-lâm ở mé bắc ngọn Thiếu-thất, núi-non vây bọc, xa cách cõi trần, cảnh-sắc thanh-u, phong-quang linh-sảng ; bấy giờ gặp về mùa thâm-thu, nào là bạch-

vân, nào là hồng-diệp, nào là thúy-bách, nào là hoàng-hoa, điểm-xuyết cả ở trên đầu non mặt núi, rõ ra một bức đồ-họa thiên-nhiên.

Chao ôi! Cái cảnh giang-hồ rộng-rãi ở hai lầu Nhạc-dương Hoàng-hạc, và cái cảnh sơn-nhạc u-kỳ ở hai chùa Linh-ẩn Thiếu-lâm, chợp ngủ thì thường thấy chiêm-bao, sực thức-dậy thì hình như còn ở trước mắt, lưỡi nào bút nào mà truyền-thuật ra cho hết được thay!

Khi ta ở trong chùa Thiếu-lâm, ta có hỏi đến di-tích ông phật Đạt-ma, thì người sư nói rằng: « Cách chùa về đàng phía tây, độ bốn năm dặm, trong chỗ thâm-sơn có cái cổ-thạch-đỗng, là nơi ông Đạt-ma chín năm ngảnh mặt vào vách mà tu-đạo đó, đến nay trong đỗng hãy còn có ảnh ông Đạt-ma. »

Ra khỏi núi Tùng-sơn, sang đò sông Lạc-thủy, đến giữa đường Yên-sư; trông thấy mả hai người nghĩa-sĩ, là mả ông Điền Hoành và mả ông Hứa Viễn; đàng bắc có núi Hầu-sơn, là nơi ông Vương Tử-tấu khi xưa thăng-tiên.

Lại đi chếch lên phía bắc đến đất Bắc-mang, trông thấy xứ Lạc-dương, xưa ông Ban Mạnh-Kiên có bài phú *Lưỡng-đô*, ông Lưu Bình-Tử có bài phú *Nhị-kinh*, kể về hình-thắng đất Lạc-dương tường lắm, ta phen đó chưa kịp vào xem, đến bây giờ ta nghĩ ra, ta vẫn còn lấy làm một sự ân-hận cho ta lắm vậy!

Do bến Mạnh-tân, sang đò sông Hoàng-hà, đến Mạnh-huyện; Mạnh-huyện đó là đất Hà-dương khi xưa, vua Tương-vương nhà Chu ra tuần-thú ở đó.

Lại lên phía bắc, sang đò sông Tầm-thủy, lên núi Thái-hàng; núi Thái-hàng đầu-khởi tự đất Hà-nội, đuôi vắt mũi sang đất Kế đất Liêu; núi Kiệt-thạch, núi Hằng-sơn, núi Tích-thành, núi Vương-ốc, đều tổng-danh là núi Thái-hàng cả; núi dài liền mây, non cao sát trời, dường núi đặt là một thứ đá xanh, trơn bóng như gương, thực là nơi tri-hiểm trong thiên-hạ. Qua núi Thái-hàng, trở về phía bắc, thì là cõi tỉnh Sơn-tây ta đó.

Tóm lại mà kể, thì đại-thế trong-vực nước ta, nước qui vào hai luồng, núi chia ra ba chẽ; sông Hoàng-hà phát-nguyên tự núi Côn-luân, sông Tràng-giang phát-nguyên tự đất Tây-tạng, hai con sông lớn, đều khởi tự tây-thủy mà chảy về đông-hải; núi Cửu-biên, núi Thái-hàng, đàng tây tiếp cửa Ngọc-môn, đàng đông đến nước Triều-tiên, thì là bắc-cán; núi Vũ-sơn, núi Hành-sơn, và núi Ngũ-lĩnh, đàng tây tiếp núi Nga-mi, đàng đông đến đất Cối-kê, thì là nam-cán; núi Dân-sơn, núi Họa-sơn, núi Tung-sơn là trung-cán; núi Thái-sơn đặc-khởi ở phương đông, không liền với mạch núi Tung-sơn, nhưng cũng là trung-cán. Nước sông Dương-tử khoan-hoãn, nước sông Hoàng-hà thoan-cấp, nước hồ Thái-hồ sắc bạch, nước hồ Phan-dương sắc hồng, nước hồ Động-đình trừng-thanh; sơn-xuyên cảnh-vật, kể ra đại-lược như vậy.

Phen này ta đi chơi, nào những chốn đế-vương sở-đô; nào những nơi thánh-hiền sở-xử; nào thông-đô đại-ấp, dân-vật sở-tụ; nào sơn-xuyên hiểm-trở, anh-hùng sở-tranh; nào cổ-tích danh-thắng, văn-nhân học-sĩ sở-ca-vịnh; ta được trông thấy đã nhiều. Chỉ những người khôi-kỳ lỗi-lạc, và những người cao-thượng thanh-tu, hoặc là náu ở trong nơi sơn-thủy, hoặc là lẩn vào trong đám ngư-tiều, mà ta chưa được trông thấy, ý chừng ông Trời chưa sinh ra, mà ta chưa được trông thấy, hay là ta đã được trông thấy rồi, mà con mắt ta chưa đủ biết được những người ấy chăng? Ta ân-hận lắm!

Nhưng mà, nếu trong tâm-lý ta mà khéo nhận ra, thì đối với cảnh sơn, trông thấy được cái thể tĩnh của người nhân-giả; đối với cảnh thủy, trông thấy được cái thể động của người tri-giả; đối với vẻ đột-ngột hùng-dũng như trông thấy được kẻ lỗi-lạc anh-hùng; đối với vẻ tú-nhuận

trừng-thanh, như trông thấy được người cao-nhã quân-tử; thế thì bảo rằng phen này ta đi chơi, ta ngày nào cũng gặp được người khá đó, chẳng phải đấy ru?

Ta xét ra, cái khối tứ-phương thượng-hạ, cũng là cái khối nhỏ-nhặt đó thôi. Mà ta từ tháng hai bước chân ra khỏi Yên-đô, đất Hà-bắc bấy giờ mầm cỏ chửa nhú, đến đất Ngô thì hoa nở, đến đất Việt thì hoa rụng, đến đất Mân thì đã gieo mạ mùa, đến đất Quảng thì đã ăn thóc mới, từ đất Quảng-tây đi thuyền trở về, thì khí thu đã lạo, cảnh trời đã thanh, đến đất Hà-nam thì lá cây rụng hết, về đất Sơn-hữu thì mưa tuyết đầy đường, trong khoảng nhác mắt, bốn mùa đổi thay, lại cứ đem cảnh-tượng ấy mà suy ra, thì cái vòng cổ-vãng kim-lai, cũng là cái vòng tạm-bợ đó thôi, chẳng lâu-lai gì cả.

Con người ta cái tâm không được tự-thích, mà phải cầu-tích ở bề ngoài, cho nên gặp được cái phong-cảnh nó êm-đềm tốt đẹp, thì sinh ra vui; cái tính không được tự-định, mà phải nhờ gửi vào cái hình, cho nên trông thấy cái vật-tượng ở thời-gian khi nó đã qua đi rồi, thì sinh ra buồn. Con người ta cái vui được có mấy, chỉ cái buồn là vô-cùng, ta vẫn ngờ cái thân ta hững-hờ ở thiên-địa-gian này, không chắc bằng, không bấu víu vào đâu cả. Nhưng thầy Mạnh-Kha có nói: «Muôn vật đều đủ ở thân ta 萬物皆備於我矣。» Lời ấy không phải là nói bậy đâu. Con người ta nếu để cái đất nó làm giới-hạn cho mình, thì sơn-xuyên mới sinh ra chấn-vực, để cái hình nó làm chủ-động cho mình, thì kiến-văn mới sinh ra trở-ngại. Nếu quả-nhiên cái tâm mình hòa với lẽ vật, cái tính mình thông với đạo trời, thì trời đất thế nào là cao-thâm, nhân-vật thế nào là vinh-tụy, sơn-hà thế nào là lưu-trĩ, có thể chia ra được số mà xét ra được cùng, sinh gió sinh mây ở trong bụng, bày núi bày bể ở bàn tay, tai không đợi tiếp mà đã nghe, mắt không đợi súc mà đã thấy, ta từ nay không phải đi chơi nữa, nhưng mà ta không ngày nào là ta không đi chơi vậy.

Tùng-Vân NGUYỄN ĐÔN-PHỤC *dịch*

NHÂN-VẬT TRUYỆN KIỀU (1)

II

III

Mắc tay mụ Tú, toan bài quyên-sinh,
Sổ còn nặng nợ, mắc Cậu Sở-Khanh.

Làm người con gái, gì hơn một vợ một chồng. Phải đem thân lấy lẽ chồng người, chẳng qua là việc vạn-bất-đắc-dĩ, phi con nhà quá bần-bách, gái trăng-hoa lỡ-thì, không ai vời đến, mới phải cam-tâm chịu bước lưu-ly ấy. Ăn cơm hầm, nằm chiếu manh, hầu-hạ như con đòi đứa ở, chồng có lòng yêu thì trước hàm sư-tử chẳng qua yêu vụng thương thầm, cái phận tiểu-tinh thực mười phần khổ-não! Một con người ngọc như cô Kiều, nếu nhà cô không biến, thời phải đúc nhà vàng mà lấy được cô cũng có người không tiếc, thế mà phải bán mình, tự-nhận lấy cái phận «*làm đầy tớ không công*», hiến thân cho một con người thô-bỉ, tuổi ngoại tứ-tuần, thời cũng đã là nhục-nhằn cay-đắng. Ngờ đâu ông xanh độc-địa, cái bước của cô Kiều lại còn đau-đớn hơn nhiều, cái vực cô sắp sa chân vào là một nơi

(1) Xem *Nam-Phong* số 68.

vũng lầy xấu-sa ô-uế, những nói đến cũng đủ làm cho thẹn mặt má-hồng !

Vừa một tháng tròn, cô Kiều mới tới Lâm-chi. Xe vừa dừng bánh, thời *« rèm trong đã thấy một người bước ra »*. Người ấy thực là Mụ Tú-Bà.

Thoát trông lờn-lợt màu da,
Ăn gì cao lớn đẫy-đà làm sao !

Hai câu này tả rõ ra một mụ chủ thanh-lâu, người cục-cằn thô-bỉ. Cô Kiều theo vào trong nhà thấy :

Bên thì mấy ả mày ngài,
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
Giữa thì hương-án hẳn-hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày.

Cô Kiều lạc-loài vào chốn lầu-xanh, mà nào đã biết, ngơ-ngẩn, ngẩn-ngơ, trông quang-cảnh cô đà chán ngắt !

Vâng lời mụ Tú, cô Kiều lạy trước bàn thờ, nghe mụ khấn mới rõ mình đã sa vào nơi địa-ngục.

Sau mụ biết là cậu Mã
Buồn mình trước đã tần-mần thử chơi.

Liền điên-tiết nổi tam-bành lên, mắng cho cậu một hồi, cậu chồng ăn nhờ vợ kia đành cúi đầu chịu tội. Nghe mụ nói rõ ra một người mạt-hạng trong xã-hội... Mụ mắng chồng xong lại mắng cô Kiều :

Lão kia có giở bài bây,
Chẳng văng vào mặt mà mày lại nghe.

Nói dứt lời liền lấy roi ra đánh lấy đánh để. Cô Kiều thôi còn có tiếc gì, lấy ngay dao trong tay áo ra.

Mụ còn trông mặt nàng đà quá tay.
« Thương ôi, tài-sắc bậc này,
Một dao oan-nghiệt dứt dây phong-trần ! »

Các nhà triết-học phương Tây đồng thanh chê việc *quyên-sinh* cho là vô-luân-lý, trái đạo làm người. Đại-khái các nhà viện bốn lẽ sau này để ghép tội những kẻ chán đời muốn chết : 1) *Kẻ quyên-sinh trái nghĩa-vụ với bản-thân, là bảo-tồn sinh-mệnh;* 2) *Trái nghĩa-vụ với xã-hội, là vỗ nợ người đời ;* 3) *Trái nghĩa-vụ với gia-tộc, là cướp công sinh-dưỡng;* 4) *Thiếu lòng can-đảm, là không chịu được những nỗi đau-đớn, để vượt ra ngoài vòng lao-lung*. Bốn lẽ ấy rất hợp lý, nhưng đem ứng-dụng vào cảnh-ngộ cô Kiều thì cô thực là vô-tội. Giả-sử cô quyên-sinh ngay lúc bị cậu Mã nơi trú-phường thì cô mới đáng ghép vào tội được. Ta thử nghĩ mà xem, cô quyên-sinh mới trọn được nghĩa-vụ đối với bản-thân, vì nếu cô chịu rấn mình vào nơi nhơ-bẩn, thì còn gì là phẩm-giá con người, cô mà nhơ-bẩn, thì sống cũng như chết, cô mà chết đi, ấy là còn sống đấy. — Đối với xã-hội thì cái nhà lầu-xanh, tuy cũng có ích cho một số ít người, nhưng cái nghề *« đưa người cửa trước rước người cửa sau »* không phải chức-trách con gái trung-lưu, thượng-lưu xã-hội : cô quyên-sinh đi chính là cô giữ cái thể-thống cho xã-hội đó. — Đối với gia-đình, cô đã trọn đạo làm con, làm chị rồi, nhưng nếu cô chịu bước xấu-sa, thời nhục đến tổ-tiên, cô không khỏi mang tội với danh-giáo. Vậy cô quyên-sinh đi ấy là trọn đạo với gia-tộc đấy. — Còn đến can-đảm thì ai dám bảo cô nhu-nhược ? Nếu cô không quyên-sinh mới là thiếu lòng can-đảm. Nếu thân nghìn vàng cô để cho ô-danh má-hồng, thì sau này dù có thoát nơi địa-ngục, cũng không còn được là người sạch-trong, thì cô thác trong còn hơn là sống đục...

Nhưng mà số còn nặng nợ, chưa hết trần-duyên, toan trốn nợ đoạn-trường, trốn sao cho khỏi được ? Cô mơ-màng lại thấy Đạm-Tiên bảo :

« Hãy xin hết kiếp liễu-bồ,
Sông Tiền-đường sẽ hẹn-hò về sau ! »

Mụ Tú sai chăm-nom thang-thuốc cho cô suốt cả ngày, mãi đến chiều cô mới hơi tỉnh-tỉnh, thì mụ đã chực sẵn

đấy rồi. Mụ cũng là một tay lõi đời, nên dùng sẵng không được, mụ liền dấu-dịu. Ta nghe những lời dường mật của mụ dỗ-dành cô, trái hẳn với những lời cục-cằn buổi trước, thì biết rằng mụ sâu cay hiểm-độc lạ nhường! Mụ hứa :

Lỡ chân chót đã vào đây,
Khóa buồng xuân để đợi ngày đào non.
Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng-đáng làm con cái nhà.

Nhưng kỳ-thực thì mụ đã rắp sẵn mưu sâu rồi. Cô Kiều cũng thừa biết cái mặt-nạ nhân-từ của mụ, nhưng nàng tin lời thần-mộng, và sợ rằng :

Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chồng (1) kiếp sau.

Nên nàng cũng cam đành lòng vậy. Mụ Tú y lời hứa để cho nàng khóa buồng xuân, trước lầu Ngưng-bích.

Cô Kiều bấy giờ chưa phải tiếp khách, nhưng chắc rằng rồi sẽ phải tiếp khách, ta có thể ví cô cũng như anh tù phải giam chưa đến buổi đem ra hành-hình. Cái cảnh đợi chết ấy mới buồn cho người ta chứ!

Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man-mác biết là về đâu?

Đối cảnh non nước quê người, mặt ghềnh gió cuốn, tiếng sóng ầm-ầm, cô đau lòng lưu-lạc, ngẫu-hứng đọc bốn câu não-nùng ai-oán. Nhưng mới lạ thay! Vẳng nghe cách tường có tiếng họa lại. Trông ra thấy cậu Sở-Khanh :

Một chàng vừa chạc thanh-xuân,
Hình-dong chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng.

Cô Kiều cũng tưởng là con nhà lương-gia tử-đệ, dòng-dõi thư-hương, có ngờ đâu cậu Sở là một tay đại xỏ-lá.

Trông diện-mạo y-phục cậu có vẻ nho-phong, nghe thơ cậu ứng-khẩu họa lại với những lời tao-nhã của cậu có ý thương ngọc tiếc hoa, thì trách gì cô Kiều không lầm mà cho là một tay hào-hiệp. Ấy nếu quân xỏ-lá mà không giấu cái bộ mặt xỏ-lá, thì người ta ai dại gì mà mắc. Khốn nhưng cái cậu Sở-Khanh xỏ-lá kia lại khéo đeo cái mặt-nạ nho-gia hào-hiệp, nên mới lừa nổi một người khôn-ngoan như cô Kiều. Ngay như ngày nay cũng có kẻ đội lốt văn-nhân, lừa người thục-nữ; giả danh nghĩa-cử, lừa người hữu-tâm; lên mặt cao-thượng, lòe bọn tầm-thường. . . Kể ra thì biết bao nhiêu kẻ có học đem ngay cái học-thức làm khí-giới lừa đời, dùng ngay những cái người đời hâm-mộ làm mặt nạ che lòng xấu-sa ô-uế. . . Ấy những hạng người ấy mới là đáng ghê, đáng tránh, đáng thống-mạ, cái mặt-nạ của họ nên cất ngay ra, kẻo những người chưa biết mắc phải. Những hạng người ấy là giống trùng-độc, giống mọt già của xã-hội ta đó, chúng cũng cùng loài với Sở-Khanh; ta nên bảo nhau chỉ mặt đặt tên, tài chúng càng cao, học chúng càng rộng, càng đáng cho ta khinh, ta bỉ, ta cùng phải gác chúng ra ngoài trường sinh-hoạt của ta...

Lại nói đến cô Kiều, muốn thoát kiếp phong-trần, nên đánh liều nhờ cậu Sở ra tay tế-độ, có ngờ đâu lại mắc mưu mụ Tú! Nguyên mụ thuê cậu Sở ba-mươi lạng để cậu lừa cô Kiều theo cậu đi trốn, rồi mụ sai một đoàn đầy-tớ theo ngay điệu bắt đem về. Mụ chẳng nói chẳng tra, hầm-hầm đánh Kiều một trận cực-kỳ tàn-nhẫn, thịt nát máu sa. Cô đau quá, không chịu nổi, phải xin tha cho, mà rằng :

Thân lươn bao quản lấm đầu,
Chút lòng trinh-bạch từ sau xin chừa!

Thế là từ đó cô Kiều phải chịu ra tiếp khách.

(1) *Chồng* đây là *chồng-chất*.

Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Đến phong-trần cũng phong-trần như ai!

Bấy giờ mụ Tú mới đem những nghề-nghiệp hay mà truyền cho cô, nào:

Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung;

Nào:

Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề.

Cô Kiều nghe dạy, lấy làm xót-xa, đau-đớn, nghĩ đến thân khuê-các đầy-đọa trong nghề đê-mạt, mà luống thương thân-phận lạc-loài! Nhưng biết làm sao bây giờ? Thôi thì:

Dẫu sao binh đã vỡ rồi,
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong.

Cô Kiều cũng đành phải bán sầu làm vui, nhưng

Vui là vui gượng kẻo mà,...
Ai tri-âm đó, mặn-mà với ai?

Bỗ thấm-thía chưa!

Mặc người mưa Sở gió Tần,
Những mình nào biết có xuân là gì?

Một người đa-cảm như cô Kiều mà gặp cảnh-nghộ ấy thì đau-đớn xót-xa biết là nhường nào! Cô Kiều thường tưởng đến mẹ cha, mỗi tuổi mỗi già, hai em thì còn dại.

Trân-cam ai kẻ đỡ thay cho mình?

Lại nghĩ đến tình-lang, không biết rằng em Vân đã thay mình trả nghĩa cho chàng hay chưa?

Mối tình dòi đoạn vò tơ,
Giấc hương-quan luống vần-vơ canh dài...

Cô Kiều ở trong cái cảnh địa-ngục ấy trong ba năm, một mình vò-võ, đất khách quê người, nhục-nhằn đến cực-điểm!

IV

Gặp tay thảo cầm, tưởng đã yên thân,
Hay đâu vợ Thúc, máu ghen lạ lùng!

Cái *khổ* với cái *sướng* của đời người thực là vô-thường bất-nhất. Cùng một *cảnh khổ*, cùng một *cảnh sướng*, nếu nguyên-chất nó không đổi thay, thì mỗi ngày mỗi quên đi, lâu ngày có giảm nhiều, khiến cho một người khi mới bước vào cảnh *khổ* ấy thì đau-đớn xót-xa không biết đến đâu, tưởng chừng như không bao giờ ráo nước mắt, thế mà rồi cũng nguôi dần, thưa dần, mà nếu người ấy là người vô-tâm, thì không bao lâu mà quên hẳn được cái nỗi cơ-cực. Cái *sướng* cũng thế; người đang ở *cảnh khổ*, bước vào *cảnh sướng*, thời cái gì cũng thích, cũng ưa, cái gì cũng lấy làm vui lòng mãn-ý, tưởng chừng như đã bước được vào cái thời-đại hoàng-kim, cái thế-giới cực-lạc, thì xa lánh hẳn được mọi nỗi chát-chua của thế-vị, mà ngày ấy qua ngày khác, bao giờ cũng được thỏa-mãn như bao giờ. Có ngờ đâu cái thế-lực của tập-quán rất là mạnh-mẽ, kẻ hành-lạc nếu không đổi món vui thời sinh chán ngay, mà dù có khéo thay đổi chương-trình, những món vui số nó có hạn, quanh đi quẩn lại chỉ có bấy nhiêu thôi, nghĩa là cảnh sướng cũng như cảnh khổ, lâu ngày tự nó có giảm đi nhiều. Vả lại *bĩ-cực thái-lai* là lẽ tuần-hoàn, hết *khổ* lại *sướng*, hết *sướng* lại *khổ*, đó là cái mệnh-hệ con người. Đời người là gì? Há chẳng là cái vinh lẫn-lộn với cái nhục, cái sầu lẫn-lộn với cái vui, tiếng cười chen với tiếng khóc ư?

Thúy-Kiều đang đường-đường một cô con gái, cửa các phòng khuê, cao tường kín cổng, bỗng phải đầy-đọa vào nơi ong bướm mận đào, bán thân nuôi miệng, thì nỗi đau-đớn không bút nào tả cho xiết! Nhưng ròng-rã ba năm trời, hơn một nghìn ngày dạn sương dầy gió, bướm chán ong chường, thời cô tuy đa-cảm mặc lòng, cái cảnh sầu-thảm kia cũng không còn ghê-tởm cho cô mấy nữa, cái nỗi đoạn-trường kia không còn đau xót cho cô là mấy nữa. Họa chăng một đôi khi đối ngọn đèn khuya, hồi-tưởng

đến thân-thế, nhớ mẹ cha, nhớ hai em, lại nhớ đến tình xưa nghĩa cũ, thời cô cũng có chạnh lòng đau xót, giọt lệ tuôn rơi. . . Nhưng ngoài ra thì cái nghề lầu-xanh cũng là nghề bận, nào sớm đào tối mận, nào cuộc rượu cung đàn, nào cuộc say đầy tháng, nào trận cười suốt đêm ! Nên cô cũng không mấy lúc được rảnh mà tưởng nghĩ đến nỗi mình. . . giả-sử cô cứ được ở đấy cho đến hết nợ đoạn-trường thì cũng khá gọi là yên thân vậy. . .

Nhưng mà nỗi đời khe-khắt, ông xanh nào để cho yên ! Ông thấy cô đã quen cái cảnh lầu-xanh, ông liền cho thoát khỏi, ra vui thỏa với Thúc-sinh. Nhưng ba năm cô hưởng sung-sướng với cậu Thúc, chẳng qua là ông dự-bị cho cô nếm qua mùi tân-khổ khác đấy mà thôi !

Cái hồi cô Kiều gặp Thúc Kỳ-Tâm này mới tỏ cho ta biết hết cái khôn-ngoan của cô, khôn-ngoan rất mực, khôn-ngoan mà trung-hậu. Cô đang ở lầu-xanh gặp cậu Thúc, là tay hào-phóng, nho-nhã, văn-chương, say-mê cô hết sức, định cùng cô tính cuộc trăm năm. Một ả hồng-phấn tầm-thường gặp người mê tít, lại muốn tháo cũi sổ lồng cho, thì tất vội-vàng vồ lấy nhịp may, dù ai chưa quyết cũng dùng sóng khuynh-thành mà làm cho quyết, thế mà cô Kiều cứ ung-dung đáp rằng :

...Muôn đội ơn lòng,
Chút e bên thú bên tòng dễ đâu !

Cô là người trung-hậu, nên đem điều hơn thiệt mà can Thúc-sinh :

« Vẻ chi chút phận bèo mây,
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.

Vả lại dù cậu có quá yêu lấy tôi chăng nữa, nhưng

Trước hàm sư-tử gửi người đằng-la,

thì :

Dấm chua lại tội bằng ba lửa nồng !

Vả lại cậu còn thân-phụ tại đường, biết người có rủ lòng trông xuống, mà dung cho chăng ? Nếu người không thương tới phận hèn, mà

Lầu-xanh lại bỏ ra phường lầu xanh,

thì đã đành thân tôi dơ-dáng dại-hình chẳng kể làm chi, nhưng ngại thay cho cái danh-giá của cậu ! »

Cậu Thúc đang lúc say-sưa, những lời chí-lý của cô Kiều cũng không thể khiến cho tỉnh-ngộ, vậy cậu đem tiền chuộc cô, thế là cô tạm thoát nơi khổ-hải.

Lời cô Kiều đoán trước quả là không sai, cùng nhau xum họp mới được ít lâu, thời Thúc-ông tới, đùng-đùng nổi giận, quyết lại bỏ Kiều vào lầu-xanh. Thúc-ông bảo con không được, phải cáo-qui cửa công, nhưng may thay cho cô Kiều ! Ông quan Lâm-chi không giống như ông quan Lôi-châu, ông thực đáng tôn là một vị Phúc-tinh cho quận ấy ! Ông xét lý xong, ông xét đến tình, ông thương vì hạnh, ông trọng vì tài, nên đem lời phải khuyên can Thúc-ông cho về đoàn-tụ.

Thói thường nhi-nữ, thân cát-đằng hay quên phận tiểu-tinh, những muốn lấn quyền kẻ lớn. Đêm thanh vắng, nỉ-non tỉ-tót, đem sóng tình mê-hoặc lòng ai.— Cái thói đàn ông lại hay có mới nới cũ, mặn tình cát-lũy, lạt tình tao-khang, sao cho khỏi để tai nghe lời xiềm-nịnh... Ấy cái bi-kịch của nhiều gia-đình vì chữ *cả sông đông chợ* sinh ra, chỉ vì thế. Nhưng mà cô Kiều không thế. Cô nghĩ :

Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm,

nên cô đang vui xum-họp cùng cậu Thúc, mà giục cậu trở lại nhà để thú thực cùng vợ cả ; cô lại nói :

Dù khi sóng gió bất-bình,
Lớn ra phận lớn, tôi đành phận tôi.

∴

Phàm con người ta, dù đàn - ông đàn-bà cũng vậy, đã có ái-tình, tất có *nghen - tuông*. Mình yêu ai, tất muốn cho ai cũng yêu mình, hết lòng yêu mình, muốn chỉ một mình mình được hưởng cái tấm ái-tình qui-báu của ai mà thôi, chứ nếu thấy ai lăm-le chực đoạt cái ái-tình của mình, hoặc chính người yêu của mình lại đem cái ái-tình xẻ cho kẻ khác thì tất *ghen*. Vậy thời cái *ghen* có ba nguyên-chất chính:

1° *sợ mất ái-tình*;

2° *tức vì có kẻ khuy-du người yêu*;

3° *tức vì người yêu đem ái-tình chia cho kẻ khác*.

Đã vậy thời cái lòng yêu ai *càng sâu* thì cái lòng sợ mất ai *càng mạnh*, cái lòng tức-tối *càng hăng* mà cái *ghen càng dữ*. Cái *ghen* không phải chỉ riêng đàn-bà mới có, đàn ông cũng có. Đàn - bà da-cảm hơn đàn - ông, cái ái-tình của người đàn-bà bao giờ cũng thâm-thiết hơn đàn-ông, nên máu *ghen* của đàn-bà bao giờ cũng hăng-hái hơn. Ở nước ta sự *ghen* của đàn-bà thường nghe thấy, mà ít khi có chuyện đàn-ông *ghen*, vì rằng cái chữ « trinh » của đàn-bà ta coi trọng hơn các nước, nữ-lưu vì thế phần nhiều biết tự-trọng, biết giữ tiết cùng chồng. Các bà đã hết dạ thờ chồng, các ông còn *ghen* vào đâu được nữa? Nên chi ít chuyện đàn-ông *ghen*, chứ không phải đàn-ông không biết *ghen*, không có máu *ghen*.

Nhưng *ghen* cũng có năm bảy đường *ghen*, có *ghen* cao - thượng, có *ghen* tiểu-nhân, có *ghen* sâu-sắc, có *ghen* nông-nổi, có *ghen* của người học-thức, có *ghen* của kẻ ngu-si, ... tóm lại trên thế-giới có bao nhiêu hạng người thời có bấy nhiêu hạng *ghen*: cái tâm-lý con người ta có quan-hệ đến cách *ghen-tuông* vậy. Cái ghen cao-thượng, cái *ghen* sâu-sắc, cái *ghen* của người học-thức thời biết chăng chỉ có người yêu của mình, mà không bao giờ đến nỗi sinh ra ầm-ỹ xóm-riềng, điếc tai phố-sá, tan cửa nát nhà, phiền lòng cha mẹ. Cái *ghen* tiểu-nhân, cái *ghen* nông-nổi, cái *ghen* của kẻ ngu-si thì nghe-gớm lạ, mỗi chuyện *ghen* này là một tấn bi - kịch, một tấn hài-kịch, nghịch mắt kẻ bàng-quan, để trò cười cho nhân-thế. Ở nước ta ngày nay chuyện *ghen-tuông* như thế không phải ít, cớ bởi tại đàn-bà, phần nhiều ít học, hoặc không có học, không nghĩ trước nghĩ sau, không biết qui-trọng phẩm-giá của mình, không biết giữ-gìn thể-diện cho chồng. . . Nhưng đàn-ông cũng không phải là không đắc-tội, vợ mình thì muốn cho một lòng trinh-tiết, còn mình thì vợ hơi giữ một chút đã kêu là lấn quyền « tự-do » !

Cái *ghen* tuy là tính tự-nhiên của con người, nhưng *ghen-tuông* nào có hay gì, thiết-tưởng ta nên lấy chí-ý mà kiềm-chế. Các bà có muốn *ghen* tưởng cũng nên lấy cô Hoạn-Thư trong truyện *Kiều* làm gương mới được. *Ghen* thế mới là *ghen*! *Ghen* mà không chút tai-tiếng, *ghen* mà chồng không hề được rằng, điếng trong lòng gạt thầm nước mắt, *ghen* mà vẫn cười nói như không, khiến cho kẻ chồng yêu ra thân tôi-tớ, hết cách nhìn nhau, phải tự chia rẽ nhau! Cái *ghen* của cô Hoạn-thư không phải là cái *ghen* cao-thượng, cái *ghen* của người học - thức, nhưng cũng không đến nỗi tiểu-nhân, thô-lỗ như thói *ghen* thường thấy trong xã-hội thượng-lưu, trung-lưu nước ta. Cái cách *ghen* ấy cũng chẳng đáng khen gì, nhưng giả-sử ta có thể khuyên được khắp các bà *ghen* như thế cả, thì kịch-trường nước Việt-Nam ta cũng bớt đi được không biết bao là hài-kịch, bi-kịch, thì vô-số gia-đình cũng không đến nỗi giở cười giở khóc. Cái cách cô Hoạn-Thư *ghen* không những không đáng khen mà lại có nhiều điều đáng

chê ta vừa thuật truyện ta vừa sẽ bàn ra sau đây.

Cô Hoạn-thư, vợ Thúc-sinh, con quan Lại-bộ. Cô là một người đàn-bà có thao-lược, có tâm-cơ, có khuôn-phép, có mối-giường, thông-minh rất mực, nói-năng đến điều. Cô là một người nghiêm-trang chững-trạc, gan-góc ít ai tầy. Cô nghe vườn mới thêm hoa, mà chồng vắng tin vắng tức, cô giận cái cách cư-xử bạc đen của chồng không biết đến đâu ! Tuy rằng lửa trong lòng bừng-bừng nổi rẫy, nhưng cô là người khôn-ngoan mà lại có nghị-lực, nên nén được lòng, để giữ lấy nền-nếp, để tránh tiếng ghen là tiếng không hay. Cô cũng là người có lượng, nên nghĩ rằng :

« Vì bằng thú thật cùng ta,
Cũng dong kẻ dưới, mới là lượng trên.

Nhưng dã giấu ta, thì được ! Kiến trong miệng chén, thoát thế nào được tay ta ! Ta sẽ làm cho mà biết sức !

Làm cho nhìn chẳng được nhau,
Làm cho đầy-đọa, cất đầu chẳng lên ! »

Tuy cái cách cô ghen cũng có cao hơn cách ghen của kẻ tầm-thường vài bậc, nhưng tấm lòng cô cũng khi nhỏ-nhen thâm-độc quá.

Mà cô Hoạn-thư thâm thực ! Cô biết vậy cứ để trong lòng, tuy đau-đớn ngầm trong dạ mà vẫn tươi cười vui-vẻ như không. Có mấy người mách tin để tâng công, cô làm mặt giận, ra oai đánh mắng, cho là thêu-dệt ra điều thị-phi. Đến khi cậu Thúc-sinh về, cô cũng vui-vẻ như thường, sự-tình tơ-tóc, mảy may không hề nói động. Thúc đã toan thú thực, nhưng lại nghĩ : miệng bình dã bưng được kín, tội gì không ai tra khảo mà mình lại xưng, nên không nói đến. Ở nhà được ít lâu, cậu lại nhớ cảnh giang-hồ, nhưng tình riêng vẫn lặng im không dám hở. Hoạn-thư biết ý giục cậu nên kíp trở lại Lâm-chi để thần-hôn cho phải đạo. Được lời như cởi tấm lòng, cậu liền vó-câu giong-ruổi. Có ngờ đâu rằng cô Hoạn mưu sâu đã rắp sẵn. . . Thế mới biết những kẻ bô-bô lỗ miệng, dù độc-ác đến đâu cũng không đáng ghê-sợ bằng kẻ cứ lầm-lầm, tức chết trong lòng mà miệng vẫn nói cười thơn-thớt : ấy những kẻ ấy mới là nham-hiểm thâm-độc, họ có thể tay cầm dao giết người mà miệng vẫn cười ha-hả.

Nguyên đi Lâm-chi có hai đường, đường thủy gần hơn đường bộ. Cô bàm với mẹ, rồi sai gia-nhân côn-đồ thuận buồm xuôi gió kíp thẳng trấy Lâm-chi, đang đêm bắt Kiều-nhi đem về, còn nhà thì phóng-hỏa đốt. Một cái thây vô-chủ ở đâu đem quăng vào đống lửa, khiến cho ai cũng chắc rằng cô Kiều đã cháy ra tro. Khốn-nạn cho cậu Thúc ! Cậu đi đường lòng mừng khấp-khởi, tưởng sắp được gặp người yêu, bấy lâu cách mặt, không ngờ tới nơi, cái tin hỏa-hoạn như sét đánh ngang mày ! Khốn-nạn cho cậu Thúc ! Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan ! Cô Hoạn-thư giỏi thật ! . . .

Còn cô Kiều, kinh-hãi mê-man, đến khi tỉnh giấc thấy mình ở một nơi tòa rộng nhà cao, tức là nhà mẹ cô Hoạn-thư. Phu-nhân uy-nghi lẫm-liệt, ngồi trên giường thất-bảo, gạn-gùng tra hỏi, sau dùng-dằng quát mắng, cho là phường trốn chúa lộn chồng, đã bán vào cửa phu-nhân còn dám làm cao khủng-khỉnh. Phu-nhân sai đánh cho ba chục trúc-côn, rồi bắt đổi tên là Hoa-nô, theo lũ thanh-y hầu-hạ. Khốn-nạn cho cô Kiều ! Tai-ác thay ả Hoạn !

Một hôm tiểu-thư về ninh-gia, phu-nhân cho Hoa-nô theo về hầu dưới trướng. Cô Kiều sa chân vào địa-ngục mà nào có hay biết chi đâu ! Được ít lâu cậu Thúc về nhà, Hoạn-thư truyền gọi nàng ra lạy mừng. Thế có rõ tai-

ác không! Tinh-ma đến thế là cùng-cực! Xưa kia chồng vợ, nay đà con ở chủ nhà! Trông thấy nhau mà nào dám nhận nhau,

Càng trông mặt càng ngẩn-ngơ,
Ruột tằm đôi đoạn như tơ rối bời.

Hoạn-thư hả dạ lắm rồi, nhưng nào đã để cho yên! Hai vợ chồng uống rượu lại bắt cô Kiều ra đứng hầu hạ trì-hồ. Lại còn

Bắt khoan bắt nhặt đến lời,
Bắt quì tận mặt bắt mời tận tay.

Cậu Thúc như ngây, như dại, giọt ngắn giọt dài, nuốt làm sao được. Hoạn liền thét:

« Con Hoa!

Khuyên chàng chẳng được thì ta có đòn!»

Mắng thế có vô-lý không! Cường-quyền thắng công-lý, bà chủ mắng con đòi, thì thế nào không là phải!

Hoạn lại bắt Kiều dạo một bài đàn:

Bốn giây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!

Hoạn lại thét:

Cuộc vui gẩy khúc đoạn-trường ấy chi?
Sao chẳng biết ý-tứ gì?
Cho chàng buồn-bã tội thì tại ngươi!

Cái cách cư-xử của Hoạn-thư, ở đoạn này thực là dã-man quá lẽ! Chị này cũng là một tay tàn-nhẫn mới lấy sự đau-đớn của kẻ khác làm cái vui riêng của mình được. Ôi! đàn-bà cốt lấy từ-bi làm nết, mà nỡ đem dao cắt ruột chồng, dám gan người đào tơ liễu yếu!

Người quân-tử khi đắc-thế không hề lạm-dụng cái quyền-hành của mình để đè-làn kẻ kém vế. Đứa tiểu-nhân thì đối với người hơn vào luồn ra cúi nhục không biết nhục, mà đối với kẻ thất-thế thì ra oai hành-hạ, cách cư-xử rõ ra một người không chút lương-tâm! Xét người, ta chỉ xem cách hành-động khi đắc-thế hay cách đối-đãi với kẻ kém vai, cũng đủ biết là tiểu-nhân hay quân-tử vậy. Hai chữ *tiểu-nhân* đem tặng cô Hoạn-thư, tưởng không quá-đáng.

. . .

Bây giờ ta mới bàn đến cậu Thúc-sinh. Bàn đến Hoạn-thư tất phải bàn đến *thói ghen* của đàn-bà mới rõ được tâm-lý cô Hoạn-thư, thì bàn đến Thúc-sinh tất phải bàn đến tật *sợ vợ* của đàn-ông, mới rõ được cái tâm-lý cậu Thúc-sinh.

Muốn bình-luận cái tật *sợ vợ* cho được phân-minh chính-đáng, trước hết ta phải xét đến cỗi-rễ sự hôn-nhân để phát-siển ra cái tỉ-lệ đích-đáng của quyền chồng, quyền vợ. Vậy thời hôn-nhân là gì? Một người con trai kết-hợp với một người con gái, đem cuộc đời riêng làm cuộc đời chung, ấy cái hợp-đồng của hai người ấy là hôn-nhân đấy. Cái chủ-đích của hôn-nhân là sáng-tạo ra một gia-đình mới, để mở rộng cái phạm-vi sinh-hoạt, để vĩnh-tồn lấy giống nòi. Một đôi vợ chồng cùng ăn-ở với nhau, cùng sinh-hoạt với nhau, cái ảnh-hưởng tất tương-đồng, cái tâm-lý tất đồng-hóa; cái hay cái dở tự-nhiên trao đổi cho nhau, cái kết-quả của cuộc đời cũng là thăng hay giảm cái giá-trị luân-lý của cả hai người. Thế mà cái chủ-đích của hôn-nhân là làm tăng-tiến cho hai người cả về phương-diện tinh-thần, vật-chất. Bởi vậy cho nên cái công việc giáo-dục lẫn cho nhau ấy muốn cho được thành-hiệu tất là hai người phải được *đồng-quyền* thì cái ảnh-hưởng người nọ đối với người kia mới được chính-đáng. Vậy thời đối với nhân-luân, vợ chồng *đồng-quyền*, vì hai người cũng có nghĩa-vụ, trách-nhiệm, và quyền-lợi như nhau. Ở các nước dã-man

cùng những dân-tộc bán-khai, cái nghĩa công-lý chưa rõ-rệt, thời sự *đồng-quyền* ấy không có. Bọn đàn ông lạm-dụng cường-quyền để làm thỏa-mãn cái lòng tư-kỷ, nên bao nhiêu quyền-bính vơ lấy cả cho mình, mà người đàn-bà chịu hết mọi bề thua-thiệt. Vì thế chồng chửi vợ không sao, mà vợ chửi chồng có tội; chồng đánh vợ không ai chê trách, mà nào đâu thấy vợ đánh chồng; chồng cờ bạc dĩ-thõa không sao, mà vợ kém chút nữ-công nữ-hạnh thì tha-hồ cho ông chồng xỉ-vả nhiếc-móc... Đối với công-lý, đối với nhân-luân, vợ chồng đã bình-quyền thời chồng sợ vợ đáng chê, vợ sợ chồng sao lại là một sự đáng khen nhỉ? Các bà sợ chồng đáng khen, là vì các bà biết trọn đạo thờ chồng theo cái nền luân-thường đạo-lý nước nhà đó. Cái nguyên-lý của nhân-luân nước ta rất hay, là lấy cường-quyền bảo-thủ cho công-lý. Nghĩa là người vợ yếu-ớt phải phục-tòng người chồng để người chồng bảo-hộ bênh-vực cho. Nhưng khốn thay! con người ta sẵn được cái cường-quyền trong tay, đem ứng-dụng ngay vào việc lợi cho riêng mình mà dù thiệt-thòi đến ai chẳng lấy gì làm nghĩ!

Ấy chính vì cái sự chếch-lệch trong xã-hội ta ngày nay nó đã như thế mà không mấy ai quan-tâm đến, cho nên cái quan-niệm về quyền chồng, quyền vợ không chút chính-đáng, cho nên cái dư-luận về nghĩa vợ chồng sai lầm thiên-lệch, khiến nên cái tật *sợ vợ* ở nước ta lại càng bị khinh-bỉ lắm.

Ký-giả cũng rất lấy làm chê, làm khinh cái tật *sợ vợ*, nhưng không phải vì những lẽ sai lầm ấy, mà chính bởi vì những cái nguyên-nhân của tật *sợ vợ* thường đáng chê, đáng khinh.

Vì sao mà *sợ vợ*, há chẳng phải là:

1° Vì chính mình không làm được nên ăn, phải ỷ-lại vào tài tháo-vát của vợ hoặc tài-sản riêng của vợ mới được ấm no ư?

2° Vì nhà vợ giàu hơn, sang hơn nhà mình, muốn được nhờ cái tiếng giàu, tiếng sang của vợ ư?

3° Vì mình chót quen thói trăng hoa, hoặc mê-man thứ-thiếp, mà trước hàm sư-tử phải cam lòng nhẫn-nhục cho êm ư?

4° Vì quá nhu-nhược, không giữ nổi trật-tự trong gia-đình, quá yêu thành nể, quá nể thành sợ ư?

Ấy cái nguyên-nhân của sự *sợ vợ* đại-khái là thế, nhưng nguyên-nhân ấy đáng khinh, đáng bỉ, nên ta khinh, ta bỉ kẻ *sợ vợ* ấy.

Cậu Thúc-sinh tính-khí đã nhu-nhược, hư-hèn, quen thói trăng-hoa, giấu riêng vợ lẽ, lại phải cô vợ vốn dòng đại-gia thế-phiệt, tư-cách hơn cậu gấp mấy, có thao-lược, có tâm-cơ, trách nào cậu Thúc không phải bó tay chịu Hà-đông sư-tử!

Cậu Thúc-sinh không có khí-phách một đấng nam-nhi, nhu-nhược như con trẻ, mê-tín như đàn-bà, thực phí công đèn sách. Đối với cô Kiều, thì cậu cũng chỉ là một tay hiếu-sắc tầm-thường mà thôi, chứ không gọi là người có tình được. Nghe câu này thời đủ biết:

Tìm đâu cho thấy cố-nhân,
Lấy câu vận-mệnh khuây dần nhớ thương.

Đến khi Hoạn-thư cho Kiều ra giữ Quan-âm-các, cậu Thúc lẻn ra tự-tình với Kiều, tưởng giúp được nhau cách gì, chẳng hóa ra khuyên suông nhau được một câu:

Liệu mà cao chạy xa bay,
Ái-ân ta có ngần này mà thôi.

(*Còn nữa*)

Vũ Đình-Long
Giáo-học trường Pháp-Việt Hà-đông

NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA MỘT NHÀ CHẾ-TẠO TRỨ-DANH: ÔNG THOMAS EDISON

Mấy lời nói đầu

Ông Thomas Edison có lẽ là một bậc sáng-tạo trứ-danh nhất hoàn-cầu. Máy nói, đèn điện và nhiều công-trình kỳ lạ nữa, cũng bởi tay ông sáng-tạo ra. Ông sinh-trưởng ở Mĩ-châu, dòng-dõi cũng thường-thường bậc trung, nhưng chẳng may gặp cơn gia-biến nên khi ông hãy còn nhỏ tuổi đã phải bỏ việc học-hành mà tìm cách sinh-nhai. Tuy ông phải làm nhiều việc bần-tiện mà vẫn ham học. Ham học đến nỗi bán nhật-trình xong là học, khênh đồ hàng xong là học. Chẳng ai khuyên cũng học, chẳng ai giục cũng học, nào thầy để giảng dạy đâu, nào bạn để ganh đua đâu, sách là thầy ông đó, sách là bạn ông đó. Ông ham học như thế, ông ham biết như thế, cho nên chỉ trong có mấy năm mà tiếng-tăm ông đã lừng-lẫy khắp hoàn-cầu.

Ông học như thế mới là học để mở-mang tri-thức, chứ không phải là học để « cướp gạo » như ta. Phần nhiều người mình học-thức đã chửa vào đâu, may nhờ được lúc nhá-nhem, dư-luận chuộng bề hình-thức, đã tự-kiêu tự-đại, đem cái hư-danh mà huyễn-diệu người mình. Nghĩ thế có ngán không!

Xem truyện này thì biết rằng ông Thomas Edison là người rất kiên-tâm nhẫn-nại mà đời phen cũng phải nản chí ngã lòng vì cái cuộc thế đảo-điên, thói đời đen-bạc. Nghĩ mà ghê tay!

Xem truyện này thì biết rằng cái « tài » của ông Thomas Edison nếu không có đồng « tiền » của mấy nhà phú-hào nước Mĩ giúp sức thì không những không nẩy-nở thêm ra mà có khi lại nhụt dần đi vậy. Lực đồng tiền tưởng cũng mạnh thay!

Thế mới biết rằng những bậc phú-hào một nước văn-minh không những là không phải làm nô-lệ đồng tiền mà lại còn biết dùng đồng tiền để khuyến-khích nhân-tài trong nước. Nghĩ mà thèm thay! Lại nghĩ mà thẹn thay! Sao mà thèm? Thèm là vì đang lúc giao-thời này nếu nước nhà có được người biết dùng tiền như thế thì lo gì nước chẳng chóng phú-cường. Sao mà thẹn? Thẹn là vì người ta cũng mắt mũi chân tay như mình mà người ta biết dùng tiền một cách rất hữu-ích, không những cho một nhà, cho một xã-hội, mà cho cả nhân-loại nữa, còn như người giàu mình thì chỉ bo-bo lấy một mình.

Những bậc phú-hào nước Mĩ hết sức làm giàu để làm những công việc hữu-ích cho nhân-quần, nào lập học-đường, nào dựng bệnh-viện, nào mở thư-viện, nào khuyến-khích nhân-tài trong nước. Người ta làm giàu là để làm những công-việc như thế, chứ không như những bác trọc-phú nước nhà cố vét cho nhiều tiền để vinh-thân phì-gia và để mua lấy cái danh-dự hão-huyền.

Ta còn nhớ mấy năm về trước, được đọc một quyển sách nói về nước Mĩ. Trong sách có một chương nói về lịch-sử một ông phú-hào. Lúc ông sắp tị-trần, ông cho gọi thầy-kiện lại, làm tờ di-chúc bao nhiêu gia-tài của ông đều để cúng vào các hội thiện cả. Người ta ngạc-nhiên hỏi ông sao không để cho người con trai ông một chút sản-nghiệp nào, thì ông đáp rằng:

— Tôi để của lại cho nó làm gì? Nếu tôi để của cho nó thì không những tôi làm hại nó mà có khi tôi có tội với xã-hội nữa. Thật vậy, vì sẵn có

tiền thì chắc là nó không có chí lập-thân, nó lại đem mà phung-phá, không những không có ích cho ai, mà có khi lại rất hại nữa.

Chí cao-thượng thay! Người phú-hào nước văn-minh có khác!

Xem những « bước đầu » của ông THOMAS EDISON sau này thì chẳng khác gì đọc một pho tả-chân-tiểu-thuyết rất hay, không những cảm-động, mà lại có ích nữa. Người mình nên đọc truyện này lắm, vì rằng phần nhiều người nước ta làm việc gì chỉ nhiệt-thành hăng-hái lúc đầu thôi, hễ gặp phải bước khó-khăn là nản chí ngã lòng, không có nghị-lực mà đạt tới mục-đích.

Ký-giả xin thú rằng dòi phen thấy những thói đời đơn-bạc, cảnh thế éo-le, tuy cũng dã cố bấm gan cam chịu mà không khỏi phải ngã lòng. Thói thì việc làm chán-nản, sách chẳng buồn coi. Nhưng may thay! đang lúc vẩn-vơ vơ-vẩn thì lại sực nhớ đến những « bước đầu » khó-khăn trắc-trở của những bậc danh-nhân dã mô-tả trong các sách mà ta đã đọc qua thì lại thấy trong lòng phấn-khởi, chí lại hăng-hái khác thường. Mới biết những truyện các danh-nhân đều là những tấm gương rất tốt, không những ta nên soi, mà ta lại nên cho các đàn em ta soi nữa. Sau này xin dịch-thuật truyện ông EDISON.

Truyện ông Edison

Bảy giờ sáng, chuyến xe hỏa chạy từ Ca-na-da đến Mĩ-chi-lan sắp khởi-hành. Ở giữa đám hành-khách đông nghìn-nghịt có một thằng bé con, vẻ người nhanh-nhẹn, đi lên vào, đi đến cái nhà quán nơi nhà ga mà bảo người chủ quán rằng:

— Thưa ông, tôi là THOMAS EDISON đến lấy hàng.

— Tốt lắm! Này rổ hàng của anh đây.

Nói vậy rồi người chủ quán đưa cho đứa bé một rổ đầy những bánh ngọt và giò chả. Sau lại dặn thêm rằng:

— Phải khéo giữ lấy tiền bán hàng đấy nhé, đừng để họ ăn cắp mất, anh đã nghe rõ chưa?

THOMAS ta gật đầu một cách vững-vàng, rồi cầm cái rổ hàng chạy đến cửa hàng bán nhật-trình ngoài ga, nói:

— Thưa ông, tôi là THOMAS EDISON đến lấy hàng.

Người bán nhật-trình đáp:

— Tốt lắm! Kia gói hàng của anh tôi đã buộc sẵn kia rồi. Chuyến này vừa nhật-trình, vừa tạp-chí có vẽ tranh-ảnh nữa đấy. Anh phải cẩn-thận về giá bán kẻo lầm đấy.

— Ông đừng lo, vì tôi biết đọc và biết tính nữa.

Nói vậy rồi cầm lấy gói hàng đứng chờ xe hỏa đến. Một lát, xe đến ga, thằng bé chạy đến người « xếp-tanh » mà rằng:

— Thưa ông, tôi là THOMAS EDISON, ông cho tôi lên xe bán hàng.

Người « xếp-tanh » nhìn thằng bé rồi quát lên rằng:

— Mày hãy sang toa chở hàng làm giúp « phu kíp » đã.

THOMAS EDISON lúc ấy mới có mười-hai tuổi mà đã có ba cái nghệ nhỏ trong tay, nào là làm « phu kíp », nào là bán bánh kẹo, nào là bán nhật-trình. THOMAS lúc ấy phải kiếm tiền giúp nhà sắp đến lúc khốn-cùng. Thân-phụ THOMAS làm nghề bán đồ cũ ở *Port-Haron*, gặp phải hồi đen vận bĩ, nên túng quá, phải kiếm cái nghệ ấy cho con mình. THOMAS được nghiêm-đường cho ba đồng bạc để làm vốn và đêm ngày được nghe những lời nghiêm-huấn bảo-ban, nên lần này xuất-thân ra giao-tiếp với đời là lần đầu vậy.

Khi giúp những « phu kíp » xếp những kiện hàng trong toa xong, thì THOMAS ta mới dám mang rổ kẹo và nhật-trình đi bán trên các toa hành-khách.

Thomas vốn là người lanh-lẹ và làm ăn cẩn-thận, nên trong có vài giờ mà những kiện hàng trong toa xếp đâu ra đấy và đồ hàng bán đã hết veo.

Công việc thảnh-thơi, nên Thomas ngồi trong toa nhìn qua cửa kính xem những phong-cảnh ở ngoài, mà nỗi nhớ nhà bồi-hồi trong dạ. Lúc thì nghĩ đến cái hàn-ốc ở *Port-Huron* kia mà nghiêm-đường đã tốn biết bao nhiêu mồ-hôi nước mắt mới kiếm được ít tiền. Lúc thì hồi-tưởng đến những bài học êm-ái mà huyên-đường đã hết sức bảo ban, nào đọc, nào viết, nào tính, nào vẽ.

Nghĩ vậy nên Thomas ta lại càng ham học lắm, ham biết trong sách có những cái gì. Vì vậy nên vừa mới kiếm thêm được vài đồng bạc vốn đã định đem dùng về sự học-vấn của mình, là mua sách, và cố làm mau cho có nhiều thì-giờ để đọc sách.

Khi xe-hỏa đang chạy, cho được có nhiều thì-giờ thì Thomas nhờ mấy anh em đồng-nghiệp bán hộ kẹo và nhật-trình rồi mang sách sang toa chở hàng-hóa xem. Những sách này là những sách mượn được ở thư-viện nhà ga, hoặc mua được ở cửa hàng bán sách.

Trong các sách này thì có một quyển mà Thomas thích xem nhất là quyển nói về hóa-học. Nói cho đúng thì lúc này Thomas xem cũng không hiểu rõ thế nào là hóa-học thật, thế mà Thomas lại ham, lại thích một cái môn học-thuật khó-khăn như thế, trông cũng lạ thay !

Thomas không cho việc gì ở đời là khó cả. Vì vậy nên khi xem sách xong là quyết-định làm những sự thí-nghiệm về hóa-học ở trên xe-hỏa. Người «xếp-tanh» vẫn biết Thomas cẩn-mẫn, nên để cho tự-do trong toa chở hàng-hóa, vì vậy nên một hôm Thomas khuân những chai lọ và những hóa-chất mua được lên toa, xếp vào một xó, tự gọi là cả phòng thí-nghiệm của mình. Từ lúc đó bắt đầu thí-nghiệm về hóa-học.

Thomas chưa dự-bị cẩn-thận những đồ dùng của mình cho lắm, nên một hôm đang thí-nghiệm thì đánh rơi cái chai đựng dương-long-hoàng. Chất dương-long-hoàng có khi trời tiếp-cận thì bốc ngọn lửa, nên cái sàn toa bị cháy. May thay, người « xếp-tanh » làm tắt ngọn lửa tức-thì. Nhưng khốn thay, cơn nóng giận của ông xếp lại không tắt nhanh như ngọn lửa. Cũng vì cơn nóng của ông nên những đồ dùng trong cái phòng thí-nghiệm bị quăng cả xuống đường. Cũng vì cơn nóng của ông mà nhà « hóa-học » bị một bữa phạt nên thân để mà nhớ rằng từ giờ trở đi không được chơi với lửa !

Thomas Edison thấy người đối với mình một cách khiếm-nhã như thế thì cũng lấy làm buồn bực, nhưng không hề ngã chí xiêu lòng. Thomas biết rằng từ rầy trở đi thì cái toa chở các kiện hàng kia không phải là cái « phòng thí-nghiệm hóa-học » nữa rồi !

Vì vậy nên cái tính tò-mò của Thomas Edison nay lại quay về đường máy-móc. Vì cái tính nhanh-nhẩu, vui-vẻ và hay giúp việc, nên tỉnh nào xe-hỏa đỗ lại là Thomas cũng có bạn thân. Một hôm ở một cái tỉnh kia, Thomas được các bạn trẻ tuổi làm thợ trong một xưởng máy in dẫn vào xem các thứ máy. Thomas ta lấy làm thú vô-cùng, bèn tò-mò cần-vặn tại làm sao cái bánh xe này lại chạy thế này, tại làm sao cái dây da kia nó lại chạy thế kia. Không một cái cơ-quan nào trong máy mà Thomas lại không hỏi « tại làm sao » cả.

Một hôm khác, Thomas Edison được vào trong một tòa điện-báo thì vui mừng khôn xiết, thôi thì tha-hồ hỏi-han cần-vặn những điều mắt thấy tai nghe về điện-học.

THOMAS được nghe nói rằng những máy-móc sản ra biết bao những cái kết-quả lạ-lùng, nên lại để tâm về nghề máy. Cái lòng ham học ham biết lúc này lại tăng tiến bội-phần.

Những nhật-trình và tạp-chí bán ở các ga không đủ cho THOMAS xem. Chuyến xe-hỏa này thường nhiều giờ đỗ ở tỉnh *Détroit*, nên một hôm THOMAS đánh bạo vào nhà thư-viện ở tỉnh đó, mượn sách ngồi xem. Nhiều ngày hôm sau cũng thế. Người giữ thư-viện ấy thấy thằng bé hãy còn trẻ tuổi mà chăm-chỉ xem sách như thế, nên một hôm lại gần, hỏi một cách thân-ái xem THOMAS định nghiên-cứu về gì, thì THOMAS đáp :

— Thưa ông, tôi muốn đọc tất cả các pho sách ở trong thư-viện này.

Người giữ thư-viện nghe vậy ngạc-nhiên mà rằng :

— Tất cả à ?

THOMAS EDISON cứ điềm-nhiên đáp lại :

— Thưa ông tôi muốn học cho mở mang trí-thức. Mà cho được đạt tới mục-đích, thì tôi thiết-tưởng không có cách gì giản-tiện bằng xem các sách, hết quyển nọ đến quyển kia. . . .

Người giữ thư-viện nói :

— Đành vậy, nhưng chọn mà xem thì lợi hơn. Vậy anh thích xem sách nói về gì ? Sử-ký hay là du-ký ?

THOMAS EDISON cả quyết đáp rằng :

— Thưa ông, tôi thích nhất sách nói về cách-trí.

Người giữ thư-viện nghe vậy, sẽ ngọt-ngào mà rằng :

— Ừ, có vậy thì tôi mới biết đường chỉ cho anh biết sách gì là cần cho anh trước.

Nói vậy rồi vội-vàng chỉ cho THOMAS EDISON biết những sách nói về khoa-học.

Khi trở về nhà THOMAS EDISON nói chuyện cho cha mẹ nghe về việc xem sách ở nhà thư-viện tỉnh *Détroit*, thì ông bố lại cho con làm như thế là mất thì giờ vô-ích, nhưng bà mẹ thì mừng cho con biết cách mở-mang trí-thức lấy một mình. Mừng là mừng vậy thôi, chứ không hiểu rằng nghiên-cứu về khoa-học như thế thì kết-quả sẽ ra sao.

Một hôm, THOMAS EDISON muốn làm cho cha mẹ biết rằng sự học của mình đã có hiệu-quả, bèn nhặt những mảnh sắt vụn và những cái hộp sắt cũ trong nhà, rồi đi mua giây thép điện, ký-cục một mình, làm thành một cái máy điện-thoại.

Lúc nào được rảnh việc là THOMAS EDISON về nơi hản-ốc kể cho mẹ nghe những cái sự mưu-tính to-tát của mình, thì bà hiền-mẫu có dáng vui-vẻ lạ thường. THOMAS EDISON vì vậy nên tấm lòng quyết-định càng thêm hăng-hái.

THOMAS EDISON còn trẻ như thế mà cũng đã biết quí thì-giờ hơn là tiền-bạc. Từ nhà THOMAS đến chỗ xe-hỏa đỗ thì phải đi đến hai mươi phút đồng-hồ, bèn tìm ra một cách rất giản-tiện và cũng nguy-hiểm để khỏi mất một phút nào. Số là chuyến xe-hỏa mà THOMAS EDISON đi thì chạy qua nhà, nên khi xe-hỏa chạy qua thì THOMAS thường đứng trên toa nhảy xuống bãi cát đã đắp sẵn bên đường.

Cũng vì cái tính khinh sự hiểm-nghèo như thế, nên một hôm THOMAS làm được một cái thủ-đoạn anh-hùng đáng kính. Số là đương khi ở ngoài sân một cái ga nhỏ kia, THOMAS cùng nhiều người hành-khách chờ xe-hỏa đến. Bỗng chốc, người đứng đấy trông thấy một đứa trẻ đương chơi ở giữa

đường sắt mà chỉ cách cái đầu xe-hỏa đang chạy độ hai mươi thước nữa thôi. Chỉ vài li nữa là đứa bé bị chết chẹt, người người đứng đấy đều run sợ nhìn nhau, thì bỗng một thằng bé nhảy bổ ra đường sắt ôm đứa bé kia chạy vào. Thằng bé can-đảm đó chính là THOMAS EDISON vậy. Cũng vì cái thủ-đoạn mạnh-bạo đó mà THOMAS bị sây-sát ít nhiều, nhưng mà cũng được vẻ-vang là vì bao nhiêu người đứng đấy đều tỏ lòng kính - phục ngợi-khen. Đứa bé mà THOMAS EDISON cứu khỏi hạn đó là con người xếp ga. Người này muốn đền ơn THOMAS, nên nhiều lần hỏi ý muốn gì thì đều từ - chối mà nói rằng đó là nghĩa-vụ phải làm và tránh được nạn thế là mừng.

Một hôm, người xếp-ga đang ngồi trước máy điện-thoại nhận tin-tức thấy THOMAS có ý nhìn xem-xét cẩn-thận, thì cất tiếng hỏi rằng :

— Anh có thích đánh giây-thép thế này không ?

THOMAS ta mắt lóng-lánh có vẻ vui-mừng, đáp ngay rằng :

— Có, tôi thích lắm !

— Vậy anh có muốn để tôi bảo cách anh đánh máy không ?

— Bẩm, muốn lắm !

Thế là một bậc đại-gia sáng-tạo sau này là học-trò đánh giây-thép một người xếp-ga tầm-thường vậy.

. . .

Tuy thế mặc lòng, THOMAS EDISON cũng vẫn mến cái xó toa chở hàng-hóa kia. Sự thí-nghiệm hóa-học thường có thể xảy ra nhiều việc nguy-hiểm cho hành-khách, thì nay không thể thi-hành được nữa rồi. Bởi vậy nên THOMAS thường tự hỏi xem trong phòng thí-nghiệm này thì có thể thi-hành được những việc gì mới lạ, cho khỏi phí cái thì-giờ vàng bạc nó thấm-thoắt như thể thoi đưa. THOMAS bèn đọc sách trong khi rảnh việc, cho rằng đọc sách là sự nghỉ-ngơi, là một cái phần thưởng rất quí. Việc mà THOMAS thích nhất là thực-hành, tìm-tòi và sáng-tạo.

May thay, cái người xếp - tanh không biết người, thường dãi THOMAS một cách khiếm-nhã, thì nay phải đổi rồi. Người mới đến thấy THOMAS lanh - lẹ hay lắm, thì đem lòng yêu-mến. THOMAS nhân được dịp may-mắn này thì định thi-hành một cái cách mới ở một xó trong toa chứa hàng-hóa.

Một buổi trưa, khi xe-hỏa đỗ lại tỉnh *Détroit*, THOMAS vào trong tỉnh mất vài giờ, khi về thì lệ-khệ mang một gói đồ xem ra cảnh-càng nặng lắm, chứ không phải là sách như mọi lần trước. Người xếp-tanh đã ngạc-nhiên tò-mò muốn biết, nhưng khi thấy Thomas mở gói toàn những chữ in đã cũ, thì sự ngạc-nhiên của người kia lại thêm bội phần. Rồi THOMAS lại cầm lấy một cái túi mà người xếp-tanh không trông thấy, lấy ra nhiều cái cơ-quan cũ một cái máy in. Người xếp-tanh trừng mắt ngạc-nhiên hỏi rằng :

— Tất cả những cái ấy là những cái gì vậy ?

THOMAS EDISON điềm-nhiên đáp lại :

— Đó là những đồ để dựng một cái máy in nhỏ.

— Dựng ở đây chứ ?

— Thưa vậy, dựng ở xó toa này, vì ở đây không bận đến ai cả.

— Nhưng cái máy in ấy dựng ở đây để làm gì ?

— Thưa để in một tờ nhật-trình.

— Một tờ nhật-trình ;

THOMAS thấy người kia ngạc-nhiên như thế, mỉm cười một cách vui-vẻ mà giảng-giải rằng :

— Thưa ông phải, tôi in một tờ

nhật-trình có giá-trị, đăng những tin-tức xảy ra ở những tỉnh mà chuyến xe-hỏa này chạy qua. Thật là một tờ nhật-trình đặc-biệt riêng cho những hành-khách trên xe-hỏa. Như vậy thì chắc tờ nhật-trình này sẽ được hành-khách hoan-nghênh lắm.

Người xếp-tanh nghe vậy, nhìn THOMAS một cách ngạc-nhiên kính-phục, rồi cúi đầu xuống chạm vào chân THOMAS để tỏ ra rằng cái óc non-nớt kia lại có giá-trị hơn cái đầu to này vậy. THOMAS ta thấy vậy chẳng hề cảm-động, cứ điềm-nhiên xếp những đồ-vật vào một nơi, vừa làm vừa nghêu - ngao hát. Người xếp-ga thấy THOMAS có ý tự-đắc, bèn cầm lấy cánh tay anh chàng thiếu-niên, mỉm cười mà rằng :

— Cái máy in của anh chắc là tốt lắm và chắc là anh cũng biết in nữa. Nhưng anh lại không biết rằng muốn làm một tờ nhật - trình thì phải có người viết hay sao ?

THOMAS cả quyết mà rằng :

— Tôi sẽ viết.

— Vậy ai xếp chữ ?

— Tôi sẽ xếp chữ.

— Vậy ai sửa chữ in ?

— Tôi.

— Vậy ai in ?

— Tôi.

— Vậy ai gấp nhật-trình ?

— Tôi.

— Vậy ai đem bán ?

— Cũng lại tôi.

Người xếp-tanh nghe vậy, xo vai lên rồi quay đi lầm-bầm rằng :

— Thằng bé điên-cuồng quá !

THOMAS EDISON thấy người xếp-tanh cho mình là điên gần cũng không hề ngã chí, bỏ mất mấy ngày dựng cái máy in rất sơ-sài giản-tiện, nhưng cũng đủ mà in được tờ « Tân-văn nhật-báo » đó.

Hành-khách trên xe-hỏa thấy tờ báo in ngay cạnh mình và khi đem bán mực in hãy còn ướt, thì vui mừng khôn xiết. Trước mừng, sau lấy làm lạ và ngợi-khen, là khi biết rằng tờ báo mới đó ấn-hành ở trong toa chở hàng-hóa, do một tay thiếu-niên vừa soạn bài, vừa in, vừa bán. Mà người thiếu-niên đó là người trong bọn « phu-kíp », tên là THOMAS EDISON. Tờ báo ấy ra ngày hôm trước thì ngày hôm sau THOMAS nổi tiếng. Nhiều tờ báo to và có giá-trị trong nước đều ca-tụng ngợi-khen cái tài sáng-kiến của THOMAS. Người xếp-tanh bấy giờ không chê thằng bé ở toa hàng-hóa là gàn dở nữa rồi, bây giờ mới biết thằng bé ấy là một vị thiên-tài xuất-chúng !

THOMAS EDISON lúc ấy hãy còn ít tuổi, nên không lấy những lời ngợi-khen của nhiều người ca-tụng làm vui mừng bối-rối. Nhưng đó cũng là cái hiệu-quả hay, tiếng-tăm của THOMAS từ đấy trở đi càng ngày càng lừng-lẫy. Khi THOMAS đem thực-hành những điều mộng-tưởng, thì thường không biết những cái trở-lực khó-khăn là gì, nên được ít lâu sáng-lập một tòa nhật-báo ở *Port-Huron*. Lần này thì có nhiều trợ-bút viết, chứ không phải một mình THOMAS như lần trước. Tờ báo này nhan-đề là : « *Người không giữ kín* », nội-dung tuyền châm-chích những cái « rởm » cùng những cái « lố-lăng » của nhân-dân tỉnh *Port-Huron*. Văn viết rất vui và rất linh-lợi. Nhân-dân trong tỉnh chỗ nào cũng nói đến tờ nhật-báo mới ra, nhưng chẳng bao lâu những người đọc báo chia ra hai hạng. Một hạng người không bị châm-chích được đọc biết những cái « rởm » của láng-giềng mình thì vui mừng khôn xiết. Một hạng người thấy mình bị châm-chích, thấy những thói xấu của mình bị phô bày trên tờ báo thì đem cái dã-

tâm căm-tức thù-hằn.

Trong hạng người này thì cũng có một « tay du-côn » có tiếng ở *Port-Huron* bị châm-chích. Những thân-hữu anh chàng thường gọi anh chàng là « Gớm tiên-sinh », nên cái ngày mà tờ báo « *Người không giữ kín* » có một bài nói về « Gớm tiên-sinh » một cách rất buồn cười đau-đớn, thì người người trong tỉnh đều lo sợ cho THOMAS. « Gớm tiên-sinh » vẫn thường lại uống rượu ở cái tửu-quán lớn nhất trong tỉnh. Hôm đó vừa lúc « Gớm tiên-sinh » mới ngồi xuống ghế thì một người thân-hữu tiên-sinh đưa cho tiên-sinh tờ nhật-trình, rồi chỉ cho tiên-sinh biết cái bài nói đến tiên-sinh. « Gớm tiên-sinh » vừa đọc bài đó, thì nghiến răng đập bàn, đến nỗi những chai cùng cốc trên bàn đổ sạch và một con mãn đứng gần đó phải cong đuôi chạy. Sau tiên-sinh cố nén lòng căm mà cầu-nhầu hỏi bạn rằng :

— Ai viết bài này, hở bác ?

— THOMAS EDISON là con người bán đồ cũ viết. Hắn đã sáng-lập một tờ nhật-trình nhỏ ở trên đoàn xe-hỏa chạy « Ca-na-da đến Mĩ-chi-lan ». Xem như vậy thì biết hắn không phải người thường, sau này chắc là sự-nghiệp hắn còn to-tát lắm. . .

« Gớm tiên-sinh » nghe vậy quát lên rằng :

— Nó chính là một thằng nhãi-con chẳng làm trò - trống gì được đâu. Nếu nó còn viết đến tên tôi vào cái tờ « sọt rác » của nó thì tôi sẽ cho nó một bài học để nó nhớ suốt đời.

Nói đoạn lại đập bàn một cái rất mạnh, rồi đứng dậy đi ra, đẩy cái cửa đánh *thình* một cái, làm rung động cả các cửa kính trong nhà hàng.

Việc vừa xảy ra này lọt đến tai THOMAS, vì ở tỉnh nhỏ thì việc gì xảy ra cũng truyền đi mau lắm. Nhà văn-sĩ thiếu-niên chẳng hề sợ hãi, chỉ phì cười một cách khinh-bỉ mà thôi. Cách vài hôm sau trong tờ nhật-báo « *Người không giữ kín* » lại đăng một chuyện rất buồn cười mà « Gớm tiên-sinh » là một tay chủ-động trong chuyện ấy.

Lần này thì chủ-quán nhà khách-sạn sợ thiệt-hại đến các cốc rượu và cửa kính của mình, nên phải cho người cầm tờ nhật-trình đến nhà « Gớm tiên-sinh » trước khi tiên-sinh vào tiệm. Khi « Gớm tiên-sinh » được tin bị châm-chích một lần nữa, thì tía tai đỏ mặt, nghiến răng trợn mắt, làm ra nhiều bộ-dạng rất gớm-ghê dữ-dội, đến nỗi làm đổ cả một cái xe chở rau ở ngoài phố lúc tiên-sinh đi. Sau có người thân-hữu tiên-sinh khuyên giải tiên-sinh, thì xem ra tiên-sinh nguôi cơn giận, mà hỏi bạn rằng :

— Bác có biết thằng THOMAS khốn-nạn ở đâu không, để tôi cho nó một chập ?

— Buổi sáng nào, trước khi bảy giờ cũng thấy hắn đi ở ngoài bờ sông.

« Gớm tiên-sinh » xo vai rụt cổ mà rằng :

— Được lắm ! sáng mai nó sẽ biết ta.

Rồi lại bảo bạn rằng :

— Sáng mai thế nào bác cũng phải ở đấy để chỉ thằng « nhãi » cho tôi.

Anh chàng này cũng đã bị THOMAS châm-chích, nên sáng tinh-sương hôm sau đã cùng « Gớm tiên-tinh » rình ở bờ sông rồi. Trước khi bảy giờ, người bạn « Gớm tiên-sinh » thấy THOMAS đang thơ - thẩn ở bờ sông bèn bảo « Gớm tiên-sinh » rằng :

— Kia nó đang đi kia.

— Thế nào, thằng oắt kia à ?

— Phải, chính nó đấy. Chính nó đứng chủ-bút tờ báo ấy, chính tay nó viết gần hết các bài trong báo.

« Gớm Tiên-sinh » nghe vậy bèn đi

lại mạn THOMAS chực giơ tay đánh thì lại dụt lại, vì hắn nghĩ rằng giá cái tay hộ-pháp của hắn mà để vào mình thằng bé thì thằng bé đến dừ xương. Hắn bèn nắm lấy sau quần nhà thiếu-niên-văn-sĩ, nâng cao lên rồi ném nhà văn-sĩ xuống nước. May thay THOMAS biết bơi nên không hề chi cả. Sau THOMAS biết cái lý-do việc vừa xảy ra, nên tự nói rằng làm nhật-trình có lẽ cũng dại như việc thí-nghiệm chất dương-long-hoàng khi trước. Bước đầu thí-nghiệm hóa-học của THOMAS thì xảy cái nạn hỏa-tai, bước đầu của THOMAS trong nghề viết báo thì xảy ra cái việc xuýt nữa bị chết chìm. Vì vậy nên THOMAS quyết-định tìm một nghề khác để tránh những việc xảy ra bất-tường như thế.

(Còn nữa)

VŨ CÔNG-NGHI *biên-dịch*

TÙNG-ĐÀM

I

ÔNG TÁM-MƯƠI NÓI CHUYỆN MƯỜI-TÁM

(Văn Trung-kỳ)

Xưa bên Tàu đời Tống, ông Vương Đàn có ước-ao một lời rằng: « *Ứng-thi bất trạng-nguyên, thú-thê bất công-chúa, sĩ-hoạn bất tể-tướng, thị hư-sinh đã.* » Nghĩa là con người sinh ra ở đời, đi thi không đậu trạng-nguyên, kén vợ không đặng công-chúa, làm quan không đến tể-tướng, cũng là một sự còn thiếu. Nói thì cân, nhưng mà trạng-nguyên phải có công học-hành, tể-tướng phải có lòng lo-sợ, còn như kén công-chúa thì chẳng qua là một cậu con quan phút-chốc đã trốc dù khu vồng, tòa ngang dãi dọc; không công gì mà cũng không lo gì, thực là sung-sướng hơn cả.

∴

Việc công-chúa hạ-giá xưa thế nào không được rõ. Sách có để lại một câu rằng: *Hạt bất túc ung, vương-cơ chi xa* 曷不肅雍。王姬之車, nghĩa là: khi công-chúa hạ-giá, người ta thấy một xe nghiêm-kính vui-vẻ như một cành bông rực-rỡ vậy.

Triều ta lễ công-chúa hạ-giá có biên vào trong *Hội-điển*, nhưng mà không tường. Tôi có nghe một ông Phò-mã là rể đức Minh-mệnh thuật lại chuyện công-chúa hạ-giá cho tôi nghe, rất là tử-tế, rất là lịch-sự, rất là sung-sướng và cũng là một sự rất nên chép; tôi xin kể ra sau này để các ngài nghe cho vui.

Có một ông Phò nay đã tám-mươi tuổi, ông nói rằng khi ông mới mười-tám tuổi kén một bà công-chúa. Việc ấy tai ông còn nghe, mắt ông còn trông thấy, lòng ông còn nhớ cả, ông xin nói cho vui.

Bà Chúa là con út đức Minh-mệnh, kể hàng con gái, bà là thứ sáu-mươi-ba. Khi đức Minh-mệnh thăng-hà thì ba còn di-phúc, bà là con một bà cung-phi, sinh ra dời Đức Thiệu-trị nguyên-niên, đến dời vua Tự-đức năm thứ mười, bà mới mười-sáu tuổi, ra ở đền Hiếu-tư cùng bà mẹ.

Vua Tự-đức có chỉ cho hạ-giá, sắc một ông Hoàng-tử làm chức Tả-tôn-đài chủ-nhân và một quan Tôn-thất kiêm chức Tả-tôn-nhơn hội-đồng kén Phò-mã. Kén thì lựa con cháu quan nhứt nhị phẩm dĩ-tương, cậu nào mười-sáu tuổi trở lên chưa có vợ mà thiên-tư tú-dĩnh, diện-mạo khôi-ngô, đều phải đòi tới cả. Quan

chủ-hôn phải định ngày cho các cậu tới một lần. Ông Phò-mã đây là con thứ hai một ông quan Tiền - quân dương-triều, cũng dự vào trường kén ấy. Các cậu y ngày quan chủ-hôn đã định tới kén cũng được mươi-lăm cậu. Quan chủ-hôn mời từng cậu hỏi ngày sinh tháng đẻ, nghề-nghiệp cùng cha mẹ, rồi biên vào cái sổ tay. Quan cũng có ý nhắm riêng những người tuấn-tú khôi-ngô ấy phòng năm ba người để tâu qua Hoàng-đế. Hoàng-đế giao cho ngài coi tuổi mấy người ấy. Tuổi nào hạp thì tâu lại Hoàng-đế. Hoàng-đế có chỉ chấm, rồi sắc cho bộ Lễ và Khâm-thiên-giám định ngày hạ-giá và những ngày đi « lục-lễ». Khi ấy ông chủ-hôn mới tin cho ông Phò mới biết.

Các ngài coi kén công - chúa đó, cũng tưởng rằng ông phò giàu thì chẳng nói gì, còn ông phò nghèo thì làm sao cho đủ lục-lễ dặng. Không phải thế đâu.

Lệ định công-chúa hạ-giá có chỉ rồi, thì sắc cho Nội-vụ-phủ sắm-sửa cho ông Phò một bộ tùng-tam-phẩm-quan-bào và cấp cho ông Phò sáu ngàn quan tiền ; hai ngàn thì ban cho ông sắm-sửa tư-trang, hai ngàn lại giao để sắm sửa lục-lễ, còn hai ngàn nữa lại giao cho ông coi lựa để làm chỗ phủ-đệ cho bà chúa ở. Lại cho ông Phò được quyền phép riêng mình một đội lính năm-mươi tên và một ông Đội cho hàm thất-phẩm. Bộ Hộ chi bổng và chi lương cho đội ấy mỗi tháng hai-mươi-lăm tên để hầu-hạ riêng bà Chúa và ông Phò.

Lục-lễ kể ra sau này :

1° — Lễ vấn-danh ;
2° — Lễ thỉnh-kỳ ;
3° — Lễ nạp-thể ;
4° — Lễ nạp-tệ ;
5° — Lễ điện-nhạn ;
6° — Lễ thân-nghinh.

Ông Phò nói rằng trong lễ nạp-thể nạp-tệ thời có lệ vua sắc cho Nội-vụ-phủ lựa mười cây hàng tàu dủ năm sắc đặt vào trong hai cái tráp đỏ thếp vàng và vẽ song-phụng, và lựa hai thoi vàng, mỗi thoi năm lượng, và mười nén bạc đặt vào trong hai cái tráp lọng gương để giao cho ông Phò làm hai lễ ấy, hóa ra của ta lại cưới con ta.

Khi có chỉ rồi, quan chủ-hôn cho tin và mời tới sắm-sửa mọi việc và làm đơn vào Nội-vụ lãnh các đồ vật trước đã định đó. Đơn nào cũng có quan chủ-hôn nhận-thực cả.

1° — *Lễ vấn-danh*

Các ngài xem lễ vấn-danh có phải như lễ thường ngoài dân đâu. Ông Phò trước phải làm một đôi kim-xoa, một đôi kim-hoa-nhĩ theo thức cung-trang. Xoa thời có dính mấy hạt hoàng-chiếu, kim-hoa-nhĩ thời đậu thức bông phi-phụng, một đôi chè rượu và hai mâm cau trầu. Y theo ngày Khâm-thiên-giám đã định, ông Phò và cha mẹ ông Phò đều mặc áo xanh quần điều, đem lễ vào trình quan chủ-hôn, rồi quan chủ-hôn cho người đem vào trong đền bà Chúa. Ông Phò cùng cha mẹ đi theo lễ chực trước cửa đền. Lễ dâng rồi phút chốc nữ-quan ra mời cha mẹ ông Phò và ông vào trước sân, lại truyền ông Phò đứng gần tới trước sáo vẽ, lại mời cha mẹ ông Phò và ông vào tả-trường-lang là chốn tiếp-khách. Vào thời đã có sẵn Nội-thiện sửa rượu trà tử-tế. Tiệc rồi cáo-thối. Lễ ấy là lễ sơ-vấn, cũng là một cái lễ ông Phò cùng cha mẹ ông vào cho bà Chúa coi mặt lúc đầu.

2° — *Lễ thỉnh-kỳ*

Ông Phò phải sắm-sửa hai con trâu, hai con heo ; trâu thì hai sừng đều bao bằng ky đỏ, dây dắt cũng bao đỏ, heo thì tai có đeo hoa, lưng đều bôi quan-chu, đặt vào hai cái cũi đỏ. Cũng hai

chè rượu và hai mâm cau trầu như trước. Ông Phò đội mũ thẻ-ngang, bận áo lam-bào tùng-tam-phẩm.

Rỡ mình rạng vẻ cân-đai,
Cậu hai ngày trước, quan ngài ngày nay.

Lễ ấy trong Tôn-nhơn-phủ có đặt một bàn hương-án ở chính cũng giữa. Bộ-Lễ cho người ra dọn - dẹp và coi nghi-chú. Lễ vào, quan chủ-hôn mặc áo triều-bào lạy năm lạy. Lạy rồi ông Phò vào lạy năm lạy theo sau. Lễ rồi quan chủ - hôn sai người đem lễ vào cung bà Chúa. Trâu heo giao cho nội-thiện. Ông Phò và cha mẹ ông Phò không phải vào nữa.

3o — *Lễ nạp-thể*

Lễ nạp-thể cũng phải sắm hai chè hai mâm như trước, vào Nội-vụ nhận lãnh hai tráp hàng, cũng mặc áo mũ đưa lễ vào Tôn-nhơn-phủ trước bàn án, làm lễ như lễ thỉnh-kỳ, rồi đưa vào đền bà Chúa.

4o — *Lễ nạp-tệ.*

Lễ nạp-tệ cũng hai chè hai mâm, vào Nội-vụ nhận lãnh hai tráp vàng bạc, đưa vào Tôn-nhơn-phủ làm lễ như lễ nạp-thể.

5o - 6o — *Lễ diện-nhạn và lễ thân-nghinh.*

Trước hai lễ này, trong cung sai người đến thăm phủ-đệ mới của bà Chúa, rồi cho người đưa những giường thất-bửu, màn bát-tiên và văn-phòng-tứ-bửu, cùng các thức hoa kiểu tốt lạ về phủ-đệ của bà sửa-sang tử-tế. Hai lễ này mới là đi xem rước dâu.

Lễ diện-nhạn thì ông Phò phải sắm hai con ngỗng trắng, đặt vào trong hai cái lồng đỏ, lại lấy một cái dây điều buộc hai cái lồng lại một. Lễ ấy cũng hai chè hai mâm như trước, nhưng mà không phải đem vào Tôn-nhơn-phủ nữa. Trước ngày ấy ông chủ-hôn đã lựa mời hai ông hoàng đã có vợ, hai ông phò, hai ông quan văn, hai ông quan võ, quan nào bà nấy võng-lọng tử-tế. Bộ Binh phái ba trăm lính mặc áo nhung-y, cầm cờ và châu-trượng nhã-nhạc chực sẵn trước cửa cung bà chúa. Lại bắt long-thuyền và lê-thuyền mười chiếc, chực sẵn trước sông Hương-giang. Đến ngày, ông Phò đội mạo mang đai, đem lễ vào, các quan các bà đi họ cũng chực trước cung cả. Đến giờ đưa lễ vào, nội-quan ra rước. Phút-chốc có nữ-quan ra truyền rằng: « Ông Phò sắm-sửa tử-tế, chực đó cho sẵn, hễ khi nào nghe trong cung hai con ngỗng kêu, nhạc bác-âm thổi, ấy là chúa dời gót sen đó ». Đã có đặt sẵn loan-xa trước sân, nghe ngỗng kêu nhạc thổi thì ông Phò phải vào trước loan-xa, đứng lại một bên. Lệnh-chúa vào loan-xa ngồi rồi, ông Phò phải lấy tay khép cửa loan-xa lại và xá ba xá, rồi ra lên ngựa đi trước xe.

Các ngài chưa coi bà Chúa, hãy coi khi ấy bộ ông Phò ra thế nào.

Ông Phò nói rằng khi nữ-quan ra truyền phút - chốc chi đó, nghe tiếng ngỗng kêu, nhạc thổi. Ông Phò lật-đật sửa áo mũ, vào trong sân, đứng bên kiệu. Tai ông Phò nghe tiếng bát-âm thổi, như tuồng nghe tiếng nhạc quân-thiên tấu ở trên chín tầng trời; mắt ông Phò thấy đoàn thể-nữ hầu hai bên, như tuồng thấy một đội nghê-thường võ-y, rước chị Hằng-nga ở trên cung trăng về đâu đó. Sợ ít, mừng nhiều, không biết cái mình mình ở đâu đây. Sự ấy có thật.

Ông Phò nói rằng khi bà Chúa ra ngồi kiệu rồi, sáo xủ ngoài, màn che trong. Ông Phò y như lời nữ-quan đã dặn trước đó, rồi ra lên ngựa đi trước. Ngựa đã sẵn hai cậu linh cầm hai cái lọng xanh che, và hai cậu hầu tráp điều. Kiệu bà Chúa đi sau. Có theo hầu

thể-nữ tám chị : bốn chị cầm bốn cái quạt lông, bốn chị hầu trầp giầy và hộp hương, lại có hai bà nữ-quan đi theo nữa. Các quan các bà đi họ đưa dâu, dân ông đi trước, dân bà đi sau, võng-lọng xe-ngựa bỉ-bàng cả. Tới sông Hương-giang thì đã có thuyền rồng xe-le chực sẵn. Pháo kêu, nhạc thổi.

Bầy đường một tiếng lúc-ung,
Đầy sông một dãy thuyền rồng rước [tiên.

Các ngài xem đến lúc ấy, đã phải lễ thân-nghịnh dâu. Chưa ; thân-nghịnh là vầy :

Ông Phò nói rằng : Phủ-đệ mới của bà Chúa đóng ở dưới dòng sông Hương-giang cách kinh-thành chừng một cây-lô-mét. Khi thuyền đã đến bến rồi, cụ ông cụ bà chực rước sẵn. Hai bên đường đều che màn cả. Ông Phò lên ngựa, bà chúa lên kiệu đi tới cửa tòa. Tới nơi, ông Phò xuống ngựa đứng bên tả, bà Chúa ra kiệu đứng bên hữu. Rồi ông Phò nhắc tay bà Chúa đi bộ vào. Ông Phò đội mũ thể-ngang, mặc áo lam-bảo, bà Chúa đội mũ thất-phụng, mặc áo cung-trang. Thiên-hạ xem thấy đều nói rằng :

Một đường rực-rỡ nồng hoa,
Một đôi rồng lộn tiên sa đó tề !

Ông Phò nói rằng : Khi ông Phò nhắc tay bà Chúa đi thẳng vào động-phòng, thời có một bà lớn lão ở trong động-phòng dọn-dẹp mọi sự tử-tế. Trong động-phòng có đặt một cái hương-án, thắp hai cây huê-chúc rất to, và một mâm rượu rất tử-tế. Hai ông bà đều làm lễ cúng tơ-hồng, rồi hai ông bà ngồi một bàn có hai cái ghế. Bà lão-quan rót rượu, hai ông bà làm lễ giao-bôi :

Thời-trân thức thức sẵn bày,
Lứa đôi đâu dễ đẹp tày Thôi Trương.

Lễ rồi bà lão-quan ra ngoài, ngồi tiệc cùng các quan, các bà.

Khi hai ông bà vào động-phòng, ngoài phủ-đệ thì đã có quan cụ bà cụ tiếp họ, mọi sự vui-vẻ. Đờn sáo vang lừng, thật là một trường náo-nhiệt. Tiệc rồi, bà Chúa chỉnh cung-trang cùng ông Phò ra mừng họ. Hai ông bà mừng các quan các bà đi họ mỗi người mỗi cây quạt bạn trước, một bộ đầy gấm, một cái khăn điều, một đồng tiền vàng; tính thì mỗi người mỗi quan tiền kẽm. Ấy là việc làm lễ thân-nghịnh rồi. Còn sự ba ngày sau hai ông bà vào lạy Hoàng-đế cùng các cung các đền và đến yết ông chủ-hôn, rồi về nhà chồng lạy tổ-tiên ông-cô cũng là sự thường.

. . .

Tôi nói việc công-chúa hạ-giá rồi đó, như treo một bức vẽ bóng thái-bình, còn có một lời cũng thấu tình, cũng thấu lý, cũng như về một cái phong-tục đời xưa để lại đời sau, tôi xin nói luôn.

Ông Phò nói rằng : Khi sự hạ-giá rồi, thong-thả, vợ chồng chén tạc chén thù, bà Chúa có nhắc lại chuyện cũ rằng : « Lúc đầu các cậu đến Tôn-nhơn-phủ hầu kén đôi ba lần đó, trong cung có ủy sai các bà nữ-quan ra mà nom kỹ-càng lắm. Nữ-quan về thưa lại rằng : — Các cậu tôi đó, có cậu thì ăn-mặc bỉ-bàng, áo lượt quần là, điếu ngà trầp cần. Có cậu thì ăn-bận lài-xài, áo vàng lưng, quần đen ống. Có cậu thì thương-thường, không tu-sức gì mà cũng không đến thất-thể. Xem một gốc đông-sàng như tuồng một bếp dúm ba bộ ông táo, mà mỗi bộ mỗi khác nhau. — Tôi thấy nói mà nực cười cho những người ăn-mặc lịch-sự đó : việc tơ-tóc trăm năm không phải lấy áo-quần biến-bảo mà buộc nhau đặng. Mà tôi cũng giận cho những

người lù-xù đó, ai biểu mình tới đông-sàng mà không có nghĩa Châu Trần, mà lại để một lòng riêng rằng người cung-cấm không xứng vai tần-tảo. Ấy cũng tại câu tuồng Mã-long làm hại cho đó, câu tuồng Mã-long rằng:

Chưn giày chưn dép vào ra,
Kêu dâu cũng lỡ kêu bà khó kêu.

«Còn các cậu thường-thường thời tôi cũng có đưa một con mắt tôi cho nữ-quan, còn một con mắt nữa tôi nhắm lại, phó cho ông Tơ bà Nguyệt. Sự hạ-giá việc gì Hoàng-đế cũng có cho tôi biết cả. Cho hay:

Muôn sự tại trời,
Lòng trời cũng ở lòng người mà ra.»

Lời bà Chúa nói như vậy là có lý-thú lắm.

Bà sinh được hai người con gái, một người con trai, được tám năm bà tân-thiên. Sự ông Phò có bà chúa sướng như vậy. Bây giờ không có bà Chúa, tình-cảnh cực khổ, tôi không có giấy mà tả cho hết.

Lư-giang Tiểu-cao
NGUYỄN VĂN-MẠI (Huế)

II

NGHE NGƯỜI THỢ BẮN THUẬT CHUYỆN

(*Văn Nam-kỳ*)

Con người ta ở đời ai hay nghe lóng thì thường có chẳng thiếu chi chuyện cho mà nghe; nghe nhiều thấy rộng cũng có chỗ hữu-ích cho mình mà cũng có vừa ích cho đời. Mới đây tuyết đông gió bấc lạnh-lẽo lạ đường, ngồi nhà mà hơ sưởi cũng không ấm, cho nên ra vào ngao-ngán, ngồi đứng không yên. Ngó ra đồng nội thấy lò thái-dương đương nhúm-nhen cho muôn vật, ánh chói rạng cả sơn-hà, trưa chừng nào thì hơi ấm đều cho trăm họ chừng nấy. Nhơn lấy cảnh-sắc huyên-hòa, cỏ cây tươi tốt, nên tuông pha ra đường cái cùng người lui tới, danh-lợi bôn-ba. Đi vừa đặng ít thôi đường, may gặp một người quen là một người lúc xuân-niên ở theo cạnh rừng, ròng nghề săn bắn mà độ hồ-khẩu. Năm nay người chừng gần sáu mươi tuổi, không giữ nghề cũ mà cũng không còn ở theo sơn-lâm như trước nữa. Gặp nhau chuyện vãn hàn-huyên; rốt mới hỏi qua sự bỏ nghề cũ, nay sao lại cũng chen theo với khách phiền-ba, dộn-dàng danh-lợi?

Thì ông thợ bắn bèn cùng tôi thuật một chuyện rất nên lý-thú như sau đây:

«Từ lúc thiếu-niên cùng trung-niên thì chuyên một nghề săn-bắn. Một bữa kia, cắp cung tên vào rừng, quen theo đường cũ, men bón dấu hươu nai. Đường nầy với thợ cùng chồn cheo(1) đã quen mặt. Bữa ấy mấy loài ngon thịt biết trước thế nào nên rủ nhau trốn mất không gặp đặng một con, thậm-chí cho đến loài thỏ chóc nó cũng ẩn-thân nơi sơn-cùng sào-huyệt. Đi càng trưa càng mệt mỏi bần-thần, trí khôn phát tức giận cho một ngày lao-công vô-ích. Buồn trí muốn ra về, chơn muốn bước lui mà mắt còn ngó lại, ước cầu may có gặp đặng mồi nào, kẻo mơ ngày vô-dụng.

«Ai dè mắt vừa ngó-ngoái lại, thì thoạt thấy một bầy khỉ năm bảy con chuyền theo một con khỉ độc, đương ở cây cao hú-hí; chừng tôi quày lại dòm, thì thấy độc nhảy-nhót rung cây, mặt mũi vút-vất, miệng đương nhóp-nhép, tuồng hình như kêu tôi day lại coi nó có sợ gì hay không. Còn tôi thì

(1) Tiếng Nam-kỳ chồn là con cáo, cheo là dê con.

nghĩ rằng : Vật ấy có bán-chác cho ai, hay là bắn dem về cho ăn thịt ăn gan gì đặng ! Trời thây loài nó, hơi đâu mà câu-cố những giống vô-ích như vầy. Vừa nghĩ vừa bước ra về. Ai ngờ người về thì khỉ kêu, dường như thách đố gì, coi tài bắn thế nào ? Thợ bắn ta thấy bộ-tịch nhó-nhăn khỉ độc, tức giận bầy gan. Bèn lắp tên vào nhắm ngay khỉ độc mà bắn đặng cho bỗ ghét, kẻo mà nó ỷ ngồi trên đó là cao hơn muôn vật, có thế khinh người. Tưởng bắn con độc một tên rồi về, ai có tưởng đâu tên vừa tới thì thấy có một con khỉ tơ đương-thân đỡ lấy mũi tên của người thợ-bắn, đặng cứu chúa nó cho thoát khỏi dường tên. Ấy đó, vật còn biết nghĩa chúa tôi ! Bắn rồi nghĩ lại ăn-năn thương-tâm cho loài khỉ còn thế thay ! Một mũi tên của mình làm cho bọn này chúa mất tôi hiền, người ngay mắc nạn ; tuy là tử đắc-kỳ sở cho một tôi hết ngay cùng chúa, gương để cho đồng-loại học đòi, cái chết cũng là hay cho một bậc thờ chúa hết ngay, làm con hết thảo. Thợ-bắn bắn rồi vừa ăn-năn vừa nghĩ-nghi, đứng ngó sửng trên nhành cây mà coi bọn khỉ làm ra thế nào. Thấy chúa tôi riều-rích cùng nhau : con khỉ độc một tay dịu lấy con khỉ bệnh, một tay thò nhổ mũi tên ra mà ngửi, mặt buồn xo, hai mắt ngó người thợ bắn, hai hàng nước mắt chảy dầm-dề. — Trong ý hắn sợ tôi còn buông tên nữa, thương phận tớ mà e nỗi mình ; nên cùng nhau diều-dắt nhảy lần lên ngọn cây cao, trước tránh lần tên, sau lo phương cứu-tử tôi hiền. Bấy giờ nghe tiếng khỉ độc kêu hú-hí om-sòm. Giây lâu rồi thấy khỉ đâu chuyền về cả bầy, nào đực cái, nào lớn bé đầy cây, cũng đều hú-hí rền-rĩ, con nào cũng ngó thợ bắn hai mắt lườm-lườm muốn xuống ăn gan ăn thịt chi. Trong ý cũng là oán-hận cho cái người ở đâu vô-can, đến trong cảnh của chúng nó, gây ra cho đến dỗi chúng nó mất đi một mạng đồng-loại đồng-bào. Bộ-tịch trự nào cũng trợn mắt nghiến răng, tiếng kêu bi-thảm.

« Người thợ đứng nán lại mắt dòm bụng nghĩ, đặng coi cho mãn-cuộc của bầy khỉ ra thế nào. Xúm cho đông rồi chạy-chiền lăn-xăn, con nào con nấy lại chỗ vết con khỉ bị tên, lấy tay móc một chút rồi ngửi ; làm như vậy cho đều mặt, thì thấy con khỉ bệnh la. Ban đầu còn tiếng lớn, chừng bầy thăm đủ mặt, tiếng nghe còn khẹt-khẹt ét-ét, nhỏ-nhỏ rên-rên. Coi cho kỹ thì, ôi thôi ! ruột lòi lòng-thòng, tay chơn hết niều cây đặng bèn sa xuống đất một cái thịch ! Con khỉ bệnh sa xuống đất, rồi chừng đó cả bầy chúa tôi cũng chiền theo xuống đất. Rồi nghe khỉ độc la lên một tiếng rất to. Độc kêu, còn khỉ tơ mỗi con đều chạy lăn-xăn vào lùm này cụm nọ. Giây lâu thấy một cáo già chạy lại : hai tay ôm lấy khỉ bệnh dỡ dậy, rồi thồn ruột vô, miệng cũng kêu gầm lên nghe ra buồn thảm ! La vừa dứt, thì thấy nào chồn mướp, chồn đen, chồn hương, chồn cáo, lại cũng có những là mèo-rừng, thỏ-độc, lọ-nồi, đều chạy đến, con nào con nấy dáo-dác ngó cáo già. Cáo già cũng lập-dập. Tức-thì con đi bứt dây, con thì móc rễ cây, con lại hái lá cây bỏ vào miệng nhai ngồm-ngoàm, xúm lại kẻ sức người rịt-ràng cho con khỉ bệnh. Ràng-rịt xong thì mấy ông thầy ngoại-khoa còn ngồi chực một bên bệnh, tuồng như ngừa sắp khỉ không cho vô chỗ nhà thương tạm mà làm rộn-ràng không yên cho bệnh nằm.

« Không đầy một khắc nghe con khỉ bệnh la lên một tiếng rồi lẳng-lặng.

« Chừng đó cáo già ta mới la lên một tiếng ồi tai ; thì cả đoàn khỉ kêu la rền tai, rồi cả bầy nhao-nhao ngó nhau yêm-liềm như lặng. Cả thảy nào khỉ lớn nhỏ với chồn đều ngồi

ra hai hàng. Bấy giờ cáo già mới bò vào ngồi giữa, ngỏng cổ ngay đuôi hai tay như chùi nước mắt, miệng lập-đập, răng nghiến, ngó trợn lườm-lườm vào khỉ; xây qua ngó lại như vậy chừng một khắc, hai chục phút đồng-hồ, rồi bọn ấy mới khiêng con khỉ chết đem đi, còn chồn cũng tan đi mất...»

Người thợ bắn dứt lời. Thì người nghe chuyện than rằng: « Rất đỗi là khỉ còn biết nghĩa chúa tôi, quyên-sanh mà đền nghĩa chúa, ngọn ran tấc đất đền bồi; còn chồn cũng biết thương đoàn-thể mà răn nhau, đặng giữ chước sanh-tồn ở đời lo chung cho loài dã-thú cùng nhau, ấy đó cũng là biết nghĩa biểu-đồng-tình trong xã-hội thay. Hồ thay cho người có tánh khôn sao lại xâu-xé cùng nhau, không biết hễ *thần vong* thì *xỉ hàn*. »

Vậy có thơ vịnh như sau này:

Con tạo sanh chung vật với người,
Người khôn vật dại cũng chung trời.
Cây rừng thú cậy thân yên-ổn,
Đài-các người quen cái chỗ nơi.
Khỉ thấy đường tên liều với chúa,
Cáo nương phận thú giữ cùng đời.
Vật mà biết nghĩa sanh tồn trọng,
Nghĩ lại người sao cũng nực cười!

TÂY-HIÊN (Bến-tre)

DƯ-LUẬN NHÀ QUÊ

MỘT CÁI Ý-KIẾN VỀ SỰ BẦU-CỬ Ở CÁC DÂN-THÔN

Tôi vừa rồi được ngẫu-tiếp một ông nho cũ, tuy tôi chưa được đọc kỹ cái lịch-sử bình-sinh của ông, nhưng cũng theo thói quen của bọn « bán-tân-nhân-vật » mình mà ám-tả một bài phê-bình về cái khuynh-hướng cũ của ông. Tôi ám-tả rằng:

— Người đời nay họ vẫn bảo rằng trước đây các ông chỉ biết thờ cái chủ-nghĩa « độc-thiện-kỷ-thân », cho nên nếu đã chịu thua trên con đường hoạn-bộ, thời chỉ còn cách lui về cố-quận mà bảo-thủ lấy mấy tấc điền-viên làm một cái tiểu-giang-sơn, mà sớm hôm lưu-thủy cao-sơn, ngâm-hoa vịnh-nguyệt, thế là liễu một cuộc đời, còn thời xã-hội còn mất cũng thây, dở hay cũng mặc. Nhưng nay thời nhờ được cái phong-trào cải-lương đã lướt qua các miền thôn-dã, là nơi hoàn-cảnh ẩn-dật của các ông, vậy các ông sẽ được một cái dịp may làm lợi cho nhiều kẻ khác, dù chẳng được bành-bái ra ngoài bang-quốc, nhưng cũng châu-toàn được ở chỗ hương-lân, tôi xin ông đừng có hiểu lầm ra làm việc dân chỉ là một tụi sâu mọt mà từ-chối cái chức-vụ phải đưa dắt dân lên con đường thịnh-vượng nhé

Ông nói: Tôi cũng muốn như lời ông vừa dạy, song mọi người trong hương-ấp tôi rất không yêu tôi mà không cử tôi lên làm một bộ-phận trọng-yếu trong hương-chính-cơ-quan, thời làm thế nào? Tôi nói thế xin ông đừng vội chê rằng ông già này ý hẳn ăn-ở hằng ngày không tốt, nên người làng không mến phục chớ gì! Ừ, cứ lấy ý-kiến nông-nổi mà phán-đoán việc đời, thời ai mà không tưởng người nào ăn-ở hằng ngày mà tốt, thời ắt được nhiều người yêu-mến đến mình; nhưng có lấy triết-lý mà suy mới biết ở đời này người ăn-ở tốt bao nhiêu thời ắt được người đời ghét lại bấy nhiêu. Ông không lấy lời tôi nói làm tin thời tôi xin nhắc lại một câu cách-ngôn bất-hủ của một bậc

thánh-nhân ngày xưa cũng đồng-ý thế. Thày Tử-Cống hỏi đức Khổng-tử rằng : « Người làng đều yêu mình cả thời thế nào? — Ngài nói : Chưa được ! Tử-Cống lại hỏi Thế người làng đều ghét mình cả thời thế nào? — Ngài nói : Cũng chưa được ! Không bằng mình ăn-ở làm sao cho người làng những người nào thiện thời đều yêu mình, mà những kẻ bất-thiện thời đều ghét mình mới được», 子貢問曰。鄉人皆好之何如。子曰未可也。鄉人皆惡之何如。子曰未可也。不如鄉人之善者好之。其不善者惡之。» — Nghĩa là những kẻ vốn có lòng thiện thời mới hợp với những điều làm thiện của ta, mà đem lòng yêu ta, còn những kẻ bất-thiện thời bao nhiêu điều làm thiện của ta, là trái với cái bụng vốn ác của chúng, nên chúng đem lòng ghét ta. Vậy thời hễ làm ác là chúng ngợi-khen, mà làm thiện là chúng hờn ghét. Nếu ông là người đã duyệt-lịch nhiều, ông thử chịu khó để tai mà nghe những lời chúng-nhân khen-ngợi người đời xem có hợp với lời thánh-huấn trên kia hay không. Nghĩa là toàn khen những điều bất - thiện cả : nào khen đám ma nọ to mất những bao nhiêu trâu bò dê lợn, nào khen đám cưới này lớn mất những mấy chục mấy trăm, nào khen tiệc khao kia to, nào khen tiệc lệ nọ lớn; nào khen kẻ này chức trọng quyền cao, khinh người như rơm như rác, coi người như ngựa như trâu, hoặc khen kẻ này khéo nịnh khéo luồn, hoặc khen kẻ kia tài kiếm tài chác, vân vân. Những bài kịch ngợi khen đó đã diễn ra trong khắp dân-gian một cách bi-thảm thế nào, chắc không một ngày nào là ông không thấy, nay tôi xin chỉ kể qua cái mục-lục những đầu bài kịch ngợi-khen đó là thế, chớ không cần phải diễn lại, vì diễn lại phải mất nhiều thì-giờ lắm. Duy có một điều chúng-nhân khen-ngợi mà chưa ai khai-diễn lần nào, là trừ những điều ngợi-khen mạnh bạo như trên vừa kể, trong dân-gian lại còn một cái phong-trào ngợi-khen người đời hiền-lành, cũng lại hỏng nữa, là khen người này hiền như đất, người nọ hiền như bụt, nhất-sinh an-thường thủ-phận, không có tranh-cạnh với ai, không có cả tiếng với ai bao giờ. Song xét ra thời là những người bầm-tính nhút-nhát, ăn không nên bát, nói chẳng nên lời, động thấy người to tiếng cả lời là nhợt-nhạo xanh-xám, nên một đôi khi cũng đã đem ra trường cạnh-tranh thí-nghiệm, thời thấy mình nguy-hiểm mê-ly, mà từ đó không dám bêu thân ra cho hổ-thẹn. Những cái mặt mà người đời đặt cho cái tên hiền-lành như vậy, tôi tưởng trong lòng còn độc-ác bội mấy mươi phần những cái mặt bạo-giạn táo-tợn trên kia, chỉ bởi không đủ trí khôn sức mạnh để phát - biểu cái bụng gian-ác của mình ra, nên cũng nhiều khi « ám-hành » những thủ-đoạn độc-ác mà người đời không đề-cập đấy thôi.

« Ấy là tóm cả cái phong-trào ngợi-khen ở trong dân - gian ngày nay đem bàn cho hai thứ mặt dị - thường như vậy, phi bâu cho cái mặt táo-tợn xấng, tắc bâu cho cái mặt hiền-lành giả, còn khoảng giữa là những bậc người có lương-tâm, có dũng-cảm, thường không biểu đồng-ý với dư-luận chúng-nhân, lại rất phản-đối với hủ - tục, nên công-chúng rất lấy làm ghét mà không cử ra, vì họ biết nếu mà xuất - hiện thời sẽ ra tay triệt-phá những cái thói hủ tục xấu mà họ đương cho là tốt là hay. Tôi nói thế không phải là đối với

dân-gian ngày nay có lòng ác-cảm, chính Khổng-phu-tử ngày xưa cũng đã từng nói : « Trong một cái ấp mười nhà, phỏng được một người trung-tín như là Mỗ đây. . . » ; thời bấy giờ còn là cái thời phong-thuần tục-hậu, sự sinh-hoạt hãy còn phong - thú, nhân-số còn hi-thiểu, thổ-địa thời hoang-dư mà số người bất-trung bất-tín còn nhiều như thế, huống-hồ ngày nay sự sinh-hoạt đã kịch-liệt lên đến trăm phần, thời số người trung-tín tưởng cũng trăm nghìn phần mới được một vài là nhiều. Một vài phần đối lại với hàng trăm nghìn thời dẫu lý cứng bao nhiêu cũng không sao mà thắng được, nên lại phải hoài-bão cái tư-tưởng cổ mà về bảo-thủ lấy chút điền-viên.

«Sự bảo-cử người làm chức việc ngày xưa tuy rằng cũng tệ mà còn có thể đắc-nhân, vì bấy giờ dùng lối « lận-cử », thời số người có quyền được cử còn là bậc trên, phần nhiều còn biết lẽ phải ; chớ từ ngày có lệ « công-cử » thời số người có quyền được cử phần nhiều không có trí khôn, không có nhân-cách, thường kéo bè viện đảng mà suy-cử những người hằng ngày được dư-luận hoan-nghênh, nghĩa là được nhiều kẻ yêu kẻ sợ.

«Tôi nói vậy không phải là mong bảo-tồn lấy cái chính-sách lận-cử ngày xưa đâu, cái cách lận-cử ấy cũng gây ra lắm sự hiểm-nguy là không mấy khi lọt được ra ngoài vòng qui-tộc, mà lắm kẻ cậy deo cái dư-vinh qui-tộc, làm hại cái nhân-cách của mình, trưởng chẳng kém gì những kẻ deo cái hư-hiệu phú-hào mà che dậy cái phẩm-cách tối-đê-mạt vậy.

«Hai lối cử ấy, một lối vụ-quyền, một lối vụ-lợi, đều mất cả sự công-bằng, nay chưa có thể đem ra dùng được ở cái trình-độ dân-trí chưa khai-thông. Các bậc thánh-nhân Đông-phương ta ngày xưa không phải là không biết cái tư-tưởng « dân-quyền » là cho dân « công-cử » lấy người làm việc thay mình, nhưng biết rằng dân-trí chưa khai-thông, nên chưa có thể giao cho cái quyền « công-dân », sợ không biết dùng thời cũng chẳng khác gì đưa cho con trẻ một cái vật-báu, sợ nó không biết giá-trị mà đập vỡ ra. Cho nên Khổng-phu-tử ngài đã nói: *Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi* 民可使由之。不可使知之, nghĩa là dân, chỉ có thể khiến cho noi theo, chứ không thể khiến cho hiểu biết cái sở-dĩ làm sao mà phải noi theo được, vì *manh chi vi dân* 氓之謂民, tức là một bọn mờ-mịt chưa biết phân-biện điều hay điều dở. Ngài lại nói : *Thiên-hạ hữu đạo, thứ-nhân bất nghị* 天下有道。庶人不議。 vì đã mờ-mịt mê-man còn biết nghị-luận gì đến thiên-hạ-sự mà cho tham-dự vào. Không biết hay dở thế nào mà không cho dư bàn thiên-hạ-sự, nếu cho cử người nào đại-diện cho, thời còn biết kén chọn thế nào là người hay kẻ dở, gia-dĩ có kẻ đem tiền ra mua lấy cho nhiều lòng người để thay cho phẩm cách của mình khuyết-điểm, thời cái hại lại là cái mối dây dầu lần khắp một thời-kỳ cầm giữ trách - nhiệm. Vậy muốn thực - hành cái lý-tưởng « chúng-dân bảo-cử » thời phải đợi đến cái ngày giáo-dục đã khai-thông ; còn trước ngày ấy thời hãy nên dùng cách « tuyển-cử » rất hợp với công-lý, là có thể bằng-cứ ở trí khôn đức tốt, không bị cái quyền và cái tiền nó dụ-hoặc mất lẽ công-bình. Nói về biểu-diện thời cũng không khác gì thi kén lấy người hành - chính, nghĩa là không cứ rằng người cao tuổi là được cái thiên-chức trúng-cử hoặc là được làm việc trên ; vì người nhiều tuổi có khi chỉ là một « số cộng nhiều những

thói xấu »; ít tuổi, mà nhất là đặt mình vào giữa cái thế-kỷ mới văn-minh, thời cái kho óc lại rộng mà chứa tinh những tư-tưởng tối-tân linh-mẫn; cũng không so-bì nhiều của hay ít, bởi cái tệ lợi-dụng đồng tiền mà mua bán lẽ công-bình thì tôi đã nhiều lần nói. Duy cách tuyển-cử này cũng là một cách thủ-trúng, nhưng không phải đặt khoa-thi công cả toàn-xứ (như cái nghị thi tổng-lý ngày nào, vì bất-tiện nên nay phải bãi rồi) mà thi riêng từng cái phạm-vi cần phải dùng người, lấy nguyên những người trong cái phạm-vi ấy ra thi, hễ người nào quán-quân thời được trúng-cách, nhưng trước khi cho vào dự-thi cũng phải đủ các giấy-má khai-sinh, tính-hạnh, vân-vân, như lệ ứng-thí ngày nay vậy, thế là được người « tri-đức kiêm-toàn. »

« Dân ta là một dân rất mến sự thi-cử, như ngày xưa làm ông quan mà có chân khoa-mục thời nhân-dân kính-phục biết bao, nếu ông nào không có khoa-mục, thời dù tư-cách rất cao, lương-tâm rất tốt, cũng không được lòng dân tôn-kính phục-tòng, nay mà lợi-dụng cái tâm-lý ấy, đặt ra thi-cử lấy người thời dễ khiến cho nhân-tâm thiếp-phục mà bớt được những nỗi tranh-đoạn, lại cũng bởi thế mà dân cần học nữa... »

Nghe ông nói chuyện mà có cái cảm-giác như được nghe một bài diễn-thuyết về luân-lý chính-trị rất hay của một nhà tân-tư-tưởng nào mới phát-minh ra vậy; thế mới biết *bất phẫn bất phát, bất phỉ bất khải* 不憤不發。不悱不啓。 lời thánh-nhân xưa dạy không sai. Như ông nho này nếu không gặp cái cảnh-ngộ khó-khăn ngăn trở thời sao có khải-phát ra được chút ý-kiến hay, từ nay ta mới bỏ được cái thiên-kiến thường cho các ông nho cũ là gàn là hủ. Tuy vậy mà cũng không nên quá tin quá phục hết thảy cái ý-kiến của ông, vì dẫu nói khéo đến đâu cũng không khỏi có chút thiên-kiến. Nhân đây tôi xin kết-luận về cái quan-niệm của tôi đối với câu chuyện ấy thế nào, để độc-giả các ngài rộng lượng bình-phẩm.

Xét ra cái cách chọn người bằng thi tài-trí vẫn là một cách rất khéo rất hay, thật là kén người bằng « thiên-mệnh » vậy, song chỉ có thể thi-hành cho hương-chức hành-động trong một cái đoàn-thể nhỏ thôi. Đến như cách chọn người đại-biểu cho mỗi cái đoàn-thể to, thời không thể qua được cách « chúng-dân công-cử »; duy « dân-quyền » mà chưa biết dùng quyền cho chính-đáng, thời nếu điều-hòa với « thiên-mệnh » là cách thi tài-trí mới công; vậy trước ngày « công-cử » nên đặt một hội-đồng những người học-thức lấy cái tư-cách trên thừa mệnh trời, dưới thay mặt dân mà khảo-hạch các người xin ứng-cử bằng một đề-mục gì, hễ trả lời thông mà hợp-lý, thời mới được dự hàng ứng-cử, xong làm một bài lược kể cái lịch-sử, sự học-vấn của mỗi người ra ứng-cử mà truyền-bố cho mỗi mấy người thay mặt từng đoàn-thể nhỏ được dự-bầu, để cho biết giá-trị hơn kém mà đáng bầu hay là không đáng. Lại cứ như lời ông nho trên vừa nói thời không nên luận ở nhiều tuổi mà được cái thiên-chức trúng-cách hơn; nhưng đến cái điều ông nói muốn giữ cho việc bầu-cử được công-bằng thời không nên cho hoặc phải cấm hẳn những kẻ có gia-tài to, thời tưởng cũng là rất phải, song ngặt vì cái gia-tài kia còn nhiều nghĩa nữa, như là để bảo-lĩnh cho ngôn-luận hành-vi, phòng có khi cần phải tịch-một; lại theo tư-tưởng mới thời sản-nghiệp to tức là cái bằng-chứng con người

thông-minh cần-mẫn và là cái biểu-hiệu con người đạo-đức-khả-quan, vì có khôn-ngoan tài khéo thời mới làm được nên giàu, và đã giàu thời không thiếu-thốn gì, không cần phải lừa-dối ai. Song tư-tưởng thời tuy mới thật, mà nhân-vật vẫn là nhân-vật bán-khai, cách doanh-nghiệp phát-đạt lên bao nhiêu thời hình như cái lương-tâm lại giảm-tước đi bấy nhiêu vậy.

Vậy tưởng cách dùng người nên phân ra hai hạng, một hạng sung cái trách-nhiệm phải giữ tiền bạc thời mới phải có sản-nghiệp tương-đương để làm đảm-bảo. Còn hạng sung cái chức-trách ngôn-luận, hay là toán-thư, thời tưởng cũng không cần gì phải lấy gia-tài làm bảo-lĩnh cho lắm.

NAM-CỔ

TIỂU - THUYẾT CỔ

LĨNH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史

XX

HỒI THỨ XXI

Tạ Kim-Liên khóc tỏ trung-tình,
Trương Qui-Nhi cảm bày tâm-sự.

Lam Năng nghe Qui-Nhi nói ra hai chữ « *Lục-lâm* » cho là có ý bỉ mình là bọn cướp ở xó rừng, chợt cái nổi giận đùng-đùng, hầm-hầm cầm gươm chực lại dám chết Qui-Nhi. Kim-Liên ở trong rèm nghe thấy cả kinh, vội-vàng sai thị-nữ chạy ra ngăn lại mà rằng :

— Xin đại-vương khoan giận, tiểu-thư tôi sẽ thưa cùng đại-vương hay.

Lam Năng trỏ Qui-Nhi mà mắng rằng:

— Ta giết mày cũng như giết con chó mà thôi chớ gì !

Nói rồi hầm-hầm mà trở vào. Kim-Liên liền đón tiếp mà thưa rằng :

— Xin cha khoan giận, người ấy dẫu sơ-ý lỡ lời, nhưng cũng thương y tuổi trẻ có chút tài-học, giết đi thì cũng khá tiếc.

Lam Năng nói :

— Chỉ bởi có chút tài-học nên mới dám cậy tài khinh người ; không giết đi thời nó không coi ai ra gì nữa.

Kim-Liên nói :

— Xưa kia Tào Tháo còn hay dung-thứ cho Nễ Hành ; cha nay lại không hay dung-thứ cho Hoàng Qui-Nhi được hay sao ?

Lam Năng nói :

— Nó đã không chịu theo ta, thì còn để nó làm gì nữa.

Kim-Liên nói :

— Ý cha dùng người khác với ý con lắm : Cha dùng người thì chỉ ưa người ton-ngót nịnh-nọt, đua ý thuận theo ; chớ như con thì chỉ ưa những người liêm-khiết chính-trực, lỗi-lạc không có cẩu-hợp ; vì rằng những người đua ý thuật theo, thì không có khí-cốt gì cả, chỉ theo gió xoay chèo, có thể cùng ở

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.

với nhau lúc an-lạc thì được, chớ lâm đến lúc hoạn-nạn thì không được. Còn như người lỗi-lạc không cầu-hợp, thì thuần là nhân-nghĩa, chí-khí không dời, ở cùng lúc an-lạc và lúc hoạn-nạn cũng được cả ; nay Hoàng Qui-Nhi chính là người lỗi-lạc đó, con rất ưa những người như thế, giả dùng được hạng người ấy có thể cậy giúp về sau này được.

Lam Năng nói :

— Lời con nói tuy cũng có lẽ, nhưng ta đã trở mặt với nó, lẽ nào ta lại còn nói cầu nó nữa.

Kim-Liên nói :

— Bất-tất cha phải nói cầu chi hắn, chỉ đem hắn đưa vào trong vườn hoa, giả-cách là đem giam-cấm ; rồi con sẽ có phép, không những là bắt y phải thuận theo hôn-sự, mà có thể bắt y phải tử-tâm ở chết đây, để phò-tá cha thành được nghiệp vương-bá mới nghe.

Lam Năng xưa nay vẫn là rất yêu con gái và rất là tin cậy, nay thấy Kim-Liên nói như vậy, bèn gọi một tên lính hầu dặn bảo đem Qui-Nhi giải vào trong vườn hoa, rồi khóa trái cửa lại không cho ra.

Qui-Nhi bị giải vào trong vườn, thấy trong vườn ấy nguyên là dựa vách đá bên sườn núi mà mở ra một cái vườn hoa, dưới vách đá có dựng một cái đình có gác nhỏ xinh-xinh, ngoài gác trồng vô-số cây hoa, bên tả mọc một cái măng thạch-duẩn thiên-nhiên, bóng nhuận như ngọc ; dưới cái măng đá ấy khoi nước suối thành ao, nước trong veo như gương soi ; tự cái thạch-duẩn ấy lại vòng quanh một con đường nhỏ, đôi bên trồng trúc-đào, theo con đường nhỏ ấy đi lên và bước thời có một cái cửa ngăn ở bên góc, cánh cửa đóng chặt, nghé vào khe cánh cửa mà trông sang, thời hình như có một khu đình-viên nữa, bóng cây thấp-thoáng, trông không hiểu rõ. Qui-Nhi xem rồi, lại vòng đến dưới gác ngồi khoanh gối mà ngẫm nghĩ rằng : Mình vừa rồi nói câu ấy nào có xung-chàng gì đến nó đâu, thế mà Lam Năng nó nổi xung lên muốn đâm chết mình ngay, xem thế thì biết gan ruột quân giặc không biết đâu mà lường được. Song không biết ai sai người ra cứu mình lúc bấy giờ, tất là con gái nó hẳn. Qui-Nhi nghĩ rồi lại thở dài mà rằng : « Tiểu-thư, nàng vẫn tưởng ta là con trai, hay đâu ta cũng như nàng đó thôi, rõ thực là uổng-phí cái tấm lòng nhiệt-thành ái-tài của nàng ! » Đương lúc tư-tưởng vụt cái nghĩ đến bố mẹ chồng bây giờ thế nào, liền rỏ hai hàng nước mắt mà rằng : « Ta tưởng rằng đem lời nói có thể chuyển-động được quân giặc này, rồi sẽ thiết-kế gỡ cho cha mẹ chồng xuống núi, ngờ đâu lại sinh-sự ra lôi-thôi thế này. Nay thằng Lam-tặc này đã trở mặt, ta không biết liệu-kế gì bây giờ đây ? » Nghĩ đến chỗ ấy vỗ ngực mà than rằng : « Trời ơi ! Qui-Nhi này dám đâu tiếc cái chết, mà để bố mẹ chồng đến nỗi chịu khổ như thế này ! » Vừa khóc vừa nghĩ, vừa nghĩ lại vừa khóc, khóc đến suốt một ngày, vừa đến lúc vàng mặt trời, mới dứng trở dậy chạy lại đàng sau gác xem, thời thấy có một cái buồng nho-nhỏ, cửa sổ mập-mờ, bên tả đặt một cái giường chênh-chện, sẽ mở cái màn the ra xem, thì thấy chăn gấm đệm thêu bày sẵn sàng cả ; có một cái án đặt giữa, để một cái lô-hương cổ, hương khói nghi-ngút, trong bụng Qui-Nhi lấy làm nghi ngờ, không dám bước vào ngủ, lại chạy ra đàng trước gác, sẽ kéo cái ghế ý Trương túy-ông ra ngồi trông ngay ra cái măng thạch-duẩn, ngồi đến gần trống canh hai, chợt nghe bên cách tường hình như có tiếng người đi lại, vụt chốc lại nghe tiếng-sáo véo-von, thảm-thương thê-thiết, trời không vắng-vẻ đìu-hiu. Một lát lại nghe có tiếng người hòa tiếng

sáo mà bi-ca, ai-thanh thê-thiết, hình như tiên bay sa xuống, sẽ nhận ra thời thấy hát rằng :

Viện hoa lê gió xuân lặng-lẽ,
Chốn trung-đình trăng xế lờ-mờ.
Đứng ngồi giọt lệ tuôn mưa,
Nỗi riêng khôn nhắp bao giờ cho khuây !
Đầu non ngắt tuôn mây mờ-mịt,
Chốn quê-hương còn biết đâu tìm.
Đau lòng cái quốc kêu đêm,
Máu sa giọt lệ hóa làm ma chơi.

Qui-Nhi nghe thấy tiếng ca thê-thảm bỗng dừng thở dài, nước mắt như tuôn. Khi rứt tiếng ca, dư-âm hãy còn văng-vẳng, tiếng người lặng ngắt như tờ. Qui-Nhi kinh-nghi mà rằng :

— Ở hay, người hay là ma chi đây!

Qui-Nhi trong bụng bấy giờ nghi-ngờ, sợ sởn tóc gáy. Đành phải nhẫn-nại ngồi đợi cho đến sáng rõ. Trong bụng thấy đói, trông thấy bên bờ ao có vô-số cây đào có quả vừa toan giơ tay để hái, thời chợt nghe thấy bên góc cửa có tiếng người dặng-hắng, Qui-Nhi liền rụt tay lại, tựa gốc đào mà đứng, liếc mắt trông ra thời thấy một người mĩ-nhân tay cầm một cành hoa đủng-đỉnh bước đến, trông thấy Qui-Nhi, vội-vàng giơ quạt che mặt, rồi xoay nghiêng mình đứng chân đứng lại, sẽ cất tiếng mà hỏi rằng :

— Chẳng hay chàng là Lưu-lang hay Nguyễn-lang đấy nhỉ, chốn này có phải là non Thiên-thai đâu mà chàng lại lạc lối đến đây ?

Qui-Nhi vội vàng thi-lễ mà rằng :

— Tiểu-sinh vì lỡ lời làm xúc - nộ Lam đại-vương, nên đại-vương sai đem tống-giam vào chốn này. Không ngờ rằng mĩ-nhân lại tới đến chốn này, tiểu-sinh không biết hổi-tị, xin người thứ-tội cho.

Mĩ-nhân nói :

— Thế thời chàng là Hoàng qui-lang đấy ư ?

Nói rồi liền giơ cành hoa cầm ở tay lên bảo Qui-Nhi rằng :

— Tôi nghe chàng mới rồi ngồi trên tiệc vịnh thơ, lời thơ như dức. Nay cái cành hoa này xinh thay, ai cũng phải nên yêu tiếc, may gặp chàng đây xin vịnh cho một bài.

Qui-Nhi nói :

— Tiểu-sinh mới rồi thừa-mệnh Lam đại-vương, nên phải miễn-cưỡng làm cho tắc-trách, chớ có thành ra thơ đâu. Nay ở trước mặt mĩ-nhân, tiểu-sinh đâu dám múa bút.

Mĩ-nhân nói :

— Những thơ chàng vịnh, Lam tiểu-thư đã khen-ngợi là hay, sao nay chàng lại nói khiêm quá làm vậy.

Qui-Nhi thấy nàng cầu-khẩn nói xin vịnh thơ cho được, bất-đắc-dĩ phải ngâm một bài rằng :

Cành hoa mơn-mởn khóa vườn xuân,
Ủ-dội mày ngài tủi tấm thân !
Mấy kẻ biết lòng ân-hận ấy,
Còn đem bỡn cợt với câu vần.

Mĩ-nhân nghe thơ mỉm cười mà rằng :

— Tôi nghe Lam đại-vương vẫn yêu cái tài-học của chàng. Dẫu bấy giờ bị giam-cấm, chẳng qua là một lúc đó thôi, rồi thế nào cũng được trọng-dụng, việc chi mà phải oán-hận làm vậy. Tôi nghĩ rằng cách làm thơ tuy có giọng bi-ai, nhưng không nên thương quá. Nay chàng xúc - cảnh sinh-tình, lời thơ dẫu là hay thật, nhưng vẫn quá về tình ai-oán. Tôi xin đọc trình một bài thơ giọng hòa-nhã, để giải bụng lo-phiền cho chàng, nên chăng ?

Qui - Nhi vội vàng vái mà thưa rằng :

— Lời kim ngọc của mĩ-nhân đã

dạy cho, tiểu-sinh này xin ghi lòng tạc dạ. Dám xin mĩ-nhân chớ tiếc lời vàng, đọc thơ lên cho nghe nào.

Mĩ-nhân sẽ dặng tiếng oanh vàng đọc lên rằng :

Anh lan em huệ mối tình liên,
Dắt-díu đôi ta sẵn túc-duyên.
Kết dải đồng-tâm ai vi được ?
Kìa hoa tịnh-đế có hoa sen.

Qui-Nhi nghe rồi ngậm-ngùi mà rằng :

— Bài thơ đó tỉ-hứng tuyệt khéo, từ-ý hàm-súc sâu xa, không phải mĩ-nhân thì không ai làm ra được ; tiểu-sinh này còn kém xa lắm.

Mĩ-nhân nói :

— Hoa này nguyên tên là hoa hồ-điệp, nở ra rất là đáng yêu, xin chàng lại vịnh cho một bài.

Qui-Nhi ngắm xem cái hoa ấy thì lá nó giống như lá cỏ huyên mà hơi dẹt ; sắc hoa thì vàng, ở giữa có một điểm đại-hồng nứt ra một cái nhị, nhị sắc vàng, có ba cái tua vòng quanh, rất giống như con bươm-bướm. Qui-Nhi nói :

— Tiểu-sinh vừa nghe giọng thơ mĩ-nhân như dương-xuân bạch-tuyết, khiến cho tiểu-sinh khó cả giọng đi, thì vịnh thơ thế nào được bây giờ.

Mĩ-nhân nói :

— Danh-hoa này không mấy khi có, bỏ thác-quá đi thì khá tiếc lắm. Xin chàng đừng có trối-từ.

Qui-Nhi bất-đắc-dĩ phải ngâm bài tứ-tuyệt rằng :

Suốt ngày mây tỏa ngất sơn-lâu.
Hồ-điệp hoa sao ủ-dột sầu ?
Ngán nỗi thợ trời như có ý,
Xui hoa nở nhị thoát ra đầu.

Mĩ-nhân nghe rồi che miệng sẽ mỉn cười. Qui-Nhi có ý thẹn mà rằng :

— Tiểu-sinh vẫn nói là không biết làm thơ, vì mĩ-nhân bắt ép mà phải làm, chẳng hay mĩ-nhân cười gì vậy ?

Mĩ-nhân nói :

— Tôi có cười gì thơ của chàng đâu, chỉ cười chàng sao ăn lời chóng mấy ?

Qui-Nhi cả kinh mà rằng :

— Tôi có sai lời gì đâu ?

Mĩ-nhân nói :

— Vừa rồi tôi khuyên chàng đừng làm những giọng ai-oán quá, chàng đã hứa rằng xin nhớ lấy lời. Nay bài thơ này lại bi-thương bằng mấy bài thơ trước, chẳng phải là ăn lời chóng lắm đấy ư ?

Qui-Nhi cảm tạ mà rằng :

— Đó là vì trong lòng tôi bi-thương không dứt đi được ; cho nên xúc-cảnh sinh-tình, đọc ra toàn là lời bi-thương, từ nay xin cố chừa đi mới được.

Mĩ-nhân lại nói :

— Bài thơ chàng vừa ngâm đó chỉ tả có một chữ hoa, mà bỏ mất ý hồ-điệp ; dầu cố-ý nghĩ cũng không rõ là hoa hồ-điệp, sao không đem hoa với hồ-điệp mà cùng tả làm một, đối-chiếu như thế có hay không, ai nghe là không kinh-phục, thế mới thực là tài thơ xuất-chúng.

Qui-Nhi nghe lời lấy làm khâm-phục mà rằng :

— Lời mĩ-nhân dạy thực là không sai, xin cho nghe thơ và chỉ-giáo cho.

Mĩ-Nhân bèn ngâm rằng :

Hoa bướm lần-khần bướm luyến hoa,
Ai hay hoa bướm đó chăng là.
Khéo kết bướm hoa nên một vẻ,
Song-song bay quá ngọn tường xa.

Mĩ-Nhân ngâm xong, Qui-Nhi vừa toan khen ngợi, chợt nghe cách tường có tiếng gọi tiểu-thư cần-cấp. Mĩ-nhân vội vàng chạy đi. Qui-Nhi nghe tiếng gọi lấy làm kinh-dị, nghĩ-thầm rằng : « Chẳng hay người con gái ấy là ai ? Mà sao lại gọi là tiểu-thư ? » Đương

lúc nghỉ ngờ, chợt trông thấy một con tiểu-tì tay xách cái rổ đan hoa, rẽ hoa lách liễu mà đi đến, trông thấy Quí-Nhi lấy tay vẫy gọi mà rằng :

— Xin mời cậu học-sinh vào đây, cô tiểu-thư tôi sai tôi đưa quả cơm vào đây.

Tiểu-tì gọi rồi liền bước vào trong gác, để quả thực-vật bày lên trên án. Quí-Nhi bước đến xem thời thấy một bát cơm gạo tám-thơm, một dĩa sào nấm-hương, một bình thủy-tuyh nho-nhỏ đựng rượu La-phù, mùi thơm ngát mũi. Quí-Nhi nói :

— Ta nghe : Trai gái chưa nhận lễ hỏi, thời không có thân-giao với nhau, tiểu-sinh sao dám nhận lấy thực-vật của qui-thư cho.

Tiểu-tì cười mà rằng :

— Xướng họa thơ với nhau còn được nữa là nhận lấy thức cho của nhau.

Quí-Nhi cũng cười mà rằng :

— Thế thời qui-tính đại-danh của tiểu-thư là gì, nói cho ta biết, thời ta mới nhận những thực-vật này.

Tiểu-tì nói :

— Mời cậu xơi cơm rồi tôi xin nói.

Quí-Nhi khi bấy giờ trong bụng đã đói lắm, phải ngồi xuống cầm lấy cơm canh ăn, ăn xong rồi, tiểu-tì chạy vào thu nhặt dĩa bát toan lui trở ra đem về. Quí-Nhi giữ lại hỏi rằng :

— Nàng vừa nói : ta ăn cơm rồi thì nàng nói rõ tên họ tiểu-thư cho nghe, sao lại vội như thế ?

Tiểu-tì cười mà rằng :

— Để tôi đi lấy nước chè lại đã.

Quí-nhi phải để cho đi. Một lát, cầm bình chè Nghi-hưng lại đến trước gác, rồi đặt bình chè ở ngoài cửa, gọi lên rằng :

— Thưa cậu, nước chè ở đây.

Tiểu-tì nói rút lời, bỏ chạy như bay. Đến chiều tối, tiểu-tì lại đưa cơm lại. Quí-Nhi cố nằn-nì cầu y nói rõ tên họ tiểu-thư. Tiểu-tì nói :

— Sau này cậu tự khắc biết, chớ không nên nóng nẩy làm vậy.

Nói rồi, liền nói thác là có việc vội đi ngay. Quí-Nhi lại phải nhận lấy cơm ăn. Rồi ngẫm-nghĩ rằng : Người con gái này xem ra rất là có tình ý với ta, ta nghe nàng ấy nói Lam tiểu-thư có đưa thơ cho nàng ấy xem, tất là nàng ấy có đi lại chơi với Lam tiểu-thư. Gì bằng ta đợi nàng ấy đến, ta nói với nàng ấy nói giúp với Lam tiểu-thư tha ta xuống núi, thì cũng là một dịp hay. Quí-Nhi ngồi ngẫm-nghĩ như thế một hồi, thấy người đã mỏi mệt, bèn nằm tựa cái ghế ỷ, nghe đã điểm hồi trống canh hai, mặt trăng nửa vành chênh-chênh gác núi, soi xuống bóng hoa phấp-phới cành xuân la-đà. Quí-Nhi mơ-màng muốn ngủ, chợt nghe đàng cửa gác đánh kẹt một cái, đứng dậy xem thì thấy mĩ-nhân tay cầm một cái lồng đèn, một mình rẽ hoa mà đi lại. Quí-Nhi bèn đứng dậy mà hỏi rằng :

— Chẳng hay tiểu-thư dương đêm đến đây, có việc gì vậy ?

Mĩ-nhân liền đặt cái lồng đèn xuống, sẽ cất tiếng chào vạn-phúc mà rằng :

— Tôi vì đêm khuya không ngủ được, sầu-tự chứa chan, nên muốn cùng chàng tả chút u-tình đó thôi.

Quí-Nhi nói :

— Nếu Lam đại-vương biết thì oan-gia, có việc gì để ngày mai ta sẽ nói chuyện cũng được.

Mĩ-nhân nói :

— Chỗ này vắng vẻ, nhân-nhân không ai dám đến đây, xin chàng đừng có ngại.

Quí-Nhi nói :

— Dám hỏi tiểu-thư qui-tính cao-

danh là gì ? cùng với Lam tiểu-thư có tình qua-cát gì không ?

Mĩ-nhân nói :

— Tôi đây chính là Kim-Liên tiểu-thư con Lam đại-vương đây.

Qui-Nhi thất-kinh, lạy phục xuống đất mà rằng :

— Tiểu-sinh sơ-ý không biết, lầm khi đường-độc tội-cam vạn-tử.

Kim-Liên vội đỡ dậy mà rằng :

— Xin chàng chớ kinh-hoảng, tôi có việc muốn hỏi thực chàng, chàng chớ có nói giấu.

Kim-Liên nói rồi cầm tay Qui-Nhi dưa vào trong gác cùng ngồi. Kim-Liên nói :

— Chàng đã không muốn theo giặc, sao không nghĩ kế trốn đi cho thoát.

Qui-Nhi nghe nói vẫn tưởng là Lam Năng cho nàng ấy dẫn thám - thính, thất-kinh mà rằng :

— Tiểu-thư sao lại nói câu ấy, tiểu sinh nhờ ơn đại-vương tha ra ở trong đám tù-lỗ, mà đề lên trên vị tân-liêu, đại-vương thực là người tri-kỷ với tiểu sinh, nếu đại-vương dụng tiểu-sinh ra, dẫu bảo xông-pha nước lửa thế nào cũng không dám từ, sao tiểu-thư lại bảo là tôi bất-nguyện.

Kim-Liên cười mà rằng :

— Chàng bảo rằng chàng muốn báo đáp đại-vương dẫu chết cũng không từ, sao Lam Năng đem con gái gả cho chàng mà chàng không thuận ?

Qui-Nhi nói :

— Tiểu-sinh vì mắc phải ám-tật, sợ làm lầm lỡ tiểu-thư, nên mới phải trối-từ như vậy.

Kim-Liên nói :

— Thôi cái điều ấy không kể chi, nhưng khi Lam Năng toan giết chàng, tôi đây cứu cho chàng, nên mới đem chàng giam-lỏng ở chốn này, thủy-chung vẫn là yêu-tiếc chàng lắm. Sao chàng sầu-oán đến ghi xương khắc cốt như vậy, kẻ quốc-sĩ báo-đáp người tri-kỷ lại như thế ư ?

Qui-Nhi nói :

— Tiểu-sinh này sao dám oán-hận đại-vương.

Kim-Liên nói :

— Chàng có câu rằng : « *Mấy kẻ biết lòng ân-hận ấy* » như thế thì oán-hận ai ? Lại câu rằng : *xui hoa nở nhi thoát ra đâu* » Thế chẳng phải là muốn trốn thoát ra khỏi chốn này đấy ư ?

Qui-Nhi thấy hỏi vặn như thế, thất-kinh run cả chân tay, ngẩn ra một hồi rồi nói rằng :

— Đó chẳng qua là thơ vịnh-vật ngẫu-hứng, chớ có ý gì đâu. Xưa kia Tống thái-hậu có nói rằng : « Vạch thơ ra mà bẻ lỗi, thì là cái tội nhỏ đó mà thôi. » Sao tiểu-thư lại còn khắc-trách đến như thế nữa.

Kim-Liên nói :

— Câu thơ ông Tô vịnh cây cối rằng: « *Rễ thấu cửu-tuyền không ngoắt-ngoéo, có chăng rồng đất biết mà thôi* » Lại câu : « *Tiền lọt qua tay chớp mắt không* » Những câu thơ ấy không phải là chê-bai phỉ-báng là gì ? Bà Thái-hậu chỉ ghét đứa bới móc ra đó không phải là chính-nhân, nên mới nói giải cho ông Tô Đông-Pha, chớ như thơ ông Tô Cơ-phủng thật là trúng thời-bệnh lắm, chàng sao được nói man người thức-giả.

Qui-Nhi nghe lời bẻ vặn như thế cả khóc mà rằng :

— Thế thời tiểu - thư muốn lấy những câu thơ ấy mà buộc tội cho tiểu-sinh này chăng ?

Kim-Liên nói :

— Không phải, Tôi vì có việc muốn

cần đến chàng, nhưng chàng còn có bụng ngờ, nên tôi mới hỏi vặn đấy thôi.

Quí-Nhi nói :

— Một thân tiểu-sinh này còn chẳng cứu-hộ xong, còn có tài-năng gì đủ để giúp đỡ tiểu-thư được.

Kim-Liên nói :

— Tôi có một việc thâm-cừu, không có chàng thì không ai báo-thù cho được. Nên tôi mới không nệ gì xấu-hổ, đương đêm mà đến đây, mong chàng thổ-lộ chân-tình, thời mới thương-lượng công-việc với nhau được.

Quí-Nhi cả kinh mà rằng :

— Tiểu-thư là ái-nữ của Lam đại-vương, chẳng hay có thâm-cừu với ai, mà cần đến tiểu-sinh đi báo-thù.

Kim-Liên Nói :

— Tôi vốn là họ Tạ, Lam Năng chính là người thù với tôi.

Kim-Liên nói rồi cả khóc lạy phục xuống đất mà rằng :

— Tôi hồ phận liễu-bồ, tự biết rằng không đáng sánh đôi với người quân-tử Nhưng thương thay cả nhà tôi bị-hại, chỉ còn có một mình tôi, cái thù này không thể cùng đội-trời chung được, phải báo lại mới nghe. Song tôi thẹn là phận con gái, một mình khó nổi báo-thù được, xin chàng tạm thuận lời cho, để giúp tôi giết giặc ; sau khi thành-sự rồi, nếu chàng có nghĩ thương đến tôi, mà nhận tôi làm thiếp, tôi xin hết sức khuyền-mã để báo ơn chàng. Nếu chàng không thương đến tôi, tôi xin cam nâu - sòng đi ở chùa, để khẩn-nguyện cho chàng thiên-tuế.

Kim-Liên nói rồi khóc rất thương-thảm, Quí-Nhi đỡ dậy mà rằng :

— Dám xin hỏi tiểu-thư là người dân xứ nào ? Nếu mà có thâm-cừu, tiểu-sinh chỉ có một thân một mình, thời sao hay giúp tiểu-thư giết giặc được ?

Kim-Liên nói :

— Thiếp là người đất Tô-hợp, ông là Tạ Thượng, cha là Tạ Sơn, một nhà 26 người, mười năm trước phải Lam Năng bắt giết sạch cả. Chỉ còn mẹ tôi là họ Đặng có chút nhan-sắc, nên giặc bắt về trại núi hiếp lấy làm vợ. Khi ấy thiếp mới lên sáu tuổi, giặc nó yêu mẹ tôi nó đem cả tôi về nuôi. Mẹ tôi nghĩ rằng còn có tôi họa may còn có chốn trả thù rửa hận được chăng. Nên mới hàm tu nhẫn-nhục nấn-ná để nuôi thân tôi. Năm trước mẹ tôi thấy tôi tuổi đã lớn, và có học biết sách-vở ít nhiều, bèn trốn lại bảo tôi báo-thù giết giặc, mẹ tôi thì đành nhịn ăn mà chết. Than ôi ! Cha mẹ tôi cảm hờn đến như thế, xin chàng vì nghĩa mà giúp tôi một tay để giết quân tàn-tạc này, không những người sống cảm ơn chàng người chết cũng đội ơn chàng lắm lắm !

Quí-Nhi nghe nói, cúi đầu nghĩ một lát, rồi hỏi rằng :

— Chẳng hay cái mưu giết giặc, tiểu-thư đã có diệu-kế gì chưa, xin bảo cho biết ?

Kim-Liên nói :

— Quân giặc này chiếm-cứ núi này hơn bảy trăm dặm, núi non trùng-điệp, sào-huyệt sâu-xa, đường đi ngoắt-ngoéo như rắn lội, rậm-rạp không biết đâu mà phân-biệt được. Vì thế khi quan-quân kéo đến, thường-thường bị thua. Kế bây giờ chỉ nên trong ngoài kết-giao với hắn, phùng-nghênh để dẹp lòng hắn, nói khéo để giữ bền cho nó yêu mình, âm-mưu để giữ lấy quyền-bính ; khi đã được binh-quyền rồi, thì thu lấy những đứa cường-ngạnh cho ở vào chốn binh-thường, chọn lấy những đứa nhát-sợ cho giữ vào các nơi hiểm-yếu, làm cho tâm-phúc nó lìa nhau, cắt cho vũ-dực nó mất đi. Đợi khi nào quan-quân kéo đến, ngầm cùng thông-mưu, trước giết Lam-tặc, rồi sau tiễu-trừ các trại. Cho rằng giặc dẫu tinh-

quái, dẹp yên đi cũng dễ như chơi. Nhưng tính Lam Năng nó đa-nghi, không phải giả kết làm chi-thân, thì không thể giao-kết được, xin chàng lo toan giúp cho.

Kim-Liên nói rồi, lại khóc, toan muốn thụp xuống lạy. Qui-Nhi vội vàng dỡ lại mà rằng :

— Nay hiền-muội đã thổ-lộ hết cả chân-tình, tôi đâu lại dám giấu-giếm nữa. Tôi thực là con gái họ Trương người thôn Mai-hoa đây.

Kim-Liên nghe nói, liền lau nước mắt, nhìn kỹ xem thời thấy Qui-Nhi mắt nhánh thu-ba, mày cong lá liễu, cực-kỳ giống con gái. Qui-Nhi lại cởi giầy và bít-tất ra, thời lộ ra gót chân ngó sen bé nhỏ. Kim-Liên trông thấy kinh-ngạc mà rằng :

— Chị sao lại giả-trang ra thế này ?

Qui-Nhi liền đem các việc trước thuật lại một lượt cho Kim-Liên nghe. Kim-Liên cả kinh, mà rằng :

— Những lời chị nói cũng giống như tình-cảnh tôi, tuy rằng thế, nhưng chị có kế gì dạy bảo cho tôi chăng ?

Kim-Liên nói rồi, liền xùi-xụt mà khóc. Qui-Nhi nói :

— Nếu hiền-muội có bụng yêu, thời đôi ta cùng kết làm chị em, để cùng mưu giết giặc. Đợi khi giặc yên rồi, chị em ta cùng về trại Gia-quế, cùng với Lý công-chúa để cùng phụng-sự Hoàng-lang, thời em nghĩ thế nào ?

Kim-Liên lau nước mắt mà rằng :

— Như thế thì hay lắm.

Nói rồi cùng dắt tay nhau đến trước gác, đối trăng sao cùng lạy, đồng-thanh mà thề khấn rằng :

— Nay chúng tôi là Trương Qui-Nhi và Tạ Kim-Liên xin cùng kết làm chị em cùng phụng-sự Hoàng-lang, để đồng-tâm mưu giết giặc, xin cầu-nguyện trăng sao chứng-minh cho ; nếu có dị-tâm thời quỉ-thần chu-lục.

Thề xong, hai người lại cùng vào trong gác đối-tọa. Kim-Liên đến chỗ mé trong đem thức ăn và rượu ra cùng đối ẩm, cùng ngồi thương-nghị kế báo-thù. Bàn tính với nhau hợp-ý mãi đến trống canh năm mới đi ngủ. Kim-Liên cùng với Qui-Nhi đều ngủ cả trong gác. Khi ấy hai nàng trong bụng khoan-khoái cùng ngủ mãi đến sáng, mặt trời lên cao ba trượng chưa thức dậy. Sực đâu con tiểu-tì chạy vào trong gác lấy tay lắc gọi Kim-Liên tỉnh dậy mà rằng :

— Tiểu-thư mau mau trở dậy, ra đại-vương đòi gọi, chẳng hay việc gì, mà sai người vào gọi cần lắm !

Hai người đương lúc mơ-màng nghe thấy gọi cần như vậy, cùng trông nhau kinh-ngạc không biết là cớ gì.

Thưa là :

Thiếp như con yến lạc đàn,
Phải cung rầy đã sợ làn cây cong.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

Tiểu-thuyết « Cổ-liên nữ-sĩ »

Bộ triết-học-tiểu-thuyết « Cổ-liên nữ-sĩ » của ông VŨ CÔNG-NGHI *chọn dịch mấy tháng nay cũng có nghĩa-lý hay, nhưng chuyện dài quá, nếu đăng cho hết thời phải đến vài ba năm. Trong các bạn đọc báo có nhiều ngài viết thơ cho bản-báo khuyên nên nói với ông* VŨ CÔNG-NGHI *dịch bộ ấy để in ra sách riêng hơn là đăng-báo, vì hiện trong báo đã có một bộ tiểu-thuyết dài là bộ « Lĩnh-Nam dật-sử » nên đăng nốt cho trọn bộ, còn thời nên dịch những đoản-thiên-tiểu-thuyết, dài lắm là đến vài ba kỳ mà thôi, chứ những trường-thiên-tiểu-thuyết như bộ Cổ-liên này thì dài quá phải xem liên-tiếp thời mới hay, nếu dứt khúc ra mà rải-rác trong mấy năm thì không có hứng-vị gì nữa. Bản-báo xét lời bàn ấy cũng có lẽ phải, vậy xin đình bộ tiểu-thuyết « Cổ-Liên-nữ-sĩ », và trừ bộ « Lĩnh-nam » in nốt, còn chỉ đăng những truyện ngắn-ngắn một vài kỳ hết mà thôi. Còn những tiểu-thuyết dài, hoặc có bộ nào hay, sẽ chọn dịch riêng thành sách ngoài.*

N.-P.

VĂN-UYỂN

DỊCH ĐƯỜNG THI

I

春江花月夜 (張若虛)
Xuân-giang hoa nguyệt dạ

春江潮水連海平。
Nước bể thẩm sông xuân một mực,
海上明月共潮生。
Rẫy triều xuân như rước trăng thanh.
灩灩隨波千萬里。
Sóng cồn muôn dặm long-lanh,
何處春江無月明。
Sông xuân đâu chẳng trăng thanh đậm-đà.
江流宛轉繞芳甸。
Nước quanh-quất cồn hoa bát-ngát,
月照花林皆如霰。
Trăng in ngần trắng xát như bông.
空裡流霜不覺飛。
Sương sa chẳng chút lạnh-lùng,
汀上白沙看不見。
Trên cồn cát trắng lẫn cùng trăng thanh.
江天一色無纖塵。
Sông quạnh-cõi trời xanh một sắc,
皎皎空中孤月輪。
Đứng giữa trời vằng-vặc trăng thâu.
江畔何人初見月。
Soi người trăng đã bao lâu,
江月何年初照人。
Trông trăng bên nước ban đầu là ai?
人生代代無窮已。
Người muôn kiếp lần hồi đâu bể,
江月年年望相似。
Trăng sông này hỏ dễ khác xưa.
不知江月照何人。
Soi ai trăng những thờ-ơ?
但見長江送流水。
Tràng-giang ngọn nước quanh bờ như
白雲一片去悠悠。reo.
Mây trắng xát bay vèo một mảnh,
青楓江上不勝愁。
Ngàn phong xanh luống chạnh cơn sầu.
誰家今夜扁舟子。
Thuyền ai lãng-đãng đêm thâu?
何處相思明月樓。
Trăng trong đâu tá là lầu tương-tư
可憐樓上月徘徊。
Trên lầu ngọc lững-lờ bóng thỏ,
應照離人妝鏡臺。
Trong đài gương soi tỏ li-nhân.
玉戶簾中捲不去。
Bóng trong rèm ngọc in ngần,
搗衣砧上拂還來。
Bóng in mặt đá khôn phần xuổi bay.
此長相望不相聞、
Mắt trông trăng lòng này bồi-rồi,
願逐月光流照君。
Quyết theo trăng soi tới bên chàng.
鴻雁長飛光不度。
Chim bay chẳng đậu mầu gương,
魚龍潛躍水成文。
Ngư long khôn dễ tìm đường theo trăng.
昨夜閒潭夢落花。
Đêm hôm nọ đầm thanh hoa rữa,
可憐春半不還家。
Khách la-đà quá nửa xuân-quang.
江水流春去欲盡。
Nước trôi xuân khéo vội vàng,
江潭落月復西斜。
Sông sâu trăng cũng ngậm gương non [đoài.
斜月沉沉藏海霧。
Sương bể nặng trăng khơi mù-mịt,
碣石潇湘無限路。
Lối Tiêu-tương kiệt-thạch bao ngơi.
不知乘月幾人還。
Chơi trăng về đã mấy người?
落月搖情滿江樹。
Tình riêng ngao-ngán trăng rơi cây tàn

II

江樓書懷 (趙嘏)
Giang-lâu thư hoài

獨上江樓思悄然。
Ngậm-ngùi dạo bước giang-lâu.
月光如水水如天。
Trời thu trăng nước một mầu trơ-trơ.
同來玩月人何在。
Vẫn còn phong-cảnh như xưa,
風景依稀似去年。
Mà người ngoạn-nguyệt bây giờ là ai?

III

涼州詞 (王翰)

Lương-châu-từ

蒲桃美酒夜光杯。
Rượu đào chén ngọc chưa khan,
欲飲琵琶馬上催。
Giục người trên ngựa tiếng đàn chẳng ngơi.
醉臥沙場君莫笑。
Say-sưa xin chớ vội cười,
古來征戰幾人回。
Từ xưa chinh-chiến mấy người về đâu ?

HOÀN-BÍCH (Thái-bình)

Hà-thành-tức-sự

(Dịch bốn bài thơ chữ hán của Hiệp-hồn-nữ-sĩ) (1)

I

過東門

Qua Cửa-Đông

綠苔深處過東門。
Cửa Đông rêu rậm lần qua,
一帶崔嵬城獨存。
Chênh-vênh thành cũ đây là dấu xưa.
征馬不前人不語。
Ngựa dừng người cùng ngẩn-ngơ,
數聲犬吠隔隣村。
Vẳng nghe tiếng chó xa đưa cách làng.

II

都美橋

Cầu Đu-Mê

都美鐵橋長復長。
Đu-Mê một dẫy cầu dài,
車前御者氣揚揚。
Nghênh-ngang mũ áo nọ người đánh xe,
人間多少桑滄感。
Cuộc đời bao nỗi ủ-ê,
彼自泰然我自傷。
Mình thương mình cảm người kia biết gì!

III

黎帝祠

Đền Vua Lê

聞道當年黎太祖。
Nghe đồn truyện cũ vua Lê,
雄威偉烈振南土。
Trời Nam một góc hùng-uy lẫy-lừng.
祇今陵苑黍離。
Thê-lương này cảnh miếu lăng.
杜宇哀啼秋夜苦。
Đêm thu tiếng quốc nghe chừng thiết-tha!

IV

遊還劍湖

Chơi Hồ Gươm

還劍湖邊汗漫行。
Quanh hồ dạo bước vẩn-vơ,
乘槎鳥鳥月空明。
Thướt-tha cành liễu hằng-hờ trăng trong.
玉山古寺禪聲裏。
Tiếng chuông chùa Ngọc não-nùng,
惆悵臨風無限情。
Ngổn-ngang trăm mối bên lòng biếng khuây.

GIẢN-KHANH (Cao-bằng)

Thơ tạp - vịnh

Mùa thu chơi núi Tam-Đảo

Non nước ngày xưa phố xá nay,
Phong-châu danh-thắng hãy còn đây.
Cờ tiên chốn cũ rêu nhòa dấu,
Quán khách lầu cao bóng lẫn mây.
Dâu-bể mấy phen phong-cảnh khác,
Giang-sơn vẫn một cỏ cây này.
Biết đâu lăng-cốc tình hư-thực,
Chén rượu Trùng-dương hãy nhắp say.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Đề địa-đồ năm châu

Ai nặn cho nên quả đất tròn,
Bầu trời lơ-lửng bé con-con.
Năm châu rải-rắc chia bờ cõi,
Bốn bể mênh-mang bọc núi non.

(1) Bốn bài đã đăng trong N. P, số 57, phần Hán-văn.

Đất nước muôn trùng bao cách trở,
Bể dâu mấy cuộc chẳng hao mòn.
Gớm cho cái hội hoàn-doanh nhỉ?
Tàu lặn xe bay lắm vẻ khôn.

Đề địa-đồ nước Nam

Non kia ai đắp bể ai đào?
Ba cõi dư-đồ đẹp biết bao!
Dư đất, dư người, dư của báu,
Giáp Tàu giáp bể giáp Miên, Lào.
Trăm năm gây dựng nền quân-chủ,
Bốn bể thông-đồng cuộc ngoại-giao.
Hồn nước mơ-màng dương tỉnh dậy,
Ai ơi xin nhớ nghĩa đồng-bào!

Đề địa-đồ Bắc-kỳ.

Trời Nam riêng mở cõi Chu-dao.
Phong-cảnh nhìn xem đẹp biết bao!
Bể bạc Ninh, Nam liền Hải, Quảng,
Rừng vàng Lạng, Thái suốt Tuyên, Cao.
Theo cha dõi mẹ càng đông đủ,
Chống Bắc, bình Nam trải mấy tao.
Mộ tổ nhà ta xem được đất,
Kìa non Tam-đảo nọ sông Thao.

Đề địa-đồ Trung-kỳ

Hoành-sơn một dải chắn ngang trời,
Đất cũ Xiêm-thành ấy chính nơi.
Xứ Bắc miền Nam chung gánh nặng,
Thân rừng mặt bể suốt dây dài.
Công vua Triệu-tổ vàng ghi tạc,
Ngôi chốn Thần-kinh lửa sáng soi.
Qua cửa Hùng-quan thêm tưởng nhớ,
Nhơn-nhơn khí-thế đề muôn đời.

Đề địa-đồ Nam-kỳ

Này ai ra sức phá thiên-hoang?
Cõi đất Nam-kỳ mở rộng toang.
Tàu ngược Ai-lao không cách-trở,
Đường về Cam-bốt có khang-trang.
Long-giang dầm-thấm thêm mầu tốt,
Âu-hải thông-đồng tiện lối sang.
Ăn quả ngày nay nên nhớ kẻ,
Biết bao công-nghiệp đức Cao-hoàng!

VŨ XUÂN-TÂM (Hà-nam)

Đêm trăng nhớ tri-kỷ

Nhắp mắt mơ người ngọc,
Quay đầu chạm bóng hoa.
Trông trăng lặn chưa lặn,
Nhớ người xa càng xa.
Cất bút sầu khôn vẽ,
Ôm cầm lệ muôn sa.
Canh gà vừa dạo sáng,
Tiếng dế vẫn đêm qua.

Hồ Hoàn-Gươm

Phảng-phất hương đưa trận gió chiều,
Hồ xưa như vẽ cảnh đìu-hiu.
Gươm vàng sóng gợn hồn thu-thủy,
Chùa Ngọc trăng in bóng cựu-triều.
Rộn-rịp cầu tiên hương lẫn bụi,
Lờ-mờ bia cũ đá in rêu.
Phế-hưng truyện trước ai còn nhớ?
Phong-cảnh rày xem đã khác nhiều.

Tiễn-biệt

Bâng-khuâng khi ở nhớ khi về,
Hai chữ tương-tư gánh nặng-nề.
Tơ liễu Cao-đình đưa đón khách,
Gió thu như giục tấm lòng quê.

Chơi xa nhớ nhà

(một nơi cổ-tự bên sông)

Trông cảnh thêm càng dạ mần-mê,
Gương ô bóng đã gác ngàn tê.
Cảnh dương gió thốc triều tuôn dẫy,
Bãi cỏ sương gieo nhạn nhớ về.
Trông đá thêm buồn câu chuyện cũ,
Nghe chuông như nhắc tấm lòng quê.
Ai về nhắn nhủ người đi nhé!
Cái gánh yên-hoa gánh nặng-nề.

HOÀN BÍCH (Thái-bình)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Việc sông Ruhr. — Việc quan-hệ nhất vẫn là việc nước Pháp chiếm-cứ hạt sông *Ruhr*. Kỳ trước đã nói rõ cái sơ-tâm nước Pháp đem quân sang chiếm-cứ đất nước Đức là định những gì. Cứ lời công-bố của Chính-phủ Pháp lúc đầu thời việc ấy chẳng qua là sự hành-vi của một người chủ-nợ sai nặc-nô đi đòi nợ một người vay nợ chây mà thôi. Không biết Chính-phủ Pháp hồi bấy giờ còn có ý gì ngoài nữa không; dư-luận các nước thời có nơi cho là nước Pháp muốn thừa-cơ thi-hành cái võ-lực-chủ-nghĩa để cố ý chiếm lấy đất nước Đức. Nhưng dù cái dã-tâm ấy có thực hay là không, hiện nay cũng phải thi-hành chính-sách võ-lực như thế, vì bây giờ nước Đức công-nhiên kháng-cự lại, công-nhiên phá-hoại cái hòa-ước *Versailles*, vậy thời tuy không phải là chiến-tranh mà thực cũng là một sự chiến-tranh vậy.

Chính-phủ Đức, đầu tự thủ-tướng CUNO; các nhà doanh-nghiệp Đức, đầu tự chủ công-ti HUGO STINNES; đảng quân-nhân, đầu tự các tướng bị thua năm 1918; các đảng ái-quốc và đảng chủ-chiến, hết-thảy đều hiệp-lực nhau để cổ-động cho toàn-quốc phản-đối nước Pháp. Còn những đảng chủ-hòa, như các đảng dân-chủ, đảng xã-hội, thời thế-lực kém quá, không đủ mà chống lại với các đảng kia. Nói tóm lại thời hiện nay cả nước Đức tuy không chiến-tranh mà thực là chiến-tranh với nước Pháp vậy. Không chiến-tranh vì không có binh-lực đâu mà chiến-tranh được, thực chiến-tranh là vì lòng người công-phẫn như khi chiến-tranh vậy. Tình-thế ấy thật là nguy cho cả hai bên, một bên thời đánh liều, nhưng mà liều cũng chết, một bên thời cố giữ, nhưng mà giữ mãi cũng nhọc.

Ở ngay trong hạt sông *Ruhr* thời người Đức tuy không công-nhiên kháng-cự được, nhưng mà dùng những cách giết ngầm, đánh trộm, bầy đường xe-lửa, cắt đường điện-báo; quan-lại thời không chịu theo, thợ-thuyền thời thường bãi-công, quân-quan của Pháp phòng-bị cũng khó nhọc.

Xem dư-luận trong các báo Pháp thời chừng Chính-phủ Pháp cố-ý đóng quân ở đấy cho thật lâu, cho kỳ đến lúc nước Đức cực-chẳng-dã phải bó tay chịu cả mọi điều thời mới thôi. Nhưng mà dư-luận các nước khác, nhất là nước Anh, có ý không phục cái chính-sách đó, cho là một chính-sách xâm-lược, hại cho nước Đức mà cũng không lợi cho nước Pháp, lại là một cái nguy cho cuộc hòa-bình trong thế-giới. Nước Đức hiện nay sở-dĩ dám công-nhiên kháng-cự với nước Pháp cũng là bởi thấy dư-luận nước Anh có ý khuynh-hướng về mình như thế. Người Đức lại còn mong-mỏi có một ngày nước Anh sẽ can-thiệp vào, ngăn Pháp mà giúp mình. Nhưng sự mong-mỏi ấy cũng khi xa-xôi quá, vì Chính-phủ Anh tuy không đề-huề với nước Pháp trong việc này, nhưng vẫn giữ cái thái-độ thân-thiện, không hề ngăn-trở Pháp bao giờ cả.

Về phần quân Pháp đóng ở hạt *Ruhr* thời nhất-diện phải phòng-bị cho yên-ổn, nhất-diện phải kinh-doanh các xưởng các mỏ để lợi-dụng lấy những khoáng-vật ở xứ ấy. Hai việc đều là khó-khăn cả, người Đức đã thách người Pháp rằng không bao giờ kinh-lý được hạt *Ruhr* cho chỉnh-đốn, vì các cơ-quan ở đấy phiền-phức lắm. Nhưng mà các quan-quân và viên-chức của Chính-phủ Pháp phái sang đấy đều gia công hết sức, nói rằng chậm lắm là năm tháng, mọi sự sẽ chỉnh-đốn hết. Song những một việc sửa-sang đã mất năm tháng, thời việc chiếm-cứ này còn tới mấy năm? Cũng khó mà đoán trước được.

Cứ tin-tức các báo thời xem chừng trong dân hạt *Ruhr* cũng có một phần người muốn đề-huề với Pháp, giúp quân Pháp về đường kinh-tế để hưởng-lợi chung, vì cứ như thế này mãi thì dân đến khốn-cùng; nhưng mà lại sợ sau này Chính-phủ và đảng ái-quốc Đức trị-tội. Nếu Pháp khéo giao-thiệp mà lợi-dụng được bọn đó, thời việc chiếm-cứ này có lẽ lại còn lâu dài lắm nữa. Vậy cái đề-mục « Việc sông *Ruhr* » này trong các báo còn phải bàn-luận đến nhiều vậy.

* *

Việc nước Tàu. — Ở Á-Đông thời chỉ có việc nước Tàu là hơi quan-hệ với ta một đôi chút, ta cũng nên biết qua. Nhưng mà hiểu được việc Tàu, tưởng cũng khó quá, vì theo như lời một nhà báo Tây kia đã nói, thời-cục nước Tàu vì như một tấn hí-kịch lớn, các vai đóng trò thay đổi nhau như chớp mắt, rình lừa nhau từng miếng một, không ai thật với ai, không ai trung với ai, không ai có chủ-nghĩa phương-châm gì cả.

đay chỉ có một mở tư-lợi xung-đột nhau mà giả-danh là công-nghĩa.

Tôn Văn bị thất-bại năm 1921, từ đấy vận-động mãi, xuất tiền của rất nhiều để mua chuộc lấy đồ-đảng ở Quảng-tây và Vân-nam, gần đây lại trở về làm tổng-thống Nam-phương. Trước khi về được thời đề-xướng lên cái chủ-nghĩa hợp-nhất nước Tàu, nhưng chẳng qua là cái mưu để lấy lòng Bắc-phương mà thôi. Từ khi về được rồi, không thấy đề-cập tới nữa. Không những thế, mà vì sự hợp-nhất ấy không thành được, phi lưu-huyết thời không thành được, nên tòa Nội-các ở Bắc-kinh không kham được nữa phải từ-chức.

Vả lại xét cho kỹ ra, sự hợp-nhất ấy vị-tất đã là lợi cho Tôn. Tôn không phải là người chịu luỵ Bắc-phương, chắc là muốn hùng-cứ một đất Quảng-đông còn hơn là mưu tính một sự hợp-nhất còn viển-vông. Bởi thế nên bề ngoài xướng hợp-nhất mà vị-tất bề trong đã cho sự hợp-nhất là hay. Vả cho dầu hợp-nhất được nữa cũng là nhất-thời mà thôi. Vì trong bấy nhiêu tướng tranh-hùng nhau, có kẻ thua người được, người được đã đành, kẻ thua thời theo cái tâm-lý người Tàu không bao giờ chịu thua lâu, tất thế nào sớm trưa cũng tìm cách đánh lại cho được, mà cách ấy không có khó gì, quân lính của Tàu phần nhiều là những phường ô-hợp thấy lợi đâu thời theo đó, tướng nào dụ được nhiều quân, trả được lương hậu, lại dung cho quân cướp phá nhân-dân, thế là tướng ấy được phần hơn, kỳ cho đến ngày có tướng khác cũng dùng một cách ấy mà được mạnh hơn đánh thua phải lui về, rồi lại đợi dịp khác báo thù, cứ thế mãi đến vô-cùng-tận.

Đô-đốc Vân-Nam là Đường Kế-Nghiên cũng đương danh nói rằng sẵn lòng muốn giúp sự hợp-nhất, nhưng hợp-nhất theo lối liên-bang, nghĩa là theo chính-thể nước Hoa-kỳ, địa-phương tự-trị mà Chính-phủ trung-ương thống-nhất về đường ngoại-giao và việc quân-bị. Nói rằng sẽ giúp vào việc ấy 24 đại-đội 1500 người, không kể 10.000 lính đồng phụ ngoài. Nhưng người ta bảo rằng lời nói ấy cũng là « nói cuội » mà thôi, vì Đường cũng biết thừa ra rằng nếu Tôn không ưng thì quân Đường đi qua Quảng-đông Quảng-tây thế nào được. Chẳng qua là nói thế cho tròn danh-nghĩa, chứ kỳ-thực chẳng anh nào thiết gì cả, anh nào hùng-cứ được phương nào muốn cứ giữ mãi mà hưởng lợi, còn việc nước không ai thiết đến. Nước Tàu thật chưa thể gọi là một quốc-gia được, vì cả nước không ai thiết đến việc nước cả. Xét những nhân-vật trọng-yếu của nước Tàu bây giờ ai cũng lấy lợi riêng trọng hơn nghĩa nước. Không trách việc nước lộn-xộn như thế, mà không biết đến bao giờ cùng.

Mấy điều nên biết về nước Cao-lỵ. — Một kỳ trước đã nói qua về nước Xiêm. Ở Á-Đông ta còn nước Cao-li hay là Triều-tiên cũng ít người biết. Nay thuật qua mấy điều yếu-lược về dân ấy và nước ấy.

Cao-li có hai giống người : một giống thổ-dân về giòng Mông-cổ ở về phía nam, trong mấy mươi đời làm nô-lệ cho một giống ngoại-tộc gọi là *Jan Pan*. Giống thổ-dân bị yếu hèn kể bắt đầu tự hồi người Nhật-bản tràn sang về thế-kỷ thứ 14. Còn về phía bắc là chính giống Cao-li là một giống cũng hơi tạp, có pha lẫn giống *Sémites*.

Nước Cao-li thật là một nước biệt-tịch, xưa nay không giao-thiệp với ai. Mãi đến nửa thế-kỷ trước vẫn không có đi lại gì với nước nào cả. Hồi bấy giờ có một lũ giặc bể ở Thượng-hải đến cướp phá, bị người Cao li đánh giết ở gần thành *Pyng-Yang*. Chang may trong việc đó lại có một ông Cố nước Pháp can-thiệp vào. Bấy giờ đạo Gia-tô truyền-bá vào trong nước cũng đã thịnh, ông Phụ-chính bấy giờ là *Thai Ven-Kung* lấy làm lo, bèn hạ-lệnh giết giáo-dân đến một vạn người, thành ra làm hại mất một phần người tốt nhất trong nước.

Được ít lâu thời nước Cao-li bất-đắc-dĩ phải giao-thiệp với ngoại-quốc. Ông Phụ-chính phản-đối sự ấy thời bị phế. Bấy giờ nước Nga đã ngấp-nghé muốn chiếm lấy đất Cao-li, nhưng người Nhật ở đâu can-thiệp vào. Nhật với Nga tranh đành nhau mãi, rồi sau Nga bị thua, Nhật được thắng. Cao-li dần dần vào tay người Nhật.

Từ khi giao-thiệp với Nhật-bản thời sự buôn-bán trong nước một ngày một mở-mang. Than thời ở Mãn-châu và Nhật-bản, vải thời ở Anh và ở Nhật đem sang, nhưng mà số buôn bán với Nhật mỗi ngày một nhiều hơn. Bột và dầu-hỏa thời ở Hoa-kỳ và *Java* thuộc Hòa-lan đem sang. Còn đường, các hóa-chất, muối, đồ xứ, diêm là của Nhật đem vào bán cả.

Cao-li xuất-cảng thời duy có gạo và đậu, nhất là thứ đậu tương (*soja*), chiếm đến 60 phần trăm số xuất-cảng. Rồi đến da giống vật, cá, bông, vàng, than-đá, các quặng mỏ và các thứ gỗ. Gạo thời có thể một ngày tăng nhiều lên gấp đôi được; đến ngày ấy thời Nhật-bản không phải mua gạo ở *Rangoon* (Diến-điện) và ở Sài-gòn nữa. Đậu-tương của Cao-li mỗi năm cũng tăng lên nhiều ; có người nói thứ đậu ấy lại tốt hơn đậu Mãn-châu. Như vậy thời đậu cần dùng cho Nhật-bản sau này có lẽ chỉ lấy ở Cao-li, mà đậu Mãn-châu thời bán cho Âu-châu.

Chính-phủ Nhật-bản năm 1905 có đặt một cái hội coi việc trồng bông. Các nhà máy sợi của Nhật-bản phần nhiều dùng bông Cao-li cả. Nghề tằm-tơ cũng mỗi ngày một thịnh.

Khoáng-vật ở Cao-li nhiều lắm. Mỏ vàng khai mỗi năm một thêm ra, Công-nghệ thời còn ít-ỏi lắm ; nước Cao-li lâu nữa còn là một nông-quốc cung-cấp các nguyên-liệu cho nhà máy Nhật-bản chế-tạo. Hiện nay chỉ mới có mấy nhà máy giấy, mấy nhà máy rượu (thứ rượu *saké* của Nhật-bản), máy sợi, máy điêm ; còn nghề dệt sợi, dệt gai, và dệt lụa thời làm ở các nhà riêng.

Nói tóm lại, tình-hình nước Cao-li về đường kinh-tế cũng giống như nước Nam ta, và khi bắt đầu giao-thiệp với ngoại-quốc cũng là bởi sự giết đạo mà ra.

Đường giao-thông trong nước thời kém-cỏi lắm ; vận-tải các thóc-lúa xứ này sang xứ khác trong nước thường không có đường mà đi. Hiện Chính-phủ Nhật-bản đã làm được 1200 cây-lô-mét xe lửa.

Dân-số Cao-li ước 17 triệu người. Kinh-đô là *Séoul* có 25 vạn người, thời 7 vạn người Nhật-bản và 300 người Tây mà thôi.

Cách ăn-mặc của người Cao-li lạ lắm. Mặc một cái áo trắng dài chùm cả người, mà áo là làm bằng những mảnh vải dài dán vào với nhau, chứ không khâu, thắt ngang lưng bằng những giây những dải lua-tua. Mũ đội đầu thời hình như cái ấm-rỗ bằng thép dan, có thành chung quanh ngắn. Giầy đi bằng dạ bằng nỉ như giầy tâu. Người Cao-li vẫn tự-đắc là chân nhỏ và xinh hơn cả người các nước.

Người Cao-li mới ký điều-ước với Nhật năm 1895, rồi đến điều-ước *Shimonoseki* thời công-nhận cho nước Cao-li là nước độc-lập. Trong 15 năm, người Nhật vẫn để cho Cao-li tự-trị. Nhưng sau xét ra người Cao-li không thể tự-trị được, Nhật-bản mới thi-hành cái chính-sách xâm-lược dần. Xâm lấn mãi đến năm 1910 thời bỏ nhà vua và kiêm-tính hẳn, bây giờ người Nhật bảo-hộ nước Cao-li cũng như nước Pháp bảo-hộ nước Nam ta và nước *Maroc* vậy. Về đường kinh-tế cũng có thịnh-vượng hơn trước, nhưng quyền chính-trị thời mất hết cả.

Việc trong nước

Việc bầu-cử Tư-vấn nghị-viên. — Khi số báo này ra thì việc bầu-cử tư-vấn-nghị-viên đã xong rồi. Các ông «nghị» mới bây giờ đương mừng-rỡ sung-sướng, được cái danh-giá làm đại-biểu cho dân. Vậy cũng chẳng nên bình-phẩm về việc đó làm gì nữa, sợ những lời thị-phi lại làm giảm mất cái sướng của các ngài. Nay thấy báo tây (*France-Indochine*, ngày 12-13 Mars 1923), có một bài bàn về vụ bầu-cử này cũng có nhiều điều hay và đủ rõ cái dư-luận của người Tây đối với việc nghị-viên An-Nam thế nào, vậy xin lược-dịch ra như sau này.

« Ngày 25 tháng 4, dân Bắc-kỳ sẽ bầu tư-vấn-nghị-viên. Từ khi đặt ra cái hội-đồng tư-vấn cho người An-Nam, người Tây ta ít ai chú-ý đến. Đối với việc bầu-cử xưa nay, người Tây vẫn lãnh-đạm như không, hoặc có người thời cho là nghị-viên An Nam cũng là một hạng người bất-túc khinh-trọng, hoặc có người — số người này may lại là phần ít, — cho là đặt ra đại-biểu An-Nam cũng là một sự vô-ích. Ít người Pháp chịu xét kỹ đến cái chủ-ý của Chính-phủ khi đặt ra Tư-vấn-Hội-nghị, và hội-nghị ấy sau này sẽ có ảnh-hưởng về đường chính trị bản-xứ thế nào.

« Song cái vấn-đề cũng nên xét cho đúng, và sự đặt ra Hội-nghị cũng nên cho là một sự kiến-thiết hay, dầu nay các đại-biểu thực không có quyền gì, nhưng mà sớm trưa rồi cũng có ngày có thế-lực trong việc nước. Và lại sự kiến-thiết ấy cũng là một sự cần, vì Chính-phủ cũng phải để cho người dân đóng thuế được cử người thay

mặt ra chỗ công-đồng để xem xét cái cách dùng thuế ấy thế nào và lâm-thời có thể thỉnh-cầu những điều công-ích cho bản-xứ.

« Tuy cái nhiệm-vụ của Hội-nghị nhỏ hẹp thật, nhưng cũng đã có ảnh-hưởng ít nhiều về việc hành-chính gần đây. Như thế thời đáng khiến cho người ngoài nên chú-ý, vì đó là biểu-hiệu sự tiến-hóa của người bản-xứ ngày nay đã có chí muốn tham-dự vào việc công. Người Pháp ta không nên lãnh-đạm, vì rồi có một ngày người An-Nam, nhờ có hội-nghị ấy, cũng sẽ có đủ tư-cách mà hiệp-lực cộng-tác với ta, thế mới là thực-hành được cái chủ-nghĩa Pháp-Việt-đề-huề. Vậy thời ta phải nên để ý mà xét hội-nghị ấy phát-đạt thế nào, và các nghị-viên kén chọn có đắc-nhân không.

«Nhưng không những người Tây hướng-lai vẫn không để ý vào những chuyện bầu-cử đó, mà chính người dân An-Nam xem ra cũng chẳng thiết gì. Ở các tỉnh lớn như Hà-nội Hải-phòng thời cũng có tranh-dành nhau náo-nhiệt một đôi chút, người không biết thời tưởng là dân An-Nam nhiệt-thành về việc ấy thật. Nhưng dân nhà quê thì xem chừng ra chẳng hiểu gì cả, mà chỗ nào sốt-sắng nữa, xét ra cũng là vị người, vì lợi riêng, vì cái thế-lực đồng tiền cả, chứ chẳng ai là vì công-ích hết. Nhiều người ra ứng-bầu cũng là mong có chút thế-lực để bán lấy tiền với Chính-phủ, mà xem Chính-phủ thường cho lợi-quyền riêng cho nhiều kẻ thời đủ biết vậy. Còn công-chúng thời ù-lì có biết gì, mấy bọn ra ứng-cử mà được lòng quan trên kia, có nhiều cách hoặc kẻ dân ngu dễ lắm, còn những người thành-tâm muốn bầu-cử cho chánh-đáng thời thế-tất là bị thua, vì kẻ đi bầu thường cho sự đi bầu là một cái phiền, phải có tiền mới đáng cất công đi.

« Còn có những cách tệ-lạm như thế thời khó lòng mà tổ-chức nên một cái hội-nghị xứng-đáng được, có đủ quyền bàn nói, có đủ người giá-trị để cho nhân-dân phải kính-phục thời mới mưu tính được việc công-ích cho dân. Thử nhớ lại những việc xảy ra vụ bầu cử năm xưa, nhiều người cầu cạnh đút lót mới được bầu. Thế mà người Tây, cùng các quan Chính-phủ tựa-hồ như không chú-ý đến, hay là có nghe thấy chỉ tủm-tỉm cười ! Tưởng thế là lầm. Muốn dạy cho người An-Nam biết trọng cái quyền bầu-cử, là cái quyền ta thành-tâm muốn cho người ta biết thi-hành, thời không thể điềm-nhiên như thế được. Ta làm ra mặt không thiết gì đến những sự hành-vi của họ, thời tựa-hồ như ta dung những sự ấy, mà làm cho một sự kiến-thiết rất hay, chủ-ý ta đặt ra là vì sự ích-lợi cho dân, thành ra không có giá-trị gì nữa, khiến cho ít năm nữa bao nhiêu những người An-Nam có học-thức cũng đem lòng khinh-bỉ cả, và có lẽ cho là ta định đánh lừa họ chăng.

« Cái thói đút lót để được bầu ấy không phải lạ gì ở xứ này. Ở đây họ vẫn lấy cái thế-lực đồng tiền làm mạnh. Vậy thời cũng không ai trách rằng bởi ta mà sinh ra những sự tệ đó. Nhưng mà có lẽ có người trách rằng tại làm sao ta lại dung-thứ mà không ra tay trừ-khử đi.

«Vẫn biết rằng dạy cho dân An-Nam biết cái quyền bầu-cử, không phải là việc dễ. Nhưng mà dù khó đến đâu ta cũng phải cố cho được, nếu không thời những sự tệ ấy mỗi ngày một nhiều ra, không khỏi vấy-vá đến ta mang tiếng là không đủ sức mà trị được. Có đâu lại đến thế. Ta phải ra sức mà làm, mà đã làm tất được, dẫu không thấy kết-quả ngay, mà rồi cũng có ngày. Đó là sự chấn-chỉnh về đường tinh-thần, muốn làm cho được ta phải nhờ đến cái thế-lực của một hạng người An-Nam thật có bụng công-tâm, muốn giúp cho kẻ đồng-bào mình được tiến-bộ về đường chính-trị ; song một cách đó cũng chưa đủ, ta còn phải đặt nhiều cách phòng-bị khác để mà tiệt những sự tệ trong việc bầu-cử đi.

« Việc hưng-lợi trừ-tệ đó, bao nhiêu người An-Nam có học-thức, có tư-tưởng đều ước-ao như thế cả, và Chính-phủ cũng có đủ sức mà làm được. Vậy thời phải đặt lệ cho nghiêm và thi-hành cho nghiệt. Hễ thấy xảy ra sự gì gian-trá làm cho sai cái nghĩa bầu-cử đi, thời phải trị cho đến nơi, không dung. Cốt nhất là phải giữ-gìn thế nào cho cái chức nghị-viên không đến nỗi mất giá đi, khiến cho chỉ những người có tư-cách mới ra làm chức ấy, mà Chính-phủ đối với những người ấy cũng phải trọng người ta, không coi như kẻ sai-khiến hễ được việc thời thưởng tiền, mà phải coi như những người giúp việc, có quyền tự-

do độc-lập, cùng với Chính-phủ mưu việc công-ích cho dân.

« Ta đã nhiều lần xướng cái chủ-nghĩa cho người An-Nam được rộng quyền tham-dự vào việc nước. Ta lại nhiều lần hứa sẽ giúp cho họ tập cho có đủ tư-cách để chống giữ được quyền-lợi của họ. Nhưng mà nếu ta để cho họ coi sự bầu-cử như một sự mua bán đấu-giá, thời ta còn giúp thế nào cho họ có tư-cách được. Phàm người An-Nam chính-trực, ai cũng lấy cái tình-trạng sự bầu-cử bây giờ làm bậy lắm; ta không nên di-du nữa, vì để lâu thời sẽ làm cho những người được bầu không còn có giá-trị gì nữa, thật là không lợi cho người dân mà cũng chang lợi gì cho ta... »

Lời báo tây như thế, tưởng cũng đã rõ-ràng lắm. Bản-chí không cần phải bàn thêm nữa, chỉ xin quốc-dân ta nên ngẫm-nghĩ mấy lời đó. Về phần Chính-phủ thì chắc lời công-luận của chính người Tây nói ra tất cũng có ảnh-hưởng ít nhiều.

Giới-thiệu sách mới

Sách *Tam-tự-kinh* là của ông Vương Ứng-Lân đời nhà Tống bên Tàu, soạn ra mỗi câu ba chữ để cho con trẻ dễ đọc, nên chi nước ta cũng lấy sách ấy làm khoa huấn-mông từ lúc trẻ mới vỡ lòng, không cậu trẻ con nào là không đọc qua một lần từ lúc bập-bẹ mới nhập-môn Hán-học. Song sách ấy tuy trẻ dễ đọc nhưng ý-tứ rất là sâu-xa ; học truyền-khẩu tuy dễ thuộc lòng, nhưng điển-cố thì rất là rộng-rãi. Thiết tưởng trẻ con mới học hồ-đồ đã hiểu được cái nghĩa tính-lành tập-xa ; mà ông thầy giảng nghĩa chửa dễ mấy ai đã giảng hết được các điển-tích. Nên từ khi phép học đổi mới, *Tam-tự-kinh* đã gần thành ra sách xếp xó, thầy giả không giở đến, con trẻ không đọc qua, thực là đáng tiếc lắm thay !

Nay ông Á-Nam Trần Tuấn-Khải nghĩ rằng : « Nhân-quần tiến-hóa là bởi chưng tư-tưởng tân-kỳ, mà kiến-thức cao-xa là nhờ ở học-vấn yêm-bác. Cho nên mưa Âu gió Á, phong-trào tuy thay đổi khác xưa, thế mà kinh thánh truyện hiền, đạo-học vẫn lưu-truyền như cũ. » Thế thời nền học cũ nước ta khi trước gây ra tự sách *Tam-tự-kinh*, có lẽ nào lại bỏ đi được. May sao ông nhân được quyển *Tam-tự-kinh thích-nghĩa* của Tàu sẵn có chú-thích đủ cả các điển-tích, ông chịu khó dụng công dịch ra quốc-ngữ, có đủ cả *nghĩa đen*, *nghĩa lọn* và các điển-tích, cuối-cùng có phụ chép bài « *Tiểu-nhi-luận* » là chuyện ông Khổng-phu tử vấn-đáp với ông Hạng Thác, rất là lý-thú !

Sách này trước đã lần lượt đăng ở báo *Khai-hóa*, nay hiệu Đông-kinh-ấn-quán in ra thành sách, ước hơn một trăm trang, đọc lên là hiểu nghĩa ngay và lại hiểu được cả chữ nho nữa. Thế thời cũng đáng khen cho dịch-giả đã phiên-dịch được quyển *Tam-tự-kinh* này để mong duy-trì lấy « nền học cũ », vậy bản-chí cũng vui lòng giới-thiệu cùng chư-học-giả. — Sách bán ở Đông-kinh-ấn-quán giá là 0c35.

Đ. C.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Tiệc tháng ngày 29 Mars. — Theo như lời trong *Kỷ-yếu* kỳ trước, ngày 29 *Mars* có đặt tiệc tháng thứ nhất. Các hội-viên ta đến hơn 130 ông, hội-viên tây mươi ông, ngồi chật cả gian nhà lớn trong Hội-quán. Tòa trị-sự chỉ mời có một người khách ngoài, là quan Bác-sĩ JEAN BRUHNES, giáo-học địa-dư-học ở trường Đại-học *Paris*, sang du-lịch và khảo-cứu bên này. Tiệc xong đến 9 giờ rưỡi ông PHẠM-QUỲNH diễn-thuyết về « Văn-chương trong lối hát ả-đào », bài diễn-thuyết đã đăng trong báo *Nam-Phong* trên kia. Trước khi diễn-thuyết bằng tiếng ta, ông có nói mấy câu tiếng tây để chúc mừng quan giáo BRUHNES và kể lược đại-ý bài diễn-thuyết của ông cho các hội-viên tây nghe.

Bữa tiệc ngày 29 *Mars* thật là vui-vẻ lắm. Có nhiều ông hội-viên không đến dự tiệc mà cũng đến nghe diễn-thuyết đông. Chỉ hiềm vì nhà Hội hãy còn chật hẹp, nên

Tiệc trà đón các thân-hào Nam-kỳ. — Các thân-hào Nam-kỳ gần đây năng ra chơi ngoài Bắc, sự giao-thông càng thịnh thì tình thân-mật càng thêm. Kẻ Nam người Bắc cũng là người một giống, được năng tới lui mà gặp nhau thời còn gì hay bằng. Bởi thế nên Hội ta mỗi lần có các ông thân-hào trong Nam ra chơi đều có đón tiếp cả, mà các ngài về trong ấy cũng đều cổ-động cho cái chủ-nghĩa của Hội ta.

Ngày thứ năm 12 *Avril* vừa rồi, hồi 5 giờ chiều, Hội có đặt tiệc trà đón ba ông Trần Quang-Nghiêm, Phó Hội-trưởng Hội Khuyến-học Sài-gòn và Phó Hội-trưởng Hội Thương-mại Nam-kỳ, Trương Văn-Phát, Tri-huyện, và Cao Đẩu-Ngưu, đốc-phủ-sứ. Ông Trần Quang-Nghiêm có diễn-thuyết giờ lâu, nói nhiều điều hay lắm, nhất là về vấn đề hợp-nhất tiếng Nam Bắc.

Các hội-viên đến dự tiệc trà đến ba bốn chục ông.

∴

Biên-bản kỳ Hội-đồng tòa trị-sự ngày 22 Avril. — Ngày thứ năm 12 tháng 4 hồi 3 giờ chiều tòa trị-sự có họp hội-đồng ở hội-quán. Có mặt những ông sau này: Hoàng Trọng-Phu, Marty, Từ Đạm, Lê Trung-Ngọc, Nguyễn Tất-Tế, Phạm Quỳnh, Lệ Văn-Phúc, Nguyễn Qui-Toản, Lê Thành-Y. — Ông Bạch Thái-Bưởi và Nguyễn Thành có giấy cáo.

Chương trình có hai việc:

1° Bàn việc sửa nhà bếp;

2° Định kỳ đại-hội-đồng.

Về việc làm nhà bếp thì hội-đồng định phá cái bếp cũ đi, sửa cái sân lại cho rộng và làm cái bếp mới cùng nhà bồi ở ra tận đằng xa, giáp đến vườn Lê. Hội-đồng giao cho ông Lê Văn-Phúc mượn người về kiểu và điều đình với mấy người cai thợ làm kịp cho khỏi mùa mưa.

Về việc đại-hội-đồng, thời hội-đồng tòa trị-sự định đến ngày chủ-nhật 29 *Avril*, 3 giờ chiều, và định chương-trình như sau này: 1° Nghe tờ trình của Tòa trị-sự về công việc và tiền bạc của Hội trong năm 1922; — 2° Duyệt các khoản chi-thu năm 1922; — 3° Quyết-định số dự-toán chi-thu năm 1923; 4° Nghe những lời thỉnh-cầu của các hội viên; — 5° Bàn về Đấu-xảo mĩ-nghệ; về việc xin Chính-phủ nhận cho Hội ta là hội công-ích; — 6° Bầu lại hội-đồng quản-trị (năm nay bầu cả 30 ông vì hội-đồng trước đã mãn hạn 3 năm rồi); — 7° Việc linh tinh. — Hội-đồng giao cho Chánh Phó Thư-ký là ông Phạm Quỳnh và ông Nguyễn Qui-Toản gửi giấy đặt cho các hội-viên và sửa soạn việc đại hội-đồng cùng với các ông có chức việc trong tòa trị-sự.

Năm giờ thời hội đồng tan.

∴

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi, có những ông sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong hội-viên có ai dị-nghị xin viết thơ về cho Hội biết.

A. *Xin vào chân Tán-trợ*

(lại nộp tiền ngay)

1° Ông Huỳnh Ngọc-Bỉnh, đốc-phủ-sứ hồi-hưu, ở Vĩnh-lợi, Bạc-liêu đã nộp 150.$

2° — Ngô Văn-Huấn, tri-phủ, ở Phong-thanh, Bạc-liêu, đã nộp 150.$

3° — Trương Xuân, conseiller provincial, ở Long-thanh, Bạc-liêu, đã nộp 150.$

4° — Vương Nguyên, ex-conseiller provincial, ở Long-thanh, Bạc-liêu đã, nộp 150.$

5° — Chung Vạng, điền-chủ, ở Vĩnh-lợi, Bạc-liêu đã nộp 150.$

6° — Trần Thất, điền-chủ ở Long-thanh, Bạc-liêu, đã nộp 150.$

7° — Võ Tuấn-Đức, điền-chủ, ở Vĩnh-lợi, Bạc-liêu, đã nộp 100.$

8° — Vương Hữu-Hậu, cai-tổng, ở Vĩnh-lợi, Bạc-liêu, đã nộp 100.$

9° — Cao Triều-Trung, cai-tổng, ở Vĩnh-lợi, Bạc-liêu, đã nộp 100.$

10° — Cao Triều-Hưng, cai-tổng, ở Vĩnh-phước, Bạc-liêu, đã nộp 100.$

Mười ông trên này đều do ông tán-trợ hội-viên Trần Khắc-Nhượng, nghị-viên quản-hạt Nam-kỳ về hạt Bạc-liêu giới-thiệu.

11. — Võ Thành-Tâm, nguyên Bang-biện tỉnh Bình-long, làng Long-an, Vĩnh-long (*do ông chủ-trì hội-viên Nguyễn Trứ giới-thiệu*).

B.—*Xin vào chân chủ-trì*

1. — Dương Đình-Thạc, làm ruộng ở làng Tràng-yên, huyện Gia-viễn, Ninh-bình, ở số 5 phố Hàng Trống, Hà-nội.

2. — Nguyễn Đình-Dĩnh, ấm-sinh buôn bán ở số 25 *Rue Principale* Đáp-cầu (*trước làm thường-hội-viên*).

3. — Nguyễn Đình-Toản, Lý-trưởng làng Giáp-nhất, tổng Khương-đình, huyện Thanh-trì, Hà-đông (*do ông Nguyễn Hữu-Giám giới-thiệu*).

4. — Nguyễn Quế-Dương, *secrétaire de l'entreprise du Chemin de fer du Lang-biang, à Bellevue, par Dran (Sud An-Nam)*.

5. — Nguyễn Văn-Tuyết, làm ruộng ở làng Viên-nội-thượng, xã Viên-nội, tổng Viên-nội, phủ Ứng-hòa Hà-đông (*do ông Nguyễn Duy-Ngung giới-thiệu*).

6. — Phan Chí-Thiện, điền-chủ làng Long-an, tổng Bình-long, tỉnh Vĩnh-long, (*do ông Nguyễn Trứ giới-thiệu*).

7. — Trương Thúc-Sanh làng Lương-xử, hộ thứ sáu, Hà-nội.

8. — Võ Thành-Vinh dit Thanh-Tân, *Etudiant de Commerce (2e année), Hà-nội*.

9. — Lê Văn-Xuân, thư-ký hội Khai-Trí.

C. — *Xin vào thường-hội-viên*

1. — Ông Lê Văn-Định, *commis des Résidences, Chef du Secrétariat de la Direction locale de la Santé du Cambodge, Phnom-Penh*.

2. — Nguyễn Hữu Nghi, buôn bán ở phố Mới số 45 Hanoi

* * *

Danh-dự Hội-viên Tây. — Trong tháng mới rồi, Hội ta có thêm hai ông danh-dự hội-viên Tây : ông De Louvencourt, chủ nhà máy thuốc-lá (có quyên cho Hội 100 đồng, đứng tên nhà máy thuốc lá) ; — ông Maurice Grossin, chủ nhà Đông-Pháp-Thương-cục (tức nhà Gô-da).

* * *

Quyên cho Ấu-trĩ-viên. — Ông Trần Khắc-Nhượng, *Conseiller Colonial de Cochinchine*, có quyên cho Hội 200 đồng về việc Ấu-trĩ-viên.

Hội-viên mới. — Các ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo từ số 65, 66, nay hết hạn hai tháng, trong các hội-viên không có ai dị-nghị, vậy được nhận vào hội kể từ ngày 1er *Avril* 1923.

A. — *Vào chủ-trì*

— Ông Nguyễn Ngọc-Hoán — Lê Đình-Gioán — Nguyễn Hữu-Long — Phạm Quang Nguyên — Nguyễn Văn-Phụng — Lê Xuân-Chính — Nguyễn Văn-Thư — Vũ Chính-Bình dit Vĩnh-Thuận — Nguyễn Văn-Lan — Trần Đức-Vận — Nguyễn Văn-Lợi — Nguyễn Hữu-Sung — Lê Vũ-Huân — Trần Đức-Vượng — Cao Ngọc-Lan — Nguyễn Văn-Lương — Lê Văn-Bài — Lưu Đức-Trinh — Bùi Tiến-Đức — Nguyễn Văn-Loan — Hoàng Khắc-Cương — Nguyễn Văn-Thức — Nguyễn Bách — Hoàng Văn-Quí — Trịnh Đình-Chương — Nguyễn Văn-Chấp — Phùng Như-Tài — Lê Cửu — Nguyễn Trinh-Cát — Phan Văn-Thụy. — *Cộng 30 ông đã đăng tên số báo 65.*

— Ông Đỗ Vi-Dục — Đặng Văn-Lâm — Đoàn Văn-Thịnh — Đỗ Đức-Long — Hoàng Đình-Cương — Nguyễn Hữu-Sử — Nguyễn Đức-Minh — Nguyễn Bá-Khoát Nguyễn Như-Kiệu — Nguyễn Chính — Nguyễn T.-Hiệp — Nguyễn Văn-Kỳ — Trương Như-Mại — Vũ Văn-Giụ — Tạ Công Thế — Nguyễn Văn-Kinh — Nguyễn Hữu-Tiến — Nguyễn Đôn-Phục — *Cộng là 18 ông đã đăng tên số báo 66.*

B. — *Vào thường-hội-viên*

— Ông Đặng Thế-Hoán và Nguyễn Liên (*đã đăng tên vào số báo 65*)

Qui-tắc vệ-sinh về Ấu-trĩ-viên

I

Các nhà dùng ở Ấu-trĩ-viên, nếu đất lát bằng gạch hay là bằng xi-măng, thì buổi sáng nào cũng phải rội nước quét rửa cho sạch-sẽ, và cứ mỗi tuần-lễ một lần nên dùng vôi-bột hòa vào với nước mà rửa, một lít nước thì hòa độ một thìa vôi là vừa.

Nếu các nhà Ấu-trĩ-viên có thể mỗi tháng một lần quét vôi chung quanh tường được thì càng hay, vì bằng không thì những nơi nhà nào dùng để cho trẻ ăn chơi hay là nằm phải giữ cho thật sạch-sẽ, nước dùng về các việc rửa-ráy ấy phải là nước của dân làng thường dùng, và nước ấy lại phải trong nữa. Nếu nước ấy không trong, thì khi dùng phải hòa vôi-bột vào theo như cách-thức đã nói ở trên.

II

Nước dùng về sự ăn uống hay là tắm rửa cho trẻ thì phải là một thứ nước thật trong. Có nước giếng hay là nước mưa chứa bể cạn mà dùng thì hơn cả. Nước ấy lấy về nhiều ít tùy theo sự cần-dùng hằng ngày, phải chứa vào thùng hay đồ đựng gì dễ rửa và có nắp để cho bụi không vào được. Nước ấy sáng nào cũng phải thay ; nước còn thừa hôm trước thì hôm sau không được dùng nữa.

Nước trước khi dùng về sự ăn uống tắm rửa, thì phải tẩy-uế bằng một thứ thuốc trừ-trùng, tiếng Pháp thường gọi là « *Eau de Javel* ». Phải dùng ngần nào nước « *Eau de Javel* » cho nước thật sạch, thì việc ấy đã có ông thầy-thuốc hay là y-thừa An-Nam bản-tỉnh cứ mỗi tháng một lần về Ấu-trĩ-viên để thí-nghiệm nước, và chỉ bảo cách dùng nước trừ-trùng cho bảo-mẫu cứ theo như thế mà làm.

Nước khi đã tẩy-uế rồi, thì không được cho tay vào thùng mà múc. Phải múc bằng một cái gáo có cán cầm, sạch-sẽ và chỉ để riêng về việc ấy mà thôi.

III

Đồ vật để cho trẻ con dùng thì phải giữ cho thật sạch-sẽ ; giường, ghế, bàn, hằng ngày phải rửa bằng nước hòa vôi-bột, những đồ dùng cho trẻ chơi cũng sạch-sẽ như thế, mà lại phải là những thứ dễ rửa và không thể làm hại đến thân-thể hay tính-mệnh trẻ được.

Chiếu dùng cũng phải có khá nhiều để có thể ngày nào cũng thay ra mà giặt nước vôi và phơi nắng.

Những bộ đồ ăn thì trước bữa cơm phải rửa bằng nước xôi. Rửa rồi thì không được lau bằng cái gì cả, phải để vào một nơi sạch cho nó ráo nước mà thôi. Về những đồ dùng để nấu đồ ăn lại phải giữ-gìn sạch-sẽ hơn nữa

IV

Nước rửa rồi, nước vo gạo và những đồ ăn thừa bỏ đi thì phải chứa vào thùng để mang đi mang lại, rồi để ra một chỗ xa lánh có nắng chiếu vào. Đến tối thì làng sẽ sai người đem đổ một nơi mà Hội-đồng giám-đốc Ấu-trĩ-viên đã định trước.

V

Cho trẻ con đi đại-tiện, tiểu-tiện vào thùng kẽm không giò, mang đi mang lại được và để vào một chỗ tránh mưa và nắng. Người trông nom Ấu-trĩ-viên phải giữ chỗ trẻ ngồi phóng-uế cho được sạch-sẽ luôn. Chỗ ngồi ấy ngày nào cũng phải tưới nước vôi rắm bảy lần. Còn thùng phân thì cứ tối đến làng sai người đem đi đổ, rồi rửa sạch và tẩy-uế bằng vôi-bột để hôm sau dùng.

VI

Nhà Ấu-trĩ-viên sẽ có cái thùng nấu quần áo, ngày nào cũng nấu để cho quần áo trẻ được sạch-sẽ luôn. Quần áo phải có nhiều để cho trẻ đủ thay, và mỗi cái phải có dấu số để cho của đứa nào thì chỉ riêng đứa ấy dùng thôi.

VII

Hạn tuổi cho trẻ vào thì kể từ tuổi biết đi cho đến tuổi đi học được. Đứa trẻ nào vào Ấu-trĩ-viên cũng phải đã có trồng đậu rồi. Những đứa trẻ khác, cha mẹ những trẻ nuôi ở Ấu-trĩ-viên cùng người không làm việc ở đó thì không được vào. Mèo chó và các súc-vật cũng không được để cho vào.

Tên và tuổi trẻ thì biên vào một quyển sổ người Giám-thị giữ, và mỗi đứa trẻ có một số thứ-tự.

VIII

Trẻ được ở Ấu-trĩ-viên từ . . . giờ sáng cho đến . . . giờ tối, những đứa nào còn thơ dại thì bố mẹ phải thân-hành đưa đến và dẫn về. Lúc trẻ vào, thì người giám-thị phải điểm gọi từng tên, nếu đứa nào vô-cớ nhiều lần không lại thì sẽ phải trục-xuất.

IX

Buổi sáng thì bảo-mẫu tắm rửa cho trẻ, con cả ngày lúc nào cũng phải lưu-ý vào các cách giữ vệ-sinh theo như qui-tắc này.

Trẻ con lần lượt phải tắm vào một cái chậu tắm to, bằng sà-phòng đen xoa từ đầu đến chân, và nước đã trừ-trùng.

Ấu-trĩ-viên cũng phải có một cái húi tóc. Trẻ con trai thì đều phải húi đầu hết thảy.

Những đứa lở ghẻ thì phải tắm sau cùng. Khi đã tắm xong cả, thì cái chậu tắm phải tẩy-uế bằng nước vôi.

Bảo-mẫu lại còn phải dạy những đứa lớn cho nó quen việc tự tắm rửa lấy, để sau này nó biết chuộng, biết cần sự sạch-sẽ thân-thể.

X

Buổi sáng trẻ con ăn chung nhau vào hồi . . . giờ. Đồ ăn mà Hội-đồng đã định thì cần phải đều một loạt cho tất cả các trẻ con, chỉ khác nhau nhiều ít tùy theo tuổi mà thôi.

Ăn cơm xong, nghỉ một giờ. Rồi trẻ được chơi đùa cho đến lúc về nhà.

XI

Ngoài sự giữ vệ-sinh cho thân-thể trẻ con, bảo-mẫu còn phải trông nom về việc giữ vệ-sinh chung như qui-tắc đã định, và lưu-ý vào sự đức-dục trẻ con, để cho chúng biết lễ-nghĩa khuôn phép, và biết kính-trọng mình như cha như mẹ.

Bài ca Ấu-trĩ-viên

(Của ông Bùi Trình-Khiêm, tiếp kỳ 66)

1

Ở với người bản-quốc

Các anh xem ! Các anh xem ! Nước Đại-Nam ! Nước Đại-Nam ! Tổ Kinh-Dương gây-dựng hơn bốn nghìn năm. Hiện nay số người hai mươi triệu, mỗi ngày mỗi một thêm. Chúng ta phải ở với người bản-quốc một dạ một niềm. Coi như anh như em !

2

Vệ-sinh

Các chị ! Các anh ! Vệ-sinh ! Vệ-sinh ! Chúng ta phải biết cho rành ! Phải biết rằng không nên ăn thịt cá ươn, rau sống, quả xanh. Không nên uống nước lã, rượu áp-sanh. Học vệ-sinh để cho sống lâu mà mạnh khỏe trong mình !

3

Cách-trí

Các anh ! Các chị ! Cách-trí ! Cách-trí ! Chúng ta phải nghĩ cho kỹ ! Phải nghĩ rằng : sao mà làm được xe-hỏa tàu-thủy, sao mà làm được máy bay, giây nói, đèn khí. Học cách-trí để cho khôn-khéo mà làm các công-nghệ.

4

Chào các quan đến khám

Mừng các quan ! Mừng các quan ! Chúng tôi thơ-ấu một đàn, nay nhờ nuôi nấng bảo-ban, Ấu-trĩ viên bởi ai xếp đặt ? Ai lo-toan ? Công-đức kể đã muôn vàn. Xin kính chúc hai chữ : « Thăng-an »!

5

Chào các ông Hội-viên đến khám

Mừng các ngài ! Mừng các ngài ! Ngày nay hạ-cố đến chúng tôi. Ấu-trĩ-viên thành-lập, bởi ai xuất-lực ? Ai xuất-tài ? Công-trình kể biết mấy mươi ! Xin kính chúc Hội Khai-Trí-Tiến-Đức, non sông lâu dài !

6

Kỷ-niệm

Ngày Kỷ-niệm ! Ngày Kỷ-niệm ! Mở Ấu-trĩ-viên, Công-đức nghĩ mà cảm ! Hội Khai-Trí đương trách-nhiệm. Năm Nhâm-tuất, mới thí-nghiệm. Mong rằng sẽ được như nước Pháp nước Đức nước Nhật-bản mà tiến lên cực-điểm. Còn bao giờ dám quên : Ngày mười rằm tháng giêng !